

I THÁNG 7 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm mười một

PHAN HOÀNG *người Việt xứ Lào* * LÊ VĂN SIÊU
cuộc đàm đạo về truyền thống dân tộc * CUNG GIỮ
NGUYỄN *ý - niệm quốc - gia trong thời - đại mới* *
NGUYỄN HIỂN LÊ *chuyên bắt lợi thành thắng lợi* *
ĐÀ GIANG *vài ý kiến về «Non nước Phú - Yên»* * VU
ĐOÀI *vượt năng* * ĐẶNG NGỌC HƯƠNG *nữ sĩ*
Quách Lương Huệ * AKUTAGAWA RYUNOSUKE *bức*
Bình phong Hỏa ngục * ĐỖ TIẾN ĐỨC *má hồng* *
TỪ TRÌ *chiến - tranh Trung - Đông* * BÁCH - KHOA
THỜI - ĐẠI *đọc sách giúp bạn* * VŨ HOÀNG
CHƯƠNG *đôi ngả* * CÔNG TRÚC *dáng hạ* *
SINH HOẠT *lễ kỷ*
niệm sinh nhật Quang
Trung * *Thời sự văn nghệ*

252

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 241 ĐẾN 252



CROISSANCE



CALCITHÉRAPIE GÉNÉRALE

R A C H I T I S M E
D E M I N E R A L I S A T I O N
T R O U B L E S D E L A C R O I S S A N C E
G R O S S E S S E — A L L A I T E M E N T
F R A C T U R E S

CALCIGÉNOL
du DOCTEUR PINARD

◇
CALCIGÉNOL
VITAMINÉ
du DOCTEUR PINARD

◇
en flacons de 300 cm³

Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A. BEN BACH-DANG — SAIGON

BÁCH
KHOA THỜI ĐẠI
Số 252 ngày 1 - 7 - 1967

PHAN HOÀNG <i>Người Việt xứ Lào</i>	3
LÊ VĂN SIÊU <i>cuộc đàm đạo về truyền-thống dân-tộc</i>	12
CUNG GIỮ NGUYÊN <i>ý - niệm quốc - gia trong thời-đại mới (Thực - trạng của nhiều quốc-gia ngày nay ; Tiến tới những nguyên-tắc tinh-thần mới)</i>	16
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>một bài học cho thanh-niên : chuyện bất lợi thành thắng lợi (dịch DOUGLAS LURTON)</i>	25
ĐÀ GIANG <i>vài ý kiến về «Non nước Phú - Yên» của ông Nguyễn - đình - Tư.</i>	29
ĐẶNG NGỌC HƯƠNG <i>nữ - sĩ Quách - Lương - Huệ (phỏng vấn)</i>	37
VU ĐOÀI <i>vượt năng (truyện ngắn)</i>	41
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	51
AKUTAGAWA RYUNOSUKE <i>bức Bình phong Hỏa ngục (CHƯƠNG NGỌC dịch)</i>	60
BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn (Hồ-Thơm Nguyễn Huệ Quang Trung (NGUYỄN-NGU-Í) ; Cách mạng và đạo đức ; Ba năm xáo trộn (LÝ-CHÁNH-TRUNG) ; ảo ảnh (VÕ-PHIẾN) ; Đàn bà, đàn ông (MINH-ĐỨC HOÀI-TRỊNH) ; Mười hoa trở sắc (10 tác giả)</i>	66
TỪ TRÌ <i>chiến tranh Trung Đông</i>	73
SINH HOẠT	
NGÊ BÁ LÍ <i>lễ kỷ-niệm sinh-nhật Quang-Trung</i>	78
MỤC - LỤC BỘ - MÔN TỪ 241 - 42 ĐẾN 252	80

SÁCH MỚI

Ý thức mới trong Văn-nghệ và triết-học của Phạm-Công-Thiện do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách tái bản lần thứ ba, dày 542 trang, gồm hai phần: Đi vào ý thức mới. Xung khắc giữa ý thức và vô thức. Giá 160đ.

Kêu thương nguyên tác của Juan Hermanos (nhà văn Tây-ban-nha), Tam-Ích dịch theo bản « La fin de l'espoir », tựa của J. P. Sartre, do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 180 trang. Giá 65đ.

Nietzsche (F. Nietzsche và chủ nghĩa đi lên con người) của Thế-Phong, trong tủ-sách Đại-Nam-Văn-hiến do tác giả gửi tặng. Sách tái bản lần thứ hai, dày 140 trang. Giá 65đ.

— **Mưa không ướt đất** tập truyện của Trùng Dương do Văn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 120 trang gồm 4 truyện: Mưa không ướt đất, Loài chim trên cát; Theo chân mây; Thư mùa hạ. Bản đặc biệt. Giá thường: 30đ.

— **Ảo ảnh** đoản văn của Võ Phiến, do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 160 trang gồm có: xem sách; người chồng bất thường; Cái còn lại; Năm ba lá thư; Ế, Hội-An; Giọt cà-phê. Bản đặc biệt:

— **Tiếng hát những người đi tới** (tập 1) tập thơ do « Hội sinh viên sáng tác » thuộc Tổng hội sinh viên Saigon

66-67 ấn hành và gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt khổ 20x26 dày 58 trang gồm gần 20 bài thơ của 15 tác giả. Bản đặc biệt không để giá.

— **Nghiên-cứu Việt-Nam** số 5 6 Mùa Xuân - Mùa hè 1967, tập khảo Văn-hóa dân-tộc hội sống ngày nay, công trình của trung tâm nghiên cứu nhân-văn Huế, do Lê-Văn-Hào chủ trương biên tập. Tập chỉ in ronéo 2 mặt khổ 21x27 dày 60 trang gồm nhiều bài biên khảo giá trị.

— **Sử Địa** số 6, tam cá nguyệt san sưu tầm, khảo cứu, giáo khoa, do một nhóm giáo sư, sinh viên Đại học sư-phạm, Saigon chủ trương. Nhà sách Khai-Tri bảo trợ, do ông Nguyễn Nhã làm chủ nhiệm. Mỗi số dày trên 170 trang. Giá 40đ.

— Ba bản in rời rút trong tập: **Mélanges sur Nguyễn-Du** đặc san của trường Viễn-đông Bác-cổ Pháp ấn hành nhân dịp kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn-Du; do Ô. Maurice Durand chủ trương. Ba bản in rời nói trên đây là của 3 bài: Le mot «đâu» dans le Kiêu; Pour une lecture grammati-cale du Kiêu; (của Nguyễn-hiến-Lê và Trương Văn Chình, do Ô. Trần Trọng Hiệp dịch ra Pháp ngữ). La condition humaine dans le Kiêu (của ông Nguyễn Hiến Lê do Cô Đặng-phương-Nghi dịch ra Pháp ngữ).

CÁO LỖI

Vì sự sơ-xuất trong công việc ấn-loát số này nên trang 16 là trang đầu của bài «Ý-niệm quốc-gia trong thời-đại mới» đã in lộn thành một trang của bài «Người Việt xứ Lào». Chúng tôi đã cho in lại trang 16, để rời, để bạn đọc tiện dán đè lên trang cũ. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn.

Tòa-soạn Bách-Khoa Thời Đại



PHAN - HOÀNG

Người Việt xứ Lào...

1. — Trong đời sống của tôi, "thân cư thiên di", nay đây mai đó, Ai-lao là một trong số các nước ngoài tôi lưu luyến nhất. Lưu luyến chẳng phải vì quyền lợi riêng tư, mà chỉ vì lòng riêng, mến cảnh, yêu người.

Cảnh Lào khả-ái ; người Lào hồn nhiên. Và người Việt ở xứ Lào do đó cũng đa số và tương-đối hồn-nhiên khả ái hơn một vài nơi khác mà tôi được biết. Khi mới đặt chân lên đất Lào, khách có thể không quen, hay không vui, vì thiếu tiện nghi vật chất, vì đô thị quạnh hiu. Nhưng ở lâu, nhất là khi đã hòa mình với nhịp sống địa phương, cùng vui buồn với người bản xứ, khách sẽ thấy như có một sợi dây vô hình ràng buộc mạnh mẽ, không dễ gì mỗi lúc mà gỡ ra cho được. Chúng ta hiểu tại sao có những người ngoại-quốc (trong số đó có người Việt Nam) đã từ biệt xứ Lào để rồi một ngày kia trở lại, hay ít ra cũng ước mong một ngày kia trở lại...

Theo những con số năm 1967, tổng số Việt kiều tại Ai-lao ước lối 35.000 người

(ba mươi lăm ngàn), sống rải rác ở khắp các đô thị chánh và một vài địa điểm phụ, từ thượng tới hạ Lào, chia như sau :

Luang-Prabang	1.500
Vientian	15.000
Paksane	100
Thakhek	2.500
Xieng-vang	1.000
Seno	1.200
Sevannakhet	5.500
Saravane	300
Khong/Sedone(1)	250
Attopeu	150
Paksé	8.500
Paksong	750
Champassak	50
Phontiou	100
Khinak	50
	vân vân...

Phần lớn các bà con Việt-kiều ta sinh sống từ trước năm 1945. Có gia đình

(1) — Tỉnh mới thành lập, nay đổi tên là Wapikamthong, ở cách tỉnh-lỵ Paksé chừng 50 cây số về phía Bắc;

phiêu-lưu từ thời Gia-Long, vì sinh kế hay tình cờ lịch sử. Năm 1945, một số tản cư qua Thái-lan, nên tại Vientiane, Savannakhet, Thakhek, có một số Việt-kiều mới, tới lập nghiệp từ năm 1946 và sau này, từ hiệp-định Genève 1954. Một số đã lập gia đình với người Lào, và nhập quốc-tịch Lào.

Trước đây, dưới thời Pháp - thuộc cũng như trong giai đoạn đầu các quốc-gia Việt Mên Lào mới thâu hồi độc-lập, người Việt qua Lào hay người Lào qua Việt chỉ cần giấy «chu-lưu». Nhưng từ tháng 7-1957, các du khách này đều cần có thẻ thông-hành, Mặc dầu vậy, đi lại vẫn tương đối dễ dàng, vì tất cả chỉ là thủ tục hành chính. Còn nguyên-tắc là: kiều dân hai nước tự-do di chuyển, dù là du lịch hay sinh kế. Nhất là từ tháng 6 năm 1959, hai chánh phủ Lào-Việt đã cùng ký kết hiệp-định kiều-cư (Convention d'établissement) dành mọi dễ-dãi thực tế cho người Lào và người Việt.

Nhưng kể từ tháng 11-1962, vì lý-do nội-chính, vương-quốc Lào công-nhận Bắc-Việt Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa phản đối, triệu-hồi Đại-sứ của mình và tuyên-bố Sứ-quán tại Ai-lao đình hoạt-động, hay chỉ hoạt-động cầm chừng: vấn-đề di-chuyển của người Việt cũng như người Lào lâm tình-trạng đặc-biệt, dễ-dàng trên lý-thuyết mà hạn-chế trong thực-tế. Tuy vậy, trong thâm-tâm và từ nhiều thế-hệ, nối liền người Việt với người Lào, luôn luôn như có một sợi dây vô-hình mền-cảm. Người Lào bản-chất hiền-hòa hiếu-khách, và cuộc sống chung giữa người Lào và người Việt, tuy cùng hoạt-động mưu-sinh, nhưng các hoạt-động mưu-sinh đó không những đã không mâu-thuẫn cạnh-tranh, mà còn có phần nào bổ-túc. Hơn nữa, vương-quốc

Ai-lao trở nên trung-lập là vì vạn bất đắc dĩ, chớ t x đáy lòng, người dân Lào và đại-đa số các chánh-khách, nhân-sĩ Lào, vẫn hướng về thế-giới tự-do, trong số có Việt-Nam Cộng-Hòa và Trung-Hoa Dân-Quốc.

Việt-Nam Cộng-Hòa tạm đóng cửa Sứ-quán (năm 1962) rồi lại mở cửa và bổ-nhiệm Đại-sứ (năm 1965). Trung-Hoa Dân-Quốc đoạn-giao (năm 1962), và rồi tình-thế không thuận-tiện để tái-lập bang giao và mở cửa lại Sứ-quán, vì nhiều lý-do chánh-trị và thủ-tục từ mỗi phía.

Ta không cần so-sánh giữa hai Sứ-quán Nam và Bắc-Việt, nhân các ngày quốc-khánh. Nhưng ngay như quốc-khánh Trung-Cộng và quốc-khánh Trung-Hoa Dân-Quốc năm 1966 cũng đủ cho chúng ta một hình ảnh đối-chiếu thú-vị, vì Trung-Cộng có đặt Sứ-quán, còn Trung-Hoa Dân-quốc đã đoạn-giao không đặt Sứ-quán tại vương-quốc Ai-lao từ năm 1962.

Ngày 1-10, quốc-khánh Trung-Cộng. Tại Sứ-quán có chãng đèn kết hoa. Có cả thầy độ 50 tân-khách tới dự tiệc rượu, tối đại đa-số là vì lý-do chức-vụ hay xã-giao miễn cưỡng. Tiệc khởi sự 6 giờ 30 chiều, thì khoảng 7 giờ 30 đã bế-mạc trong thực-tế, vì các nhân-viên chính-phủ và ngoại-giao đều đã ra về. Ông Tổng-Trưởng và ông Đại-sứ có nâng ly chúc tụng, nhưng đều không dẫu nổi vẻ gượng-gạo, e dè...

Ngày 10-10 (song thập), quốc-khánh Trung-Hoa Dân-Quốc. Tại khách-sạn Lane Xang lớn nhất thủ-đô Vạn-Tượng, có tới gần hai ngàn tân-khách, hội-hợp, chuyện-trò, vui-vẻ, từ 6 giờ 30 chiều cho mãi tới 9 giờ khuya. Ông Tổng-Trưởng Ngoại-giao không tới, (vì nghi lễ không cho phép), và về phía chủ nhà chỉ có một ủy-ban thay mặt cho toàn-thể Hoa-Kiều tổ-chức. Nhưng

bầu không-khí thật hào-hung, nồng-hậu. Về phía Lào, nâng ly cầu-chúc, là một vị chánh-khách lão-thành, ông Oun Sananikone, nguyên Tổng-Trưởng, đương-kim chủ-tịch Phòng Thương-mại, Hội-trưởng Hội Chống Cộng kiêm Chủ-Tịch Ủy-ban tài chánh trong Quốc-Hội.)

oOo

2 — Không ở đâu, người Việt-kiều và người bản-xứ lại sống chung thân-ghn bằng ở Ai-lao. Lẽ dĩ nhiên, một đôi khi cũng có xảy ra một vài câu chuyện nhỏ. Những chuyện nhỏ đáng tiếc không mấy quan-tâm, vì không hề bắt nguồn từ những quan-niệm hẹp-hòi hay tinh-thần kỳ-thị. Những chuyện đáng tiếc, nếu có, chỉ là những chuyện chúng ta có thể gặp ở bất cứ nơi đâu, ví dụ như tại Việt-Nam, giữa người Việt và người Việt, hoặc tại Ai-lao, giữa người Lào với người Lào . . .

Ở Ai-lao, cả người Lào lẫn người Việt dường như không hề mặc-cảm. Hay nói một lối khác, ai nấy dường như nhận chân các đặc-điểm của mình một cách hồn-nhiên, cảm-nghĩ chân-thành, không tự-tôn mà cũng chẳng tự-ty : mình có khác người, rất có thể kém bạn ở điểm này, nhưng lại hơn ở điểm khác...

Một ông bạn Lào, một hôm tâm-sự :

— Trước đệ-nhi thế-chiến, kể toàn bán-đảo Ấn-độ Chi-na, Việt-Nam là quốc-gia tiến-bộ nhất. Ngay từ năm 1930, 1935.. các anh đã có các bác-sĩ, tiến-sĩ, thạc-sĩ, kỹ-sư, chuyên-viên... Chúng tôi kỳ-vọng ở các anh, đề cùng tiến bước. Nhưng buồn thay, các anh cứ mâu-thuẫn với nhau mãi, đánh nhau hoài, cho đến bao giờ ? Không phải chỉ giữa Nam và Bắc, mà ngay giữa các anh với nhau

ở miền Nam... Anh coi, chúng tôi ngày nay nên người, là nhờ các giáo-sư Việt-Nam trước đây tận-tâm dlu-dắt, khi chúng tôi còn là học-sinh trung-học... Chúng tôi không bao giờ quên. Các đoạn đường chúng ta cùng đi, là do các cán-sự chuyên-môn Việt-Nam làm nên. Nếu Việt-Nam sẵn chuyên-viên, ví-dụ y-sĩ, kỹ-sư, có muốn lên đây làm việc, chánh phủ Lào chắc sẽ rất hoan-ngheh...

Và như vậy, chúng ta sẽ không ngạc-nhiên khi biết Ai-lao độc-lập từ năm 1953, mà đến ngày nay, tại một vài Bộ, một số công-chức Việt-Nam vẫn làm việc, tương-đắc, đối với các bạn đồng-sự Lào chẳng khác nào ruột thịt...

Tại một số gia-đình Lào, gia-nhân là người Việt. Một nhân-vật Lào danh-tiếng, một hôm giới-thiệu tôi với một bà cụ già, người Việt : đây là nhũ-mẫu của tôi khi nhỏ ; bà cụ đối với chúng tôi như trong gia-đình. Cả nhà đều nề vì, kính-trọng...

Quốc-Vương Ai-lao tính tình cởi mở, khả-kính và khả-ái. Nhà Vua không coi thường nghi-lễ, nhưng tế-nhị ở chỗ rất giản-dị mà vẫn tôn-trọng lễ-nghi. Có lần đàm đạo với triều thần, Nhà Vua ôn lại những kỷ-niệm êm-đẹp buổi thiếu-thời, còn là sinh-viên tại Việt-Nam... Các bà con Việt kiều ở Luang-Prabang, mỗi dịp lễ Pimay, đều cử phái đoàn vào Hoàng cung chúc thọ Quốc vương và Hoàng hậu.

oOo

3. — Với một tâm-trạng và bối-cảnh như vậy, ta có thể tự hỏi :

Nếp sanh-hoạt của bà con Việt-kiều tại Ai-lao như thế nào ? Và các đồng bào của chúng ta có thể góp phần tới mức

vào công cuộc chiến đấu chung của dân tộc? Và từ mức nào, các con dân Việt-Nam đó tha hương, mong chờ được chánh phủ quốc gia săn sóc, chăm nom?...

oOo

4.— Một số—mặc dù là rất ít và vẫn giữ quốc tịch Việt-Nam—làm công-chức tại các nha sở địa phương, được các nhà cầm quyền Ai-lao tín nhiệm. Một số nữa mở cửa tiệm vàng bạc tạp hóa, tiệm may, sửa xe hơi, tiệm ăn, làm nghề thầu khoán... thành công và giàu có.

Tại Luang-Prabang, đài vô-tuyến truyền thanh, trường trung học, là do nhà thầu Việt-Nam phụ trách. Tại Vientiane, trường Y-học trường Luật-học, cũng do một nhà thầu Việt-Nam thực hiện. Đền bơi và sân quần vợt trong khu phái đoàn quân sự Pháp, là công trình của một cựu quân nhân Việt-Nam di cư lên Lào từ sau hiệp định Genève... Đã có những vụ đấu thầu quốc tế, có những công-ty xây-cắt, từ Hương-cảng, Mã-lai, Tân-gia-ba, gửi nhân viên đại-diện tới cạnh tranh, mà sau cùng, rất có thể là nhà thầu Việt-Nam và Ai-lao thắng cuộc.

Những sự kiện đó không phải chỉ ảnh hưởng riêng về kinh tế, tài chánh, mà còn vang dội tới chánh-trị, phản ảnh một phần không nhỏ đức-tính cần-cù, khéo-léo, tận-tâm của người dân Việt, trên nhiều lãnh vực...

Tại các sở tư, nhân-viên văn-phòng và kế toán Việt-Nam không ít. Đặc-biệt là các nhân-viên phụ-trách giao-tế tại các hãng du-lich hàng không đa số đều là người Việt. Nhân-viên địa-phương tại các Sứ-quán phần lớn là người Việt. Và cũng rất nhiều người Việt làm gia-nhân cho các gia-đình ngoại-quốc: thương-gia hay ngoại-giao đoàn...

Du-khách Việt-Nam, đi mua hàng tại các tiệm ở Vientiane, có thể dùng tiếng Việt-Nam để chọn hàng hay trả giá. Đi chợ tại Vientiane, Thakhek, Savan-nakhet, Paksé... gặp không biết bao nhiêu người Việt-Nam mà kể. Từ hàng giá, hàng miễn, hàng chè, cho đến hàng thịt, hàng phở, hàng cơm...

Tại các chợ Paksé và Vientiane, đã có lần một du-khách tò mò đếm nhằm: đại đa số các thớt thịt là của người Việt Nam... Lẽ dĩ nhiên đây là một trường-hợp đặc-biệt, vì người Lào tránh sát-sinh, và sự khiếm diện của người Lào trong ngành hoạt-động này là vì lý-do tôn giáo. Nhưng ở nhiều ngành khác, người Việt-Nam đều cũng góp phần đắc-lực.

Các tiệm may âu-phục, đại đa-số là người Việt. Người Việt làm chủ hay có cổ phần trong các tiệm ăn món Nam, món Bắc, các phòng trà, tiệm hớt tóc nam và nữ, nhan-nhân tại thủ-đô Vantượng. Đặc biệt là các tiệm phở, không những riêng người Việt Nam mà còn rất nhiều người bạn Lào chiếu cố.

Ngoài ra, còn phải kể các tiệm đồ gỗ, đồ sắt, đồ cò có danh tiếng, do người Việt chủ trương, thường cung cấp bàn ghế và các đồ dùng mỹ thuật cho các công sở, sứ quán, hoặc gia đình khá giả.

Có thể nói thông lệ, tại Lào, người Việt-Nam chỉ trừ khi bệnh hoạn, lười-biếng, không may, còn thì không sợ thất nghiệp. Nếu có nghỉ việc, thì cũng không lâu, sớm muộn rồi lại có việc làm. Ngân quỹ gia đình không sợ thiếu hụt, nếu biết chăm chỉ, tần tảo, lo xa. Nhưng buồn thay, có một số đồng bào của chúng ta, ý tài cậy sức, không biết dành dụm, nên kiếm được bao nhiêu là

phải tiêu cho hết, chè rượu bạc bài, không tưởng đến tương lai hay những ngày già yếu . .

Có Việt-kiều làm thợ mộc, thợ nề, sống rất sung túc. Có người dạy tư tại các trường Lào hay Việt, hay làm tư-chức. có xe hơi, thỉnh thoảng lại đi Hương-cảng hay Thái lan, du lịch.

Một cụ già, nho học, tản cư từ Bắc-Việt, sau hiệp-định Genève 1954. Ông cụ ở một mình, trước mắc bệnh lao xương, bị cưa cả hai chân, không đứng được. Ngày ngày, ông cụ chỉ ngồi nhà viết sớ, để bà con Việt-kiều đi lễ, mà cũng đủ sống. Nhà ở không tráng lệ, nhưng khách tới thăm có ghế ngồi, uống trà tàu, trong khi đàm-luận về thế sự . . .

Nói chung, bà con Việt-kiều ta không đến nỗi quá túng thiếu. Tuy vậy cũng như bất cứ nơi đâu, có một số không may mắn, cam phận hẩm hiu sống nơi bùn lầy nước đọng, độ nhật lần hồi. . . Vì không có nghề chuyên môn, vì kém hoạt động, hay vì nghèo sáng kiến, thiếu lo xa. . .

Ngoài ra, nếu có những kiều bào cần cù chăm chỉ, thì ngược lại, cũng có người chỉ ham kiếm nhiều tiền mà không muốn nhọc đến thân, do đó chủ trương những biện pháp dễ dãi, nhất thời, bất thường may rủi, hơn là phác họa những kế-hoạch làm ăn, có tổ chức và hợp pháp.

Một trường hợp điển-hình, trong muôn một : kiều bào mang vàng thuê, hoặc mang vàng về Việt-Nam vì lý do «hồi-hương vĩnh-viễn».

Sự-kiện này mằm từ cuối năm 1960, một đại úy trẻ tuổi tên Kong Le đảo-chánh. Giới Việt-kiều hoang mang lo sợ, nhiều gia đình thu xếp hồi-hương. Trong khi chánh quyền Lào ra lệnh cấm mua bán Mỹ-kim và đình chỉ nghiệp-vụ chuyển ngân tại các ngân hàng. Vì hai lý do trên đây, và hai lý do lại bắt nguồn từ tình trạng bất an ninh, nên nhiều Việt-kiều hồi hương, phải mang theo gia sản. Với sự thỏa thuận của Bộ Kinh-tế, Bộ Tài chánh ra chỉ thị ngày 17-12-1960, đặc biệt cho phép kiều bào mang về nước tư trang bằng vàng, có chứng chỉ của Sứ-quán nhận thực.

Nếu chỉ-thị đó rất hữu-lý buổi ban đầu, vì lý do thông cảm và nhân nhượng thì sau này đã bị vô tình hay hữu ý, ngộ nhận, lợi dụng, và lạm dụng.

Bộ Tài chánh có ghi rõ «tư trang bằng vàng», chứ không phải vàng thoi, vàng nén, hay trình bày dưới hình thức như một chiếc đĩa cuộn tròn lại, rồi kêu là. . . «vòng khạ». Hơn nữa, các lý do «bất an-ninh» cấm mua bán mỹ-kim» và «đình chỉ nghiệp vụ chuyển ngân» về sau không còn nữa. An ninh đã vãn hồi, và các ngân hàng, chỉ mấy tháng sau, đã lại tiếp tục hoạt động.

Trong khi đó và do tình thế xui nên, một số Việt kiều trở nên chuyện-viên trong ngành mang vàng thuê, hoặc «hồi hương vĩnh viễn» nhưng độ dăm sáu tháng sau lại trở về Vạn-tượng. Để rồi khoảng một năm sau nữa, lại «hồi hương vĩnh viễn» có «quyền» mang theo gia sản, nghĩa là. . . vàng. Có người bán tàu-hủ,

hò tiền, nước đá bào... trong độ ba bốn năm mà đã có thể «đáp lời sông núi» để hồi hương, khai gia sản có tới 10 hay 25 kí vàng «dành dụm», hoặc do «bà con cô bác hảo tâm gom tặng»... (Để có chút ý niệm, mỗi ký vàng là 27 lạng ta. Mỗi lạng tại Saigon hiện nay giá khoảng 9.000đ VN. Có một thời, mang vàng từ Vạn-tượng về Saigon bán, lời một xấp đôi...)

Đã có những vụ lường gạt, lật lọng, thừa gửi, thật phức tạp. Những trường hợp «khẩn trương» xin giấy tờ hồi hương vì thân phụ hay thân mẫu qua đời, mà rồi hàng tháng sau vẫn chưa lên đường, vì không có người «chọn mặt gửi vàng» để... mang thuê...! Lại có những vụ phụ nữ mang vàng đầu sâu vào chỗ kín nhất trong cơ thể, đến nỗi phải đi Bác sĩ! Và có người đã chết, hay mang bệnh suốt đời, chỉ vì vàng!

Về vấn đề vàng, có thể viết cả ngàn trang giai thoại, mà vẫn không cạn tài-liệu.

5. — Ngay ở đoạn đầu những trang này, tôi đã được hân hạnh giới thiệu: «người Việt ở xứ Lào đa số và tương-đối hồn nhiên khả ái hơn nhiều nơi khác».

Sứ quán mở phòng y-tế thăm bệnh, phát thuốc, dành cho các kiều-bào thanh bạch. Mỗi ngày có tới mấy chục bệnh nhân, già, trẻ, lớn, bé, nam, nữ. Một hôm có một bệnh nhân, không giàu có mà cũng không thanh bạch. Phòng y-tế tiếp đón và chữa bệnh như thường lệ. Khi khỏi bệnh, «thân chủ» sốt sắng mang tới 10.000 kíp (lối 3.000đ VN tùy

thời giá) không phải để trả tiền sứ quán, mà là để góp phần vào quỹ mua thuốc sau này. Một lần khác, một kiều bào trữ-dược-phẩm, tự-động gửi tới một thùng thuốc thông thường, và cho biết sẽ dành điều kiện đặc biệt nếu sứ quán mua thuốc tại tiệm của ông. Một vị bác sĩ Việt-kiểu tình nguyện làm cố vấn cho phòng y tế, mà nhất định không chịu nhận thù lao.

Tại Luang-Prabang, một cụ già tứ cổ vô thân, lại một thân đa bệnh, được một gia đình Việt kiều lãnh về nuôi nấng; không những thế, còn thuốc thang tằm bở hàng ngày. Tại Paksé một bà quả phụ sống một mình, cũng được bà con lối xóm chia nhau săn sóc, lần-lượt chăm nom. Mỗi tình «lá lành đùm lá rách», thật là cảm động.

Cũng tại Luang-Prabang, các bà con Việt-kiểu tự động chung tiền mà làm được một ngôi trường tiểu-học. Sứ quán đài thọ lương một số giáo viên, cung cấp sách giáo khoa và học cụ.

Nhưng không phải bà con Việt-kiểu nào cũng lương-hảo như vậy. Kề ra cũng đáng buồn, nhưng đó là điều dĩ nhiên không thể tránh. Cũng may mà các người này chỉ là tối thiểu số. Và tối thiểu số này sớm muộn thường bị «ngạt» trong đại gia-đình các bà con Việt-kiểu chung thủy...

oOo

6. — Trong khung cảnh đó, sống nơi nước bạn, các đồng bào của chúng ta có thể góp phần tới mức nào vào công cuộc chiến đấu chung của dân tộc?

Thực ra, trong thời gian khoảng hai năm trước, sứ quán đình chỉ hoạt động,



Cầu
Vọng
Hương
tại
Vạn
Tượng

một số công dân Việt-Nam đã đi theo «bên kia»...một mình một chợ, tha hồ mà tung hoành, thao túng...Ngày nay, tình thế đã dần dần nhưng chắc chắn xoay chiều, đổi hướng. Các bà con Việt-kiểu dần dần không những quay về với chánh nghĩa quốc gia mà còn thuyết phục những ai chưa thấu hiểu sự-kiện đổi hướng xoay chiều đó...

Những thí-nghiệm đã qua, và những hoạt-động đang được thực-hiện, đều chứng-tỏ thiện-chí và khả-năng đa-số Việt-kiểu của chúng ta.

a) Tại thủ-đô Vientiane, có số một kiều-bào thiên tả, ngụ ở xóm Khouadine. Cầu nối liền xóm với ngoài lộ bị hư, một đôi khi gây tai nạn. Không một ai nghĩ đến chuyện làm cầu mới. Dân-chúng không đủ tiền, mà nếu sứ quán có làm, thì lại e ngại «bên kia» phá... Sau cùng, sứ-quán và các vị bô lão, cùng đàm luận để tìm giải-pháp,

Dân xóm quyên tiền ; sứ quán bảo-trợ và cấp thêm ngân khoản. Kiều cầu đã được Tòa Đô-chánh chấp-thuận. Ngày thực hiện cầu đã tới. Các Việt-kiểu chuyên-viên góp công, cùng hoạt-động với nhân viên sứ-quán ; cửa, sẽ

đục, bào, sơn, đóng đinh, đổ «bê-tông» tùy sở trường và... sở đoản. Công-cuộc phát triển cộng đồng, dân-chánh hợp tác, đã gây nhiều tiếng vang. Ngày nay có ai qua Vạn-tượng, sẽ chẳng thể bỏ qua hai chiếc cầu VỌNG-HƯƠNG và ĐÔNG-NAI gần khu Chợ-mới, là công-trình của Việt-kiểu và nhân-viên sứ quán cùng cộng-tác...

b) Một vài khu-xóm đa-số Việt-kiểu (tỷ như khu giải-tỏa Dong-Palane, có thể so sánh với khu Bàn Cờ của ta), ở xa, không có nước. Dân chúng phải mua nước giếng, nước hồ, đã thất thường, còn tốn kém và thiếu vệ sinh. Các bà con Việt-kiểu lại cùng với Sứ quán tìm giải pháp. Sứ quán cấp ngân khoản, Bộ Công chánh chỉ dẫn kỹ thuật. Tòa Đô-sảnh cung cấp nước. Các chuyên-viên Việt-kiểu góp công, về mặt kỹ thuật các Việt kiều không phải chuyên viên khuôn vác, hoặc đào, sê, và lấp đường lộ...

c) Một công-tác nữa có thể đem dẫn chứng, là vấn đề bốc mộ Việt kiều tại nghĩa trang That-Phoun ở ngay thủ-đô Vạn-tượng, để chuyển tới nghĩa-trang Ai-hữu Việt-kiểu.

Công cuộc do Hội Ái-Hữu Việt-kiều đảm nhận, với sự bảo trợ của sứ quán.

Nghĩa trang That-Phoun thành lập từ non nửa thế kỷ nay, ngoài các mộ thuộc quốc tịch khác, có tới gần ba ngàn ngôi mộ Việt-kiều. Từ khi có lệnh giải tỏa, đã có tới hơn một ngàn ngôi mộ Việt-kiều được thân nhân cải táng. Còn lối 1500 ngôi mộ Việt-kiều nữa mà gia đình không biết, vì vắng mặt (ở lại Bắc Việt, tản cư sang Thái-Lan hay về miền quê Việt-Nam, nên không hay tin, mặc dù tin đã được loan nhiều lần bằng báo chí...) Những ngôi mộ đó, ngày nay, được hội Ái-hữu Việt kiều và các đại diện tôn giáo phụ trách cải táng. Có lẽ cần siêu cho hương hồn người quá cố, có lẽ chuyền quách đến nghĩa trang Việt kiều.

d) Trên đây có nói tới các bà con Việt kiều có mặt ở mọi ngành hoạt động kinh tế tại nước bạn Ai Lao. Các Việt kiều buôn hàng chuyển đi lại giữa Saigon/Vientiane đã vô tình khiến các người bạn Lào quen thuộc với những loại hàng do Việt-Nam sản xuất. Và do đó, góp phần phần thịnh vào nền kỹ nghệ Việt-Nam. Ngành kinh-tế có danh từ: «xuất cảng vô hình» (exportation invisible). Danh từ đó có thể áp dụng cho các loại hàng-hóa sản xuất tại Việt-Nam, rồi đưa sang Ai-lao tiêu thụ, mà không cần giấy phép...

Một khi hòa bình trở lại, với những hiệp định thích nghi về kinh tế giữa hai quốc gia láng giềng và hai dân tộc bạn, hàng hóa Việt Nam sẽ được xuất cảng dễ dàng sang Ai-lao. Các hàng hóa đó sẽ có sẵn thị-trường trong giới các bà con Việt kiều và các bạn Ai-lao tiêu thụ. Hiện nay, chỉ vì thiếu an ninh, mà một số bạn Ai-lao di chuyển thường ghé Bangkok hơn là Saigon. Các hàng hóa xuất nhập cảng cũng do ngã Thái-lan, trong khi chính các nhà kinh tế Lào vẫn thường hy vọng một ngày kia sẽ lại được nhận và gửi

hàng qua nẻo Saigon hay Đà-nẵng...

Và như vậy, trừ một thiểu số không đáng kể, ta có thể tin là bà con Việt-kiều tại Ai-lao có khả năng góp phần hữu hiệu vào đời sống nước nhà. Điều cốt yếu là các đồng bào đó được hướng dẫn, săn sóc, hầu sống một cuộc đời có kỷ-cương và tổ chức...

oOo

7 — Nhận xét như thế xong, bây giờ chúng ta có thể nêu câu hỏi: từ mức nào các con dân Việt-Nam đó tha-hương, mong chờ được chánh-phủ quốc-gia săn sóc chăm nom?

a/ Lãnh thổ Ai-lao hình dài, Việt-kiều sống rải rác, từ Luang-Prabang cho tới Attopeu. Nhưng ta có thể chỉ kể 3 địa điểm chính có đông Việt-kiều nhất. Vientiane có sứ quán, Paksé có Lãnh sự quán. Vậy cần đặt thêm một Lãnh-sự-quán nữa tại Savannakhet cần chi khu vực thẩm quyền mỗi lãnh sự quán, sao để các bà con Việt-kiều khỏi đi lại xa xôi tốn-kém, mỗi khi có việc.

Tại các nơi kém quan-trọng (xét dưới khía cạnh số Việt kiều nhiều hay ít), cần bổ nhiệm Lãnh-sự danh-dự (Consul-honoraire), hay Đại-lý Lãnh-sự (Agent consulaire), ví dụ như Thakhek, Luang-Prabang.

Ngày 18-1-1958. Bộ Ngoại giao đã long trọng tuyên bố sẽ đặt nhiều Tòa Lãnh sự Việt-Nam tại Ai-lao. Từ đó đến nay, gần 10 năm đã qua rồi.

b/ Việt-kiều không quan tâm đến vấn đề các nhân viên ngoại giao bước bổ nhiệm là vì lý do chánh trị hay chuyên nghiệp. Miễn các vị có kinh nghiệm và thiện chí, khả dĩ làm tròn sứ mệnh của mình, bênh vực kiều bào và nâng cao uy tín quốc gia cho xứng đáng. Tuy nhiên, phải triệt để tránh những trường hợp vốn dĩ gây mầm chia rẽ, làm xáo trộn trật tự và thương tổn tới quyền lợi chung của đất nước,

Có một thời kỳ tương quan giữa một số nhiệm sở tại cùng một quốc gia, như mặt trăng với mặt trời. Lệ luật áp dụng không nhất trí. Và vô tình hay hữu ý, trong nhiều giai đoạn, ngay cả một số nhân viên cao cấp cũng đã nêu gương chia rẽ!

Nhân viên ngoại giao, dù ở cấp bậc nào và dù là thuần-túy hay biệt-phái, cần phải nêu gương sáng. Phải quan-niệm nhân-viên ngoại-giao là để phục-vụ kiều-bào. Có như vậy, mới đi đến chỗ tương-đồng tương-đắc. Có như vậy, sứ-quán nói gì mới được Việt-kiều tin tưởng nghe theo.

c) Về văn-hóa : cần mở trường cho các con em Việt-kiều. Buổi đầu, có thể gửi giáo viên từ quốc-nội lên. Về sau, có thể tuyển dụng trong số các thanh niên Việt-kiều nam-nữ đã được gửi về huấn-luyện nơi quốc - nội. Dành điều kiện đặc-biệt dễ dãi cho Việt-kiều nhập học ban Sư-phạm hay Đại-học, với điều kiện sẽ trở về làm việc tại Ai-lao, hòa-nhập với đoàn-thể Việt-kiều.

d) Vấn đề sức khỏe : cần thành lập chẩn-y-viện, mở thêm phòng y tế, hoặc cho phép và xin phép để một số bác-sĩ, nha sĩ tự lên hành nghề nơi nước bạn. Tòa Đô-chánh Vientiane đã hứa sẽ tặng đất, để Tòa Đại sứ mở phòng mạch.

e) Có định kỳ, tổ chức trao đổi văn-ngệ, thể-thao, văn hóa . . . để nhắc-nhở Việt-kiều hướng về đất nước và thắt chặt tình giao-hảo. Một đôi khi, mời các nhân vật Lào, (Tồng - trưởng, Tỉnh-trưởng các tỉnh có nhiều Việt-kiều trú-ngụ) qua Việt-Nam thăm viếng. Các vị đó có cảm tình với Việt-Nam, ấy là sẽ tự nhiên nhân-nhượng đối với Việt-kiều..

f) Trước kia, sứ quán đóng cửa, nên có hạn chế kiều bào di-chuyển giữa Việt Nam và Ai-lao : 4 lần nếu có môn-bài, 2 lần nếu vì lý-do du lịch hay thăm viếng. Ngày nay, sứ-quán đã mở cửa lại, thiên

nghĩ nên đề kiêu bào lương hảo di chuyển tự do, tuy vẫn cần chiếu khán. Chỉ nên hạn chế những phần tử bất hảo.

g) Sống tại Ai-lao, liên lạc với Bangkok là sự rất thường. Có thể nói là một nhu cầu, nhất là đối với các nhà buôn. Nên đề các kiều bào được phép di chuyển dễ dàng.

h) Các bà con ở Việt-Nam có liên lạc với Ai-lao, đi lại khỏi nộp thuế xuất-ngoại 20.000đ, dù là vì lý do gia đình hay thương mại. Thuế này nhằm các «trường hợp du lịch xa xỉ», trong khi đi lại giữa Ai-lao và Việt-Nam gần gũi mà chỉ có thể vì lý do cảm-tình, sức khỏe hay sinh kế.

i) Việt-kiều đương được hành nghề tự-do, bỗng dưng bị đe dọa cấm như mọi ngoại kiều. Cũng may Tòa Đại sứ Việt-Nam tại Ai-lao đã sốt sắng can thiệp, kết quả mỹ mãn. Các kiều bào vui vẻ, vì được tiếp tục hành nghề, sinh sống.

Tuy nhiên, thuế cư-trú vừa bị tăng quá mức. Các Việt kiều chỉ biết có trông chờ [] để đỡ được phần nào, hay phần nấy. Nếu có những Việt kiều dư giả, sung túc, thì trái lại, cũng có những người bữa sớm lo bữa tối.

Vấn đề thật khó khăn, phức tạp và tế nhị. Nhưng nếu được [] [] [] Sứ quán xúc tiến, chắc sẽ đi đến kết quả, dù chỉ là một phần nào..

oOo

8.—Trước khi dừng bút, để kết-luận, tác-giả những trang này xin tự giới-thiệu là một Việt-kiều, sống tại nước bạn Ai-lao từ lâu, thường có việc chia sẻ thời giờ đi lại giữa Việt-Nam, Ai-Lao và Thái Lan. Tác-giả được hân hạnh biết và quen nhiều nhân vật, Việt cũng như Lào, Thái, dưới nhiều triều đại.

Tôi mạn phép, rất khách quan, chỉ biết ghi chép những sự kiện, để rút ra một số ưu khuyết điểm.

PHAN-HOÀNG

CUỘC ĐAM ĐẠO VỀ truyền thống dân tộc

(Xin xem BK.TĐ. số 250)

PHẦN HAI : TRÌNH GIẢI

Theo những điều vừa nhận xét, con người Việt Nam có những gì riêng biệt, cũng như dân tộc Việt Nam có những gì không giống với dân tộc khác.

Vậy, để quý bạn rút tỉa dễ dàng những gì cần ích cho việc tiếp xúc với nhân dân, ta hãy xem xét từng điểm đặc biệt một.

1 — Quán-niệm nhân-sinh :

Đây là sự *pha men* căn cốt chính của người dân Việt với triết lý của nhà Phật.

Ta nhớ rằng đạo Phật đã truyền vào nước ta trong hồi ta bị Trung Hoa đô hộ, và sau khi khởi nghĩa lần thứ nhất với Hai Bà Trưng rồi bị Mã Viện sang đánh trả thù và giết hại rất tàn nhẫn. Trong hoàn cảnh ấy, người ta đã *quý mạng sống lắm và sợ chết lắm*. Nhưng bởi chết là chuyện gì *không tránh* được đối với quân đội và quan lại của người đô hộ, người ta liều, người ta đành, và nếu suy tính kỹ ra được chết toàn thân

giữa những người thân, được chết mà có kẻ ma chay chôn cất cho, được chết mà trông thấy con cháu anh em bà con có thể sống được, thì người ta còn cầu cái chết ấy nữa.

Sự không sợ chết trở thành một chuyện tự nhiên và tất nhiên. Hồi gần đây còn có người mua sẵn những cái áo quan để trong nhà để chờ chết nữa. Người ta còn coi chết là cần để cho trẻ già măng mọc. Còn coi là may, khi vợ chết trước chồng, cha chết trước con, gọi là được cảnh thuận.

Căn cốt ấy gặp triết lý nhà Phật, coi chết là sự *giải thoát*, sự *trả nghiệp*, sự được về Lạc Cảnh, đã khiến người Việt Nam đến một tuổi nào thì không coi cái sống cái chết là cho bản thân mình nữa mà là cho con, và đến một mức nào thì không coi cái sống thể chất là cần mà đại nghĩa mới là cần.

Đó là điều giải thích tinh thần hy sinh có thể đến tột độ của người ta mà hoàn

cảnh này trường hợp này có thể huy động được, hoàn cảnh khác, trường hợp khác thì lại không.

Mặt khác là tinh thần vô danh, vô công, vô kỷ, của những bậc hiền triết, không kể bản thân mình và danh lợi cùng thú sống bám lấy mình là điều quan trọng nữa. Mà con người đã tùy việc, tùy hoàn cảnh đề xuất xử hành tâng.

Đó là quan niệm ngược hẳn với quan niệm người Tây Phương khát sống và khát chứng tỏ rằng mình có sống. Một đời người chỉ những thao thức đi tìm cái chứng minh rằng có sống trong khi chính thực chưa chắc mình đã sống, việc ấy khiến người ta rất mệt. Cam đoan không người Tây Phương nào lại có thể tin được rằng chấp nhận cái chết, sửa soạn cái chết, đón chờ cái chết, mà lại là bắt đầu sống đấy. Cắn cổ niu lấy cái vỏ ngoài của sự sống về ăn, chơi, đi lại, nói năng tự do, huênh hoang, chửi bới, đánh đấm (gọi là hiện siah, hay gì gì nữa!)... mà không hòa được hồn mình vào dòng sống chung, thì con người chỉ còn là cái xác cây khô ở bề ngoài và ở bề trong thì nhựa sống đã ngừng chảy.

Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống. Đó là lời dạy rất đơn giản và cô đọng của Trạng Trình. Biết đây là biết khôn, biết dại, biết làm mặt khôn và làm mặt dại, biết sống biết chết, biết nhận hay khước từ cái sống và nhận hay khước từ cái chết.

Phải có một tinh thần vô kỷ đến tột độ mới không cần những cái danh cái lợi bám vào mình trên cuộc thế, mới không coi mình là quá quan trọng như trung tâm vũ trụ, đề dùng bản thân mình vào việc, hay đề người dùng vào việc.

2 — Quan-niệm nhận-thức

Quan niệm này cũng pha men Phật Lão để nhìn thấy bắt đầu từ cuộc sống của chính mình đến các sự việc ở đời, thực đúng là rất linh động uyển chuyển, có đẩy rồi không đẩy, lớn đẩy và nhỏ đẩy, thực đẩy và hư đẩy.

Do vì người Việt từng sống qua những thời ly loạn thăng trầm, sự việc dồn dập vượt ngoài dự đoán, ngoài sức ứng phó, ngoài mọi mong muốn hay cầu xin. Chịu đựng một cách bình thản vẫn hơn là cưỡng lại một cách quyết liệt và vô ích. Điều ấy là kết quả của kinh nghiệm, nhất là qua những thời loạn.

Vì vậy mà có thái độ tiêu cực trong cuộc sống, để nhường quyền tác động cho May Rủi và chỉ dành cho người chủ động một phần rất nhỏ.

Cái phần rất nhỏ ấy lại là một cái gì huyền bí về phúc và đức. Phúc của ông bà cha mẹ ăn ở hiền lành đã để lại cho con cháu khiến nhờ dấy mà gặp may, hoặc có gặp rủi, cũng không rủi quá. Và đức do chính sự ăn ở lương thiện và phải đạo của mình nó tránh cho những điều không hay và nó run rủi cho gặp điều may mắn. Phúc và Đức chính là những trọng lượng đặt trên bàn cân may rủi để vừa có giới mà vừa cũng có tại ta nữa.

3 — Quan-niệm hành-động

Hễ đã thông được với người ta về quan niệm nhận thức này và quan niệm nhân sinh này, thì khiến được người ta dứt khoát tư tưởng để có một triết lý hành động không nề gian lao nguy hiểm, không sợ mất mát thua thiệt và cũng không sợ chết nữa. Đời Lý từng có những chiến sĩ theo những cuộc trường

chính vào tận Thị Nại để bình Chiêm sang tận châu Ung châu Liêm của Tàu để phật Tống. Ấy là nhờ họ có một quan niệm hùng tráng về hành động, mà bây giờ gọi là lý tưởng, là ý thức hệ. Ấy cũng là nhờ họ thấy có đồng đều cùng vươn lên một tinh thần hùng tráng phi thường trong sự xây dựng đời sống xã hội, chính trị, tôn giáo, nó gây hào hứng cho tất cả mọi người trong mọi hành động.

Ở đây đã không còn gì có thể nói được là tiêu-cực thụ động nữa. Mà phải xét trong những vận hội đen tối, thì mới lại thấy chỗ dùng của lợi khi tiêu cực thụ-động ấy. Nó là những đặc tính của con người Việt Nam.

4 — Lòng nghi ngờ

Như ta đã biết là lòng nghi ngờ của người dân Việt đã được luyện thành từ thời Bắc thuộc, đối với chính quyền đô hộ, đối với ngoại nhân và tay sai. Nghi ngờ một cách triệt để, toàn diện và đến cả cổ chấp nữa. Nghi từ lòng thành thực đến lời chân thành, đến cả sự việc cả nhận thức, cả tư tưởng.

Người ta không chờ chứng minh rồi mới nghi. Người ta nghi rồi mới tìm chứng minh cho sự nghi ấy là đúng. Một câu ca dao lịch sử từ đời Hồ còn lại nói về con gà gỏi con cho con quạ đã chứng tỏ cái mức độ của sự nghi ngờ ấy.

Gửi con cho bác quạ già

*Biết là bác quạ thương là chẳng
thương.*

5 — Sự giả trá

Đề đối phó với những điều đáng nghi ngờ ấy, vì người ta bị bắt buộc sống trong hoàn cảnh lệ thuộc, và vì ngoại nhân đô hộ tàn nhẫn và bất lương đến

cùng độ, người ta đã không có cách gì khác hơn sự giả trá.

Người ta giả trá để tin là đúng, là hay, là phải, là đẹp, là ngon, là tốt, là khéo, là tử tế, . . . tất cả những điều gì ngoại nhân nói và làm. Tin như vậy để cho vừa lòng, hợp ý một lúc cho qua chuyện. Tin như vậy để sau đấy thì sống cho yên thân, và trong thâm tâm thì chẳng tin gì hết hay tin ngược lại.

Người ta còn giả hèn mọn, tầm thường, nghèo đói, ngu dốt, yếu đuối để quy lụy luồn lọt thật là đến nơi đến chốn, cho tha hồ khinh bỉ, coi thường, tha hồ riết móc mắng chửi. Kẻ yếu cứ phớt tỉnh như không, chỉ nhếch mép cười ruồi dưới hàm râu, có khi chỉ cười ở trong bụng.

Nhờ vậy mà sự nhận xét tâm lý người tinh tế lắm. Cả sự thể hiện tâm trạng mình ra lời nói việc làm cũng rất tế nhị.

Trong cuộc giằng co này kẻ đô hộ cũng là một giống người, Đông phương hướng nội, cũng không kém nhận xét tâm lý giả trá, lại dễ nghe hiểu được tiếng của nhau, khi sống chung và trong những điều kiện cũng gần gần như nhau cả, lẽ tất nhiên là người bị đô hộ đã phải tinh thực gấp bội về phương diện giả trá thì mới thoát được.

Cho nên khi xem sự thể hiện đặc tính ấy ra lời nói, tiếng cười, câu viết, cả những câu chuyện nói chơi, ta mới thấy không dễ gì đoán nổi ý của người ta. Tôi đã làm một bảng kê các lối nói Việt Nam và tìm hiểu nghĩa của tiếng Nói thấy nó man mác kinh khủng, đếm ra có tới bốn trăm nghĩa, kể tiếng nói ấy vào loại đặc biệt nhất thế giới cũng không phải quá đáng. Bài ấy đăng ở báo Văn số Nghiên cứu Văn học. Đến sự chửi bới nguyên rủa cũng lại không kém đặc biệt nữa. Đã có hết sức nhiều hình thức không thể nào ngờ được. Cười mà chửi, nói đứng đắn mà chửi, nói tục mà chửi, nói tự hạ tự khinh mà chửi, khóc lóc lạy van mà chửi, khen nịnh tâng bốc mà chửi.

Ta nghi rằng với những đặc tính kỳ lạ ấy, kẻ đô hộ nào rồi cũng đành chịu.

6 — Đời sống tình nghĩa

Điều mâu thuẫn tưởng chừng như mâu thuẫn, đối với con người có đặc tính ấy sao lại chẳng dùng, cũng những đặc tính ấy mà đối xử với vợ chồng cha con anh em trong gia đình? Mà khi đối xử với nhau, sau khi cánh cửa ra xã hội khép lại, thì người ta đã lại toàn xử với nhau bằng tình nghĩa cả.

Trong sách Văn minh Việt Nam, phần Nếp sống tình cảm, tôi đã nói rõ những khía cạnh kỳ lạ, nồng nàn, bất hợp lý, cũng như trái ngược, phức tạp vô cùng của nếp sống tình cảm ấy. Ở đây tôi không nhắc lại vì nó quá dài. Các bạn đọc kỹ sẽ rút tĩa ra được nhiều điều ích dụng.

Điều có thể tin chắc là người ngoài hệ lọt được mình vào trong cái mạng lưới tình cảm ấy, thì mọi việc gì khó mấy rồi cũng xong hết. Còn không lọt được vào, vẫn kể là người dưng, thì việc dễ cũng thành khó.

7 — Tinh thần rộng dung

Đối với người cùng một cảnh ngộ nghèo nàn đói khổ, cùng một hoàn cảnh ngặt nghèo đau thương, hoặc gặp tai ương mà sa sút, hoặc bị kẻ khác chà đạp khinh khi, người ta dễ thông cảm để làm thân mà cởi mở tâm tình với nhau. Rất đối như kẻ thù hôm trước, hôm sau bị ngã ngựa như Pháp bị Nhật loại ngày 9-3-1945, người ta cũng không đành lòng nhìn kẻ thù ấy bị kinh khi. Nhiều người dân quê còn gọi họ vào cho ăn cho uống, cho áo cho quần. Ta đủ luận ra, khi đến gần người nông dân mà còn tỏ ra có gì cách biệt, có gì đến để ban ơn, thì nhất định thất bại, vì là đã bắt đầu kêu gọi sự e dè của người ta rồi. Thêm nữa nhiều người làm ra bộ tịch ta đây bình dân để mua chuộc lòng người, rồi cũng thất bại, là vì người quen làm

việc giả trá lại rất ghét kẻ nào định giở trò giả trá với mình.

I lòng rộng dung tự động mở ra để rộng dung khi khách đáp ứng được với chủ bằng cùng một điệu.

Và người chủ này khi giữ địa vị khách đề đến với một chủ khác, thì chúng ta lại đã có những lời dạy khôn như: « đi nước Lào ăn mắm ngoé; nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục »; Qua những lời ấy ta có thể thấy rõ cái khéo léo để xâm nhập của người Việt, nó là yếu tố tinh thần căn bản cho sự thành công trong cuộc Nam tiến của lịch sử, và cả cuộc Tây tiến hiện thời nữa.

8 — Tinh thần thực dân canh nông

Mặc dầu đã tiến hóa, mặc dầu người ta đã chịu nhiều ảnh hưởng văn minh cơ khí kỹ nghệ, cái chân chất nông dân trong mỗi con người Việt Nam cũng vẫn còn nguyên vẹn, đề rất thích có đất có ruộng để trồng trọt và mở mang thêm. Cái thú sống vẫn không hoàn toàn như cái thú của người thành thị hưởng thụ những tiện nghi vật chất, mà vẫn là sự thanh thoi trong một đời sống giản dị đề gặt hái những sản phẩm trời cho và đề quây quần với nhau trong nhà, trong họ, trong làng.

Còn nhiều những đặc tính khác nữa từ những gốc truyền thống ấy mà ra, một bài nói chuyện không thể trình bày cho hết được.

KẾT LUẬN

Chúng tôi muốn nói thêm về những thể cách đáp ứng những đặc tính này. Nhưng như vậy e làm tỏa chiết sáng kiến của các bạn. Mong các bạn sẽ suy nghĩ thêm, tìm tòi thêm, rồi thảo luận với nhau đề sắp đặt những chương trình kế-hoạch cần thiết.

LÊ VĂN SIÊU

vào công cuộc chiến đấu chung của dân tộc? Và từ mức nào, các con dân Việt-Nam có tha hương, mong chờ được chánh phủ quốc gia săn sóc, chăm nom?...

oOo

4. — Một số (mặc dù là rất ít và vẫn giữ quốc tịch Việt-Nam làm công) chức tại các nha sở địa phương, được các nhà cầm quyền Ai-lao tín nhiệm. Một số nữa mở cửa tiệm vàng bạc, tạp hóa, tiệm may, sửa xe hơi, tiệm ăn, làm nghề thầu khoán...thành công và giàu có.

Tại Luang-Prabang, đài vô-tuyến truyền thanh, trường trung học, là do nhà thầu Việt-Nam phụ trách. Tại Vientiane, trường Y-học, trường Luật-học, cũng do một nhà thầu Việt-Nam thực hiện. Bề bơi và sân quần vợt, trong khu phái đoàn quân sự Pháp, là công trình của một cựu quân nhân Việt-Nam di cư lên Lào từ sau hiệp định Genève. Đã có những vụ đấu thầu quốc tế, có những công-ty xây-cắt, từ Hương-cảng, Mã-lai, Tân-gia-ba, gửi nhân viên đại diện tới cạnh tranh, mà sau cùng, rất có thể là nhà thầu Việt-amN và i-lao thắng-cuộc.

Những sự kiện đó không phải chỉ ảnh hưởng riêng về kinh tế tài chánh, mà còn vang dội tới chánh-trị, phản ảnh một phần không nhỏ đức-tính cần-cù, khéo-léo, tận-tâm, của người dân Việt, trên nhiều lãnh vực...

Tại các sở tư, nhân-viên văn-phòng và kế-toán Việt-Nam không ít. Đặc-biệt là các nhân-viên phụ-trách giao-tế tại các hãng du-lich, hàng không..., đa-số đều là người Việt. Nhân-viên địa-phương tại các Sứ-quán, phần lớn là người Việt. Và cũng rất nhiều người Việt làm gia-nhân cho các gia-đình ngoại-quốc : thương-gia hay ngoại-giao đoàn.

Du-khách Việt-Nam, đi mua hàng tại các tiệm ở Vientiane, có thể dùng tiếng Việt-Nam, để chọn hàng hay trả giá. Đi chợ tại Vientiane, Thakhek, Savannakhet, Paksé... gặp không biết bao nhiêu người Việt-Nam mà kể. Từ hàng giá, hàng miễn, hàng chè, cho đến hàng thịt, hàng phở, hàng cơm...

Tại chợ Paksé và Vientiane, đã có lần một du-khách tò mò đếm nhằm : đại đa số các thớt thịt là của người Việt Nam... Lẽ dĩ nhiên, đây là một trường-hợp đặc-biệt, vì người Lào tránh sát-sinh, và sự khiếm-diện của người Lào trong ngành hoạt-động này là vì lý-do tôn-giáo. Nhưng ở nhiều ngành khác, người Việt-Nam đều cũng góp phần, đặc-lực.

Các tiệm may âu-phục, đại đa-số là người Việt. Người Việt làm chủ hay có cổ phần trong các tiệm ăn món Nam, món Bắc, các phòng trà, tiệm hớt tóc nam và nữ, nhan-nhân tại thủ-đô Vientiane. Đặc biệt là các tiệm phở, không riêng người Việt Nam mà còn rất nhiều người bạn Lào chiêu cổ.

Ngoài ra, còn phải kể các tiệm đồ gỗ, đồ sắt, đồ cò, có danh tiếng, do người Việt chủ trương, thường cung cấp bàn ghế và các đồ dùng mỹ thuật, cho các công sở, sứ quán, hoặc gia đình khá giả.

Có thể nói thông lệ, tại Lào, người Việt-Nam chỉ trừ khi bệnh hoạn, lười-biếng, không may, còn thì không sợ thất nghiệp. Nếu có nghỉ việc, thì cũng không lâu, sớm muộn rồi lại có việc làm. Ngân quỹ gia đình không sợ thiếu hụt, nếu biết chăm chỉ, tần tảo, lo xa. Nhưng buồn thay, có một số đồng bào của chúng ta, ý tài cậy sức, không biết dành dụm, nên kiếm được bao nhiêu là

tất nhiên phải xét lại mọi ý niệm và trả cho những danh từ nghĩa lý đúng đắn của chúng.

Đã có sự lầm lẫn sau khi nguyên-tắc thần quyền, quân chủ, nhường chỗ cho nguyên-tắc dân-chủ, dân-quyền, những nhà lý-thuyết chính-trị xem quốc-gia như cá - nhân, tặng cho quốc gia những quyền căn-bản mà cá-nhân đã dành lại được như tự-do và bình-đẳng. Thế-kỷ 19 đã xem tự-do của các quốc gia là điều-kiện tất yếu của nền dân - chủ. Nhưng nghĩa lý, thực chất của tự - do không được cân nhắc. Thật là một sự nói rộng nguy hiểm để cho quốc-gia quyền tự do được định cho con người, và đồng thời xem quốc-gia là thần tượng, là cứu cánh tự tại. Đúng ra, tự-do của quốc gia hàm nghĩa một yếu-tố cần thiết cho cộng đồng để thể-hiện tự do cá nhân của mọi người trong cộng đồng. Khi một thuộc địa vùng dậy, hy sinh con dân để giải-phóng đất nước, tìm lại tự do cho xứ sở, mục-phiêu tối hậu là sự giải thoát những dân trong nước khỏi cảnh đàn áp, bóc lột, khinh miệt của dân thống-trị. Quên đi điều này mà chỉ đặt một cách bông lộng tự-do của quốc-gia, là để cửa mở cho một sự đàn áp, khai thác, bóc lột dân chúng, là dọn đường cho sự phủ-nhận, nhân danh quyền lợi tối cao của quốc-gia, những quyền căn-bản của đa-số dân chúng. Nếu tiêu-chuẩn sau này không được dùng đến để xét tình-trạng một nước, thì danh-từ tự-do quốc-gia có thể che đậy một lối chuyển giao đám người bị áp-bức từ tay giai-cấp thống-trị này qua một đám thống-trị khác, đám này có thể là của trong nước hay của một nước khác. Sau thế-chiến thứ hai, điều đó đã xảy ra ở Âu-Châu cũng như ở Á-Phi. Tự-do quốc-gia đối với chủ-nghĩa

phát-xít hay độc-tài-quân phiệt, là tự-do xóa bỏ mọi tự-do chính-đáng của công dân, là tự-do xử dụng tài-sản, tánh-mạng của nhân-dân để theo đuổi những cuộc phiêu-lưu chính-trị hay quân-sự, để xây dựng và duy-trì sự tôn sùng lãnh tụ. Tự-do quốc-gia tại các nước cộng-sản cũng là một thứ tự-do tương-tự, thôn tính tự-do mọi cá-nhân, hủy diệt mọi sự khác biệt, mọi tín-ngưỡng tôn-giáo để thay thế bằng một tôn-giáo mới, và vì đó, đặt dân chúng trong tình-trạng khiếp sợ, thật là phi-nhân, nhờ bộ máy công-an mật-vụ khắt khe, nghiền nát những mầm đối-lập hay dị-đồng.

Trong những quốc-gia tân tiến, luật pháp truy tố những cha mẹ hành hạ hay tàn sát con cái, mà những cha mẹ này không thể viện lẽ mình có quyền tuyệt đối đối với con cái chính mình sinh-dưỡng. Nhưng trong thế-giới gọi là văn-minh ngày nay, không có biện-pháp quốc-tế nào đủ hiệu-lực để ngăn ngừa hay trừng trị những hành vi bất nhân của kẻ thống-trị đối với dân chúng của họ. Một quốc-gia tự-do độc-lập có quyền làm gì cũng được trong biên-giới của mình; một hành động của ngoại-bang để bênh vực cho nhân-quyền, để giải thoát những nạn-nhân, là một sự xen lấn vào nội-bộ, một sự xâm phạm chủ quyền. Không dễ gì dân-chúng của thứ quốc-gia ấy có khả-năng cỡi ách độc tài chuyên chế. Không dễ gì dân chúng ấy gác bỏ được ảnh-hưởng của lịch-sử đất nước mình, truyền-thống đạo lý mình, mà vui vẻ « đem voi về chà má tở ». Nhưng nếu cho rằng dân-chúng sẵn sàng hy-sinh những phương-tiện sinh-sống, quyền thiêng-liêng, tự-do chính-đáng của mình chỉ vì trọng tự-do quốc-gia mình, là không nhận-định nổi thống

khô về nhiều phương-diện của đám dân chúng ấy. Người chủ-trương điều đó chắc chưa bao giờ trải qua cảnh-ngộ bi-đát của người phải sống dưới chế-độ độc-tài hà-khắc vừa không muốn mang tiếng là vọng ngoại và phản-quốc.

Nói đến bình - đẳng giữa các quốc-gia lại nêu lên một sự dị-biệt khác giữa hình-thức và thực-chất. Bình đẳng giữa những cá-nhân, như cách-mạng Pháp đã đề-xướng, đã là một danh từ với ý nghĩa rộng hẹp không lường. Trước kia, bình đẳng cũng được nêu lên với số người được hưởng có hạn. Câu của Plutarque ghi lại một cách minh bạch «*chỉ có đồng đẳng mới bình đẳng*». Bây giờ, giữa người với nhau, chỉ trong phạm-vi quyền-lợi chính-trị, bình-dẳng vẫn là một ảo-tưởng. Thuở xưa được xem là công dân và bình-dẳng với nhau, những người đàn ông không phải nô lệ hay con cháu nô-lệ, rồi dần dần với sự thay đổi ý-niệm và cũng nhờ bao nhiêu cuộc tranh đấu, quyền công-dân và bình-dẳng được nói rộng cho người giàu có, người hữu công, nhưng vẫn được dành cho một số người, người da trắng người, có học; người đóng bao nhiêu thuế, rồi ngược lại, sau này người giàu có mất quyền, nếu không phải vô sản, không thể là công dân bình đẳng được. Dùng quan niệm bình đẳng, đã co giãn như thế giữa những cá-nhân, đem áp-dụng cho các quốc gia thì còn trừu tượng và xa sự thật hơn nữa. Mà khi đã xa thật tế, thì quan-niệm ấy không ích lợi gì, sinh thêm nhiều thắc mắc, đặt ra những vấn đề trái cựa, duy trì sự giả-dối — hay quý quyết — trong banggiao quốc-tế.

Một nước nhỏ bé ở Phi-Châu, không đủ cơm ăn áo mặc, phải sống nhờ kẻ

khác cũng bình đẳng với Liên-sô hay Hoa-kỳ. Lối nói đùa bỡn ấy, có lẽ không nên kéo dài. Nếu chỉ là một lý-tưởng đề nêu ra, thì nên thay thế một lý-tưởng khác có thể mong đạt được hơn, là sự bình đẳng về điều kiện sinh-sống — vật-chất và tinh-thần — giữa những người dân của mọi quốc gia. Nhưng tài ba hiện nay của các chính khách và nhà lãnh đạo chỉ làm-ngơ trước những vấn đề thiết-thực và chỉ phát minh ra những giải đáp mơ hồ cho những vấn đề viễn vông. Cho các quốc-gia bình đẳng không gây ra nhiều ràng buộc, vì không nói cũng đã hiểu, chắc ai cũng cho đó là một nguyên tắc cao cả và đẹp đẽ, nhưng nếu cho những người dân nước này hay nước khác, hay ngay dân trong một nước thật sự có quyền như nhau phải xáo trộn biết bao nhiêu quyền lợi cổ-hữu, phải vượt lên bao chương ngại, phải đương đầu với bao nhiêu thế-lực bảo-thủ. Ngay tại một quốc gia rất giàu có, rất tiến bộ về kỹ thuật, ở tiền tuyến bảo vệ tự do và nhân quyền, ngay tại Hoa-kỳ, bình đẳng giữa công dân đen và trắng vẫn là một vấn đề nan giải, và tại đây đã thấy rõ sự khác biệt giữa luật pháp và thi hành luật pháp, giữa lý tưởng và thật-tế chính-trị.

Thật là ảo-tưởng và có tánh cách khôi hài hay ngây thơ, thứ bình đẳng hình thức mà những chính khách, trong một chốc rộng lượng hăng say, tặng cho các quốc-gia khi thảo dự án Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc, thứ «*bình đẳng tối thượng giữa tất cả các nước yêu chuộng hòa bình*» mà đến nay vẫn còn được tôn trọng. (7) Sự phân hóa và sáng-tạo quốc gia tiếp diễn theo một đà có vẻ dẫu-chủ và tiến bộ. Một mặt không còn hạn chế quyền các dân tộc tự quyết, mặt khác vì muốn có một

(7) Charte des Nations Unies du 26 juin 1941 «Art-1- L'organisation est fondée sur le principe de l'égalité souveraine de tous ses membres» (*Droit International et Histoire diplomatique, Demat, Paris, 1950.*)

quân binh hình thức để dùng trong các cuộc biểu quyết và xây dựng công-luận thế-giới, những quốc gia vì đại phải đón nhận mỗi năm thêm nhiều «anh em» khác. Năm 1945, tại đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc có 51 quốc gia. Năm 1966 đã có 121 nước, và mặc dù có vài nước lớn tìm mọi cách ngăn chặn sự gia nhập hội viên mới, con số sẽ tăng và tăng mãi, Bất cứ dân tộc nào, tìm được đủ số quốc gia đỡ đầu sẽ có địa vị xứng đáng của mình trong hàng ngũ vinh-dự quốc-gia độc-lập. Có lẽ tiêu chuẩn hiểu hòa, ngoan ngoãn, cần thiết hơn mọi tiêu-chuẩn khác, như diện tích, dân số hay khả năng tài chánh tối thiểu. Lớn nhỏ, nghèo giàu, gì cũng bình đẳng cả, thật là tốt đẹp! Ấn-độ với 500 triệu dân cũng kể là một lá phiếu như mấy nước bé tí-hon (mini-state) dân chưa đến một triệu, như mấy tân hội viên Guyana, 650.000, Botswana 560.000, Lesotho 750.000, Gambia 330.000, hay Maldive Islands với 97.000 dân hay đảo Barbados, một trung tâm nghỉ mát với vạn dân. Hoa-Kỳ chịu đến 30% ngân sách của Liên-Hiệp-quốc, Liên-Sô 17%, Pháp hay Anh 7% cũng bình đẳng với mỗi tiểu quốc, mà mấy mươi nước này, dân số không đến một triệu, tính chung phần đóng góp tài chính của họ, không đến một phần trăm ngân sách.

Thực trạng ấy là kết quả của một lý tưởng rộng rãi đến viên vông, thỏa mãn được lòng tự ái quốc gia hay của một lối mua chuộc những nước kém mở mang ở Á Phi, nhưng chẳng đem lại một tình hình sáng sủa hơn cho thế-giới. Trong thực tế, sự hiện diện mấy nước bé-tí-hon không ảnh hưởng gì mấy đến thời

cuộc quốc tế. Tại đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, các quốc gia chỉ có nói mà thôi, và hình như nước càng nhỏ, thì đại-diện nước ấy nói càng nhiều. Ai cũng biết những quyết định có hiệu-lực thật-sự là do Hội-đồng Bảo An, gồm năm hội viên thường xuyên và một số nhỏ được cử thêm vào với nhiệm kỳ hai năm, mà các hội viên thường-xuyên còn có quyền phủ quyết để chống lại với mọi quyết định hợp lý hay không nhưng không thích hợp với quyền-lợi của mình. Như thế, rõ ràng có sự phân chia nhiều hạng quốc-gia và chuyện «bình đẳng tối-thượng» giữa các quốc gia chỉ là một mỹ-từ ngoại giao. Những lời than-thở, bàn tán thường được nghe nơi hành lang trụ sở Liên-Hiệp-Quốc cho đoán được sự thắc-mắc khó chịu về tổ-chức không thật-tế, không hiệu-năng, bị ràng buộc vì những nguyên tắc và thề-thức «mỹ dân». Đại-diện một nước Âu-Châu, thấy những quốc-kỳ mới, đã thốt lên cảm nghĩ, một cách mỉa mai: «Tại sao lại không cho những tiểu-quốc gia-nhập? Được lắm chứ. Vì chỉ là một vấn đề phát biểu ý-kiến. Còn nước nào nữa? Barbados chẳng? Cứ để họ vào, Tôi tin chắc chúng ta có thể tìm cho họ một cái bàn và một trụ cờ!» Phải, nhân nhượng thật quá dễ, nếu mục phiêu chỉ là trụ cờ và bàn ghế. Dân chúng các quốc gia chắc hẳn ước muốn điều gì cụ thể và cấp tiến hơn. Vì có gì mỉa mai bằng sự khác biệt giữa lối hào hoa của một chính phủ đề cao một quốc gia tại hội-trường và việc công dân thuộc chính phủ ấy không chịu bán cơm cho vị lãnh đạo phái đoàn của quốc gia được chính thức trọng vọng, chỉ vì màu da của ông này hơi đậm!

Không được bình đẳng với quốc gia mạnh, những tiểu-quốc hay quốc gia cỡ vừa, có bảo vệ được chủ quyền của họ không, hay thứ chủ quyền cũng là một mỹ-tử mà sự thật làm cho nứt rạn và vô nghĩa. Cứ xét hai vấn đề quan trọng thời nay, là vấn-đề quân-sự và kinh-tế, thử hỏi có bao nhiêu nước đủ sức để không chịu, hay không nhờ sự giúp đỡ, sự che chở của cường - quốc ? Hậu quả tất nhiên của nhu - yếu về hai phương-diện ấy, là một sự nhân nhượng càng ngày càng lớn về chủ quyền và về quốc-thề.

Thế giới hiện nay bề ngoài đã thực-hiện được sự bình-đẳng giữa các quốc-gia, nhưng thật sự đã thiết-lập một hình thức phong-kiến mới. Thay vì tổ-chức nhân-loại một cách tốt đẹp và tiến bộ, những chính-trị gia, lệ thuộc nơi những ý niệm lỗi thời, nới rộng cho cả hoàn-cầu hình-thức tổ-chức cũ-kỹ, như một đế quốc Trung-Hoa thời phong-kiến, hay một nước thời trung cổ ở Âu-châu.

Đặc-điểm của chế độ phong kiến là mối quan hệ giữa nước lớn với những nước nhỏ, giữa vương với bá, giữa lãnh chúa với chư-hầu. Sự ràng buộc đôi bên phải tương trợ lẫn nhau, hợp-ước hay giao kèo có thành văn hay không, nhưng theo một tập-tục mặc nhiên được tôn trọng, làm nền-tảng cho sự tồn tại của cộng-đồng rộng lớn. Lãnh-chúa hay chính-quốc có uy-quyền tài-chính, làm tiền tề, định thuế khoá, có uy-quyền tư pháp, xét xử mọi thân dân, người của chính quốc cũng như của thuộc quốc, nhưng không bao giờ để cho thuộc-quốc được phép xử người của chính quốc, có uy-quyền quân sự, mộ dân bắt lính của thuộc quốc, không chỉ để bảo-vệ nước này, nhưng có thể để chinh-phạt nơi khác hay thực-hiện mưu đồ xâm lăng cướp phá, không liên quan gì với thuộc-quốc. Mỗi chư hầu hay mỗi thuộc quốc, khi được tấn phong hay nhậm nhậm, sẽ có quyền thiết-lập triều đình nhỏ của mình, sắm cờ biễn, huy-hiệu, lễ nhạc riêng biệt, ngự-chế trên những dân sống trong vùng thế-lực của mình, buộc chúng

phải triệt để tuân lệnh và trung thành, như mình trung thành và tuân lệnh thiên-tử hay chính quốc vậy.

Những quan-hệ giữa các nước hiện nay không khác gì mấy quan - hệ giữa nước lớn và nước nhỏ của thời phong-kiến. Dân chúng một nơi, gom góp trong một đơn-vị chính-trị, tuân lệnh và trung thành với nhà lãnh đạo của mình, có khi do mình chọn lựa, cũng có đủ biểu-hiệu của chủ-quyền tối-thượng, quốc-kỳ, quốc ca, quốc-hội, vân vân... Quốc gia nhỏ bé có thể bị lôi cuốn vào chiến tranh mà mình không gây nên, hay không quan hệ gì đến mình (nhưng theo lập-luận thông thường, thì chiến-tranh gián tiếp quan-hệ, hoặc cần thiết để ngăn chặn trước hiểm họa phải đến cho mình!) Quốc gia phải đóng góp tài nguyên hay quân-lính trong cuộc phòng thủ chung, có khác gì chư-hầu phải buộc dân đi lính để phụng sự quân-vương, dĩ-nhiên là minh-quân, có khả năng che chở cho nước chư-hầu, có đầy đủ đức-tính đáng được kính phục. Chính quốc không bao giờ xen vào nội-bộ của thuộc-quốc, trừ trường hợp cần thiết là khi vua chúa địa-phương không vừa lòng Thiên-Tử hay đại thần, vì thiếu lễ triều cống hay thái độ ngạo mạn, thì chính-quốc có thể gọi quân đi sát hại chư hầu thất trung. Một cường quốc bây giờ cũng đủ sức nuôi dưỡng các phe nhóm, dựng nên những duyên cơ chia rẽ và xung đột, và khi cần đến tổ-chức cuộc khuynh-đảo cần thiết, nhưng vẫn giữ bề ngoài vô tư, không can thiệp vào nội-bộ của quốc-gia mà họ luôn luôn thề thốt tôn trọng chủ-quyền. Chỉ khi nào cấp bách lắm, họ mới gọi quân đội cùng với xe bọc sắt để tấn công đàn áp đám dân nổi dậy chống lại một chính-quyền đã được cường-quốc

bảo trợ. Một cuộc can thiệp trắng trợn như thế cho thấy thực trạng của quốc-gia chư hầu, nhưng bên cạnh một vụ Hung-gia-lợi làm chấn động dư luận và giải mê được một số người trước kia cuồng tín, còn biết bao nhiêu vụ Hung-gia-Lợi xảy ra một cách kín đáo và tốt đẹp hơn, khiến cho dân trong tiểu - quốc liên - hệ cứ nghĩ chính biến là công trình của chính mình. Sự ràng buộc về kinh-tế giữa nước nhỏ và nước lớn trong thời-đại này cũng đạt mức-độ cao hơn sự lệ-thuộc về tiền bạc và thuế má trong chế-độ phong kiến thuở trước. Có bao nhiêu tiền tệ quốc gia không sống chết tùy theo một tiền-tệ mạnh? Có mấy nền kinh-tế quốc-gia có thể tồn tại nếu như cường quốc không giúp đỡ nữa? Trong phạm-vi quân-sự, tài-chánh, kinh-tế, đã như thế, thì làm sao tránh được sự chi phối về chính-trị, làm sao nói đến chủ-quyền và tự do của quốc gia? Tuy nhiên, mọi hình thức tốt đẹp đều được gìn giữ, với những hiệp ước, văn kiện, thông cáo, chung, tuyên ngôn long trọng có giá-trị không khác gì giữa lãnh chúa với chư-hầu trong những hội tiệc đủ lễ-nghi, kèn trống, trước mắt trăm họ, những tiếng thề thốt hân hoan vang dậy khắp nơi, vượt cả biên thùy để làm rung động những vương-bá địch-thù háy còn đứng ngoài cuộc.

Khi nhận-định một cách khách-quan, người ta phải đi đến kết-luận rằng ý-niệm tốt đẹp về quốc-gia độc lập, đầy đủ chủ quyền, không có một áp-lực ngoại bang nào chi-phối, là một ý-niệm lỗi-thời. Điều đó quả thật là nguy hiểm nếu nhân đó, người ta có thể nghĩ tiếp rằng, như vậy thì không cần phải lo bảo vệ quyền-lợi của quê hương, dân tộc, của

những gia đình, những cá-nhân sống trong một cộng đồng truyền-thống. Nhưng nhận định trên có thể trở nên cần thiết nếu nhân đó người ta cho rằng mọi giải-đáp hữu hiệu cho các vấn-đề phải căn-cứ vào những sự kiện xác thật, người ta sẽ tránh được những ảo-tưởng, hoài bão một quá-khứ tốt đẹp sẽ không bao giờ có nữa, người ta sẽ định lại quyền-lợi nào, tự-do nào cần phải bênh vực, hơn là hạy theo những danh-từ và hào dáng để chống lại tự-do và quyền-lợi của những con người mà giá trị phải cao hơn giá trị của bất cứ ý-niệm chính-trị nào.

Từ bỏ di-vãng, từ bỏ những giá trị của di vãng không phải là một điều dễ. Những người sống trước Copernic không làm sao bỏ được ý-nghi cò-điền về quả đất và mặt trời. Không có những phương-tiện xét đoán đứng đắn, tôn trọng uy quyền của tiền-bối và thế-lực, làm sao họ dám chống lại hệ-thống tư-tưởng truyền lại từ Ptolémée, làm sao họ dám bênh-vực hạng người như Galilée, dựa nơi nhận-xét và suy-luận khoa-học quả quyết rằng quả đất tròn và quay chung quanh mặt trời. Sau những quan niệm sai lầm đã được xem là đúng thường tìm sự bảo vệ hăng hái và cuồng nhiệt hơn là chân-lý. Thời xưa, người ta chỉ vì tự ái, không muốn thú nhận thấp kém của mình, mà phải lên án và buộc tội những chủ-trương khác với chủ-trương của đám thống-trị. Ngày nay, ngoài tự ái, còn có quyền-lợi vật-chất khiến cho sự thật, dù có hiển nhiên, cũng phải gác lại. Lâu lắm rồi, không đời có những Galilée, các bậc chính-trị và lý thuyết, đã thấy ý niệm quốc-gia chìm đắm trong vô số mâu thuẫn khó gỡ nhưng chủ nghĩa quốc gia tai hại vẫn

mặc nhiên được đề cao và truyền bá, duy-trì tình-cảnh bất ổn giữa các nước, gây bao nhiêu khốn khổ cho dân chúng. Mà "chủ nghĩa quốc gia xây dựng trên sự đối trá và sống nhờ đối trá" (8)

Nhưng sự đối trá là bước sau, bước đầu chỉ là một sự lầm lẫn. Dựa vào điều cụ-thể là quê hương, đất nước, dân gian, người ta đã dựng nên một đơn vị trừu tượng, một nguyên-tắc tinh-thần là quốc gia. Đặt ra khung cảnh tổ-chức, người ta nghĩ rằng khung cảnh ấy có tánh cách thiêng liêng và muôn đời. Những tiến-bộ khoa-học và tư-duy, những phát minh về kỹ-thuật và cơ khí đã thay đổi tất cả. Khung cảnh cũ kỹ phải tan vỡ, vì không thể mong rằng người sẽ từ bỏ bao nhiêu tiến bộ để cho hợp với khung cảnh người tạo nên trong thời qua. Quốc gia là lãnh thổ, là văn-hóa, là quân sự, là kinh tế. v.v., riêng cho một đám người. Nhưng dần dần của riêng đã trở thành của chung. Dần dần, dưới danh từ hợp tác (có tánh cách bình đẳng chứ không lệ thuộc), chủ quyền quốc gia được san sẻ, về văn hóa, về kinh tế, về quân sự, về gì nữa? Những biên giới của mỗi phạm-vi không còn là một nữa. Phạm-vi lãnh thổ tính ra bằng cây số vuông. Phạm-vi văn hóa có thể dùng biên giới của văn hóa những nước khác. Phạm vi tiền tệ hay kinh tế rộng hơn nữa. Chủ quyền quốc gia chỉ là một noãn liên kết mọi phạm vi ấy. Quan niệm và thể hiện chủ quyền sẽ tùy theo quốc gia, mạnh hay yếu. Chủ nghĩa quốc gia đối với nước lớn, sẽ là làm thế nào cho mọi phạm vi sinh hoạt của những nước khác nằm trong phạm vi chính trị của mình. Trái lại, chủ nghĩa

quốc gia, đối với nước nhỏ, sẽ là một phản ứng nghịch lại và muốn làm sao cho mọi phạm vi văn hóa, kinh tế, hay quân sự nằm trong phạm vi lãnh thổ của mình, và mọi hoạt động sẽ do noãn chính trị của mình chi phối một cách tuyệt đối. Hai quan niệm tai hại ấy nuôi dưỡng lẫn nhau; chính mộng đế quốc thực dân xuất hiện nơi đâu là gây nên tinh-thần quốc-gia quá khích, bất hợp tác và bài ngoại. Chính chính-sách hẹp hòi của tiểu-quốc hiển cho đế quốc thực-dân cơ hội can thiệp và xâm lăng. Nhưng vì thực dân bây giờ cần thay xiêm đổi lót, đế quốc thực dân không đại gì mà lập thuộc địa, lấy lãnh thổ kẻ khác làm đất đai mình, vì như vậy phải xem những dân thuộc-địa như những công dân bình đẳng và đồng quyền lợi với công dân mình. Đế-quốc thực dân ngày nay tôn trọng chủ-quyền của nước bạn, đóng vai tuồng lãnh chúa đối với chư hầu, có đủ quyền lợi tinh-thần, vật chất đối với nước bạn, mà chẳng có nhiệm vụ nào rõ ràng đối với hạnh phúc và tánh mạng của dân chúng trong nước đã kết giao.

Tiến tới những nguyên tắc tinh-thần mới.

Trong thế kỷ hai mươi gần tàn, số càng ngày càng lớn của những quốc gia gọi là độc lập, hiệp nhất, đầy đủ chủ-quyền, có vẻ chứng minh cho thành công của nguyên tắc dân-tộc tự-quyết. Nhưng sau bề ngoài tốt đẹp ấy, thì thực-trạng bi đát hơn; trừ vài nước, hầu hết các quốc gia ở trong vòng lệ-thuộc chặt chẽ với cường quốc này hay cường quốc khác. Những quốc gia đã biết cải-thiện những mối bang giao, liên-minh, liên kết,

(8) N. Berdiaeff-De l'esclavage et de la liberté de l'homme, Aubier. Paris, 1946.

về một vài phạm-vi, nhưng sự nứt rạn chia thể giới làm hai hay ba khối, sự xung đột ngấm ngăm hay công khai giữa những nước cùng một khối, sự chia rẽ trầm trọng và nguy hiểm giữa thành phần mỗi quốc-gia quy tụ chung quanh ý-thức-hệ, tôn giáo, quyền lợi kinh tế, quan niệm về giai cấp, làm cho thể-giới sống trong một tình cảnh thiếu yên vui không thích hợp với những công trình thiết thực của khoa học và kỹ-thuật, của tinh hoa trí tuệ con người.

Điều gì đã ngăn cản loài người không đi đến một tổ chức hợp lý hơn? Óc bảo thủ về chính trị của những quốc gia, óc địa phương hẹp hòi, óc kỳ thị về nguồn gốc, về giai cấp, về màu da, óc mê tín đưa những thành kiến, những danh từ vô nghĩa trở nên những thần tượng. Xét cho đúng, thì những dân chúng làm nền tảng các quốc gia không thù hằn, gây chiến với nhau vì những khác biệt về giống nòi, tôn-giáo, hay về phương tiện sinh sống nữa, nhưng chỉ vì bao nhiêu ý ấy được lồng trong khung cảnh chính-trị của những quốc gia.

Tuy nhiên, quốc gia nào cũng có những lời cao cả về hòa bình và hạnh-phúc chung của giống người, quốc gia nào cũng biết kêu gọi một cách thống thiết và hoa mỹ cho có đoàn kết và đạo lý. Nhưng quốc-gia nào cũng không cố gắng tìm đến lẽ phải, mà lẽ phải chỉ nhận định được khi vượt lên những ý-niệm chủ quan. Mỗi quốc gia hay nhóm quốc gia cứ nói theo luận điệu của mình; các cuộc đối thoại chỉ là của kẻ điếc hay của những kẻ cố tình tránh xa sự thật. Hòa bình sẽ trở lại tức khắc nếu mọi người đoàn kết lại theo ý thức hệ này, tôn giáo nọ, hay chung quanh chúng tôi. Bao nhiêu chủ trương ấy chỉ là mộng ảo, vì đặt mục phiêu đoàn-kết và hòa bình với những định-kiến phiến-diện, và mưu đồ chuyên chế của một quan niệm nào đó về nhân sinh, thay vì chấp nhận những dữ kiện chính xác để đến một giải-pháp thực tế có sự nhận nhượng của mình và sự kính-trọng

kẻ khác.

Nếu quốc gia, rốt cục, chỉ là một nguyên tắc tinh thần, thì có hy vọng cùng nhau chấp nhận một tinh thần mới rộng rãi hơn, hợp với nhu cầu khẩn yếu của thời đại, hợp với sự ước mong của hàng hàng lớp lớp người không muốn làm nạn nhân vô ích trong một thể chiến khủng khiếp mà bao nhiêu sự hiềm khích hiện nay sửa soạn. Đã có nhiều cố gắng lẻ loi, đã có bao nhiêu tiếng nói trong sa-mạc nhưng cũng có những thực hiện đem lại niềm tin tưởng nơi sự khôn ngoan của loài người. Đã có những sự hợp tác giữa các nước, đề san sẻ những phát minh khoa học lợi ích chung cho nhân loại, đề giảm bớt những sự bất công, thoa dịu những sự đau khổ, bù đắp những thiếu thốn về vật-chất; đã có những sự xóa bỏ hàng rào về quan thuế, về việc trao đổi người, trao đổi văn chương, mỹ thuật. Trong một khí hậu hiềm thù, nghi kỵ thường xuyên, bao nhiêu thành tích bé nhỏ của tinh thần hợp tác rộng rãi vẫn là những điểm quý hóa để khỏi phải ngã lòng hoàn toàn.

Với thời gian, với sự thay đổi kỹ thuật và phương tiện sản xuất, với sự tiến bộ của con người về hiểu biết, mọi ý thức hệ phải thay chiều đổi dạng. Mọi xã hội cũng thế. Trong tiền sử, phần nhân loại nào đã tìm ra được khí cụ bằng đá mài hay bằng kim khí, đã thay đổi chủ thuyết chính trị và tạo nên những cơ cấu thích hợp cho đời sống mới. Sự phát triển kỹ nghệ của thời đại này, những công dụng hòa bình của nguyên tử năng chưa được khai thác, việc chinh phục không gian, là những yếu tố mới, nhất định đưa nhân loại đến những cộng đồng xã hội rộng rãi với những dự phóng cao đẹp và kỳ diệu hơn nữa. Trong viễn tượng ấy những ý niệm về quốc gia trước đó chỉ còn giá trị tình cảm như tinh thần làng mạc khi những nhóm người khác hương thôn biết gác lại một bên những điểm dị đồng để góp sức xây dựng một quốc gia.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37 et 24.38

BP N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

HONG KONG

Téléphones : 94 — 6081 (8 lignes)

P O. Box N° 763

Bureau permanent

WYNDHAM STREET

75 et 77 — Wyndham Street

HONG KONG



BUREAUX DE KOWLOON :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion 96 Nathan Road

KOWLOON

Bureau Permanent SHAM SHUI PO

90 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

MỘT BÀI HỌC CHO THANH-NIÊN

DOUGLAS LURTON

NGUYỄN HIỂN LÊ dịch

Chuyện bắt lợi thành thắng lợi

Các bất lợi có thể làm tiêu tan năng lực tích cực, nhưng thường thì nó làm cho năng lực đó phát triển mạnh lên.

Cứ nhìn chung quanh ta cũng thấy lời đó đúng. Hết thấy chúng ta, ai là người không có một bất lợi nào hoặc về thể hất hoặc về tinh thần ? Và chúng ta nên vui vẻ được có những bất lợi ấy, vì chính nó đã giúp ta thành công ở đời, nếu ta có một thái độ tích cực để thắng nó. Tôi còn muốn nói : Nhờ có những bất lợi đó mà ta mới phấn đấu, gắng sức để thắng nó, mà năng lực của chúng ta mới tăng lên. Lời đó có vẻ như tàn nhẫn, nhưng sự thực là vậy, và các nhà tâm lý đã gọi các thái độ chiến đấu để thắng những bất lợi là thái độ «tự bù quá mức» (over-compensation), nghĩa là thiếu ở một điểm nào, thì ta rón lấp chỗ thiếu đó, không những lấp bằng mà còn đắp thêm lên nữa, thành thử một khuyết điểm biến ra một ưu-điểm, một bất lợi biến ra một thắng lợi. Nếu không có bất lợi đó, thì ta đã chẳng cần gắng sức, tài năng của ta không tăng mà ta không thành công được. Vậy, xét cho cùng thì gần như không có sự bất lợi nào tai hại cả, ngoài sự bất lợi là có tinh thần tiêu cực.

Xin bạn cho tôi kể chuyện của Harry Doehla và của John Doe để chứng thực điều đó. Cả hai đều trẻ, đều bị chứng phong thấp, tay chân co quắp lại. Ai trông thấy cũng ái ngại cho họ và gia đình họ. John đau khổ cho thân phận lắm, chán nản, thành một kẻ tàn tật, quạu quọ, khổ sở, một gánh nặng cho gia đình. Tất nhiên, tôi không chép lại đây tên thật của chàng, mà gọi là John Doe.

Còn Harry Doehla là tên thật của một thanh niên khác, bạn thân của tôi, tôi đã xin phép anh kể câu chuyện của anh vì chuyện đó có thể giúp được nhiều người. Anh là con người thợ dệt nghèo mỗi tuần kiếm được 8 Mỹ kim. Mới ở trường Trung học ra thì bị chứng phong thấp. Thế là tan cái mộng vô Đại học để chuyên môn về Hóa-học. Mà cũng tiêu tan luôn cả cái cảnh an toàn thanh bạch trong gia đình, vì người nhà phải bồng anh như em bé hoặc đặt anh vào một chiếc ghế có bánh xe mà đẩy. Trong năm năm anh đau khổ ghê gớm cả về thể chất lẫn tinh thần.

Anh kêu Trời : «Tại sao Trời lại độc địa bắt tôi chịu cảnh này ? Sao mà bất công vậy ? Kẻ khác thì khỏe mạnh, đi

đúng được, còn tôi phải nằm chết gì ở đây, năm này qua năm khác ! Tôi làm gì mà bị cái tội đó ? Sao mà bắt công vậy. Trời hời Trời ?

Suốt ngày nằm một mình ở nhà vì cả cha lẫn mẹ đều phải đi làm 3-4 giờ để kiếm tiền nuôi chàng. Anh chưa chát đến cực điểm. Rồi trong một ngày đau khổ, cô độc, bỗng một việc lạ lùng xảy ra.

Đêm đó, song thân anh không nhận thấy gì hết. Làm sao mà nhận thấy được vì sự thay đổi lạ lùng xảy ra ở trong tâm tâm anh kia mà. Một cuộc cách mạng đã bắt đầu. Một phép màu đã hiện.

Chàng thao thức suy nghĩ rồi bỗng nhận ra rằng oán Trời trách phận như vậy không ích lợi gì cho mình mà cũng chẳng ích lợi gì cho ai cả. Thái độ đó vô ích quá đi. Phải tìm một thái độ khác Anh tự hỏi :

«Cái thân tàn tật, không nhúc nhích được trong một chiếc ghế đẩu này có thể làm gì ích lợi cho người khác được ? Trong hoàn cảnh của ta, ta có thể làm cái gì giúp ích người khác ? Làm sao kiếm được chút tiền, bớt gánh nặng cho ba má ? » Anh đã đổi thái độ tiêu cực ra thái độ tích cực.

Và anh thấy có hàng chục việc có thể làm được. Anh xét kỹ từng việc một xem việc nào dễ làm hơn cả. Anh làm thử vài việc, không khá mấy, nhưng không thất vọng vì những gắng sức đó cũng đã giúp anh nhận rõ hơn khả năng của mình. Sau cùng — tôi xin tóm tắt lại — anh làm cái việc tô màu những hình trên bưu thiếp. Anh đem bán. Không được mấy tiền ; Cặm cụi ngày này qua ngày khác mà suốt năm chỉ được 800 Mỹ kim. Anh bèn nghĩ ra một kế hoạch là mua buôn những

tấm đã tô màu rồi gửi bán ở khắp nơi. Anh thành công và hiện nay có cả ngàn đại lý, công việc làm ăn lên tới cả triệu Mỹ kim.

Tôi thường lại thăm anh và lần nào ở chơi cũng khá lâu. Anh có nhà ở Massachusetts và ở Florida, nhưng thường thì anh ngồi phi cơ riêng lại Nữ Uớc, và sống ở Nữ Uớc. Ngôi nhà ở Hampshire (Nữ Uớc) trang hoàng rất có nghệ thuật. Điện thoại kêu không ngót. Anh nói chuyện rất có duyên tỏ ra một người lịch thiệp, nhã nhặn, có học thức rất cao.

Vậy thì có phải là Harry Doehla thành công là nhờ những bất lợi của anh không ? Không phải anh thành công mặc dầu bị tàn tật. Chính vì tàn tật mà anh thành công.

Coi những bảng thống kê ta thấy đa số chúng ta có những bất lợi. Hội Y học Hoa kỳ cho biết rằng có tới 16.000.000 người hoặc điếc hoặc nghễnh ngãng, phải nói lớn mới nghe được. Hàng triệu người bị những cổ tật khác ; hàng triệu người bị bệnh thần kinh, hàng triệu người bị tự ti mặc cảm ; hàng triệu người phải chịu những gánh rất nặng. Mặc dầu bị bất lợi, vô số người có tinh thần tích cực, vẫn vượt lên được trên hạng trung bình. Từ hồi nào tới giờ vẫn vậy. Đọc sử ta thấy có những danh nhân nhờ bị bất lợi mà thắng được hoàn cảnh.

Tôi kê một bảng danh nhân dưới đây, bạn thử nhớ xem các vị đó bị những bất lợi nào ?

Tên danh nhân	Bất lợi
1. Julius Caesar
2. Charles Darwin
3. Lord Nelson

4. John Keats
5. Ulysses S. Grant
6. Ludwig Van Beethoven
7. Lord Byron
8. Thomas A. Edison
9. Edgar Allen Poe
10. John Milton
11. Demosthènes
12. Charles Steinmetz
13. Elizabeth Barrett Browning
14. Peter Stuyvesant
15. Alexander Pope
16. Robert Louis Stevenson
17. Franklin D. Roosevelt

Bảng đó có thể kéo dài đầy cuốn sổ điện thoại. Đây, những bất lợi của các danh nhân đó như vầy:

1. — Bị chứng động kinh. 2. — Tàn phế. 3. — Chột mắt. 4. — Ho lao. 5. — Căng-xe ở họng. 6. — Điếc. 7. — Khập khiễng. 8. — Điếc từ hồi nhỏ. 9. — Loạn thần kinh. 10. — Dui từ hồi đứng tuổi. 11. — Ngọng. 12. — Gù. 13. Tàn phế. 14. — Tê liệt ở chân. 15. Gù. 16. — Ho lao. 17. — Hồi nhỏ bị tê bại.

Danh nhân thì như vậy. Còn hạng người thường thì sao? Đây là trường hợp Bob Allman. Ông là thầy dạy môn vật lộn ở Đại học đường Pennsylvania, thắng bốn mươi bốn cuộc đấu vật, thua mười hai cuộc. Ông được phần thưởng danh dự là nhà « lực sĩ gần đạt được cái lý tưởng lực-sĩ của Đại học đường Pennsylvania ». Muốn được phần thưởng đó, phải có đủ tư cách, nhân phẩm, tài giỏi về môn thể thao, học rộng. Mà bạn thử đoán xem ông ta có những bất lợi nào? Ông bị cắt xương sườn, xương vai bẻ, đầu gối trặc.

Rồi ông ta lại dui nữa !

Còn bất lợi của bạn ra sao và bạn làm được cái gì ?

Coach Von Elling ở Đại học đường Nữ Ước bị tàn tật mà tập nhảy qua hàng rào. Ông có một đứa con trai bị chứng tê liệt mà nhảy cao được một thước tám mươi sáu, và còn tập nhảy cao hơn nữa. Còn bạn, không bị chứng tê liệt, bạn nhảy thử xem sao. Cần thận đấy ! Mọi đầu hãy đề cây ngang cao khoảng một thước thôi nhé!

Bạn có đọc cuốn *Life With Father* (Đời sống với Chúa) và khen cuốn đó như vô số người khác đấy không? Bạn biết chăng, Clarence Day cột một cây viết chì vào ngón tay để viết cuốn đó đấy. Vì tay bị tàn tật trong chiến tranh Hoa-kỳ — Y Pha Nho. (1)

Còn cái bất lợi của bạn hôm nay là cái gì đây? Không, không bất lợi nào có thể ngăn đường tiến của những người có tinh thần tích cực được, mà chỉ cản trở những kẻ có tinh thần tiêu cực thôi.

Bạn tự xét xem, bất lợi vì thiếu tiền, thiếu học ở Đại học, thiếu thì giờ, thiếu vô số hững vật quý khác, hay chỉ là thiếu tinh thần tích cực ?

Em nhỏ Ethelwynne Kingsbury mới mười tuổi, đưa vông cao quá mà té, bại hẳn chân dưới. Má em làm nghề điều dưỡng, sống thanh bạch và phải để con ở nhà một mình suốt ngày. Em học ở nhà mà đậu bằng cấp trung học, lại đậu cao. Một trường Đại học ở Minneapolis không chịu nhận em vô học vì không tin rằng em tàn tật như vậy, sau này có thể làm ăn gì được. Mặc dầu vậy, em cũng

(1) Coi thêm tiểu sử Helen Keller, một người đàn bà dui, điếc, câm mà viết được trên mười cuốn sách và đi diễn thuyết khắp thế-giới (Helen Keller của Nguyễn Hiến Lê trên BK. TĐ. số 186 (15-9-64))

tới trường và sau này làm thư ký cho ông hội trưởng của trường.

Không. Bạn không thể ngăn cản một người có tinh thần tích cực được. Cô Ethelwynne muốn thành một danh ca. Cô đương làm thư ký, kiếm được tiền, cô học và được giấy chứng nhận của Công ti Phát thanh Columbia. Sau cô thành hội trưởng Nhạc hội Minnisota. Cô bảo: "Bước đầu của tôi là nhận thấy rằng không có gì tai hại bằng gọi tình thương và mong người ta có biệt nhãn với mình vì mình tàn tật. Không có gì hại ta bằng sự than thân".

Luôn luôn phải diệt tánh than thân trách phận đi, nó là đội quân thứ năm của những tư tưởng tiêu cực len lỏi vào tâm hồn ta đấy.

Những trường hợp kể trên không phải là những trường hợp lựa kỹ làm thí dụ cho bạn đâu. Có cả vạn trường hợp như vậy. Chẳng hạn bạn có thể lấy bất cứ trường hợp nào của bảy trăm công nhân bệnh tật, chịu bất lợi, ở Công ti Điện miền Tây. Một hôm Công ti Nghiên cứu việc làm của 700 công nhân khác không có bệnh tật, không chịu một bất lợi nào. Cả 1400 công nhân đó đều làm một loại công việc như nhau. Công ti xét về ba phương diện: năng suất, sự gắng sức và nghỉ việc. Về cả ba phương diện đó, những công nhân chịu bất lợi đều hơn bạn của họ.

Khi ta nghĩ rằng những người ít học lại bệnh tật, nhờ có tinh thần tích cực mà làm được những việc như vậy, thì ta khó mà có cảm tình với hạng người than van, rên rỉ: «Ồi! Nếu hồi nhỏ tôi đã được học đến nơi đến chốn. Nếu tôi được ở một trường Đại học ra thì tôi đã làm được những việc kinh thiên động địa!» A! Có chí lớn như vậy thì họ còn đợi gì nữa nhỉ? Một số lớn các vị đàn ông cũng như đàn bà — có tên trong bộ *Danh nhân Huê Kỳ* (Who's Who in America) có bao giờ được vô một trường Đại-học nào đâu, họ chỉ hơn

người ở chỗ chịu khổ tự học. Mới đây ông B.C. Forlus nghiên cứu đời của năm chục nhà chỉ huy trong những ngành kinh doanh lớn ở Huê kỳ. Khoảng một nửa số đó không được học trường Đại học. Đa số những vị Giám đốc các ngành ở Công ti Điện thoại Bell không có bằng cấp Đại học. Bob Devine lái xe cam nhông và làm công trong một xưởng nhỏ sửa xe hơi. Ông ta đâu có được học trường Đại học. Rồi cưới vợ. Rồi làm thám tử cho châu thành Nữ Ước. Rồi học thêm ban đêm, vô Đại học đường Nữ Ước. Tháng sáu năm 1949 đậu Cử nhân Luật. Raphael Demos một người Hi-Lạp di cư qua Mỹ, làm chân gác cửa trường Triết học ở Đại học đường Harvard, rồi mà làm giáo sư về Tôn giáo, Luân lý, Chánh thể ở Harvard.

Có những người đàn ông, đàn bà cụt tay, cụt chân, đui mù, thất học, gia đình nghèo hèn, mà cũng lên được những địa vị cao trong xã hội. Được vậy là nhờ những bất lợi của họ.

Đa số chúng ta lờ mờ không biết mình muốn gì khi phải lựa một nghề. Đa số không bao giờ tìm được cái gì hợp cho mình nhất. Những người đó tất phải trôi giạt như cánh bèo. Họ cũng tích cực một phần nào đấy, nhưng chỉ tích cực đủ để khỏi chết đói; họ như những con thuyền không bánh lái, không kim chỉ nam. Trái lại, những người chịu cảnh bất lợi, khả năng bị hạn chế một cách khốc liệt, nên bắt buộc phải phân tích hoàn cảnh của mình và tìm cách phát triển thiên tư tới mức cao nhất trong hoàn cảnh đó. Và những kẻ tiêu cực nhất định phải tránh đường cho họ đi trong mọi khu vực hoạt động.

DOUGLAS LURTON
NGUYỄN HIẾN LÊ dịch

Vài ý-kiến về NON NƯỚC PHÚ YÊN

của ông Nguyễn-Đình-Tư

• ĐÀ - GIANG

Trong Bách Khoa số 249 ngày 15-5-1967, ông Nguyễn-Hiến-Lê có nêu lên một hiện-tượng mới trong nền văn-học nước nhà là từ vài năm nay, hình như có một phong-trào viết Địa-phương chí. Nếu phải đó là một phong-trào thì là điều đáng mừng và đáng khích-lệ. Và những người đã gây ra nó cần phải nuôi dưỡng và duy trì nó.

Cho đến ngày nay, chúng ta chưa có một quyển địa-dư nước Việt-Nam nào được viết cho chính xác và trung-thực. Những quyển hiện có ở các bậc học đều là sách dịch những sách Pháp của Gou rou, Robequain, Bouault, Russier v.v.. những tác-giả này dĩ nhiên là không đứng trên lập trường dân tộc mà viết. Cho nên có những quan-niệm không đúng về nhân-văn-học, kinh-tế-học của nước nhà. Đất nước Việt-Nam mà mang tên Pháp : Varella, Padaran, Cap St. Jacques, Dent du Tigre, la Mère et l'Enfant, v.v... nhiều tài-liệu cũ rích thời thực dân cũng thấy được dịch ra cho học trò học.

Chưa có một cá nhân nào hay một tập-thể nào ra công đi khảo-sát tường tận tại chỗ để viết quyển địa-lý của nước mình. Họ chỉ ngồi trong phòng kín bên chõng sách cũ mà làm cái công việc của nhà biên-khảo. Tình trạng này không thể kéo dài, một khi đất nước thanh bình,

chúng ta phải có bản-phận xây dựng đất nước. Chúng ta phải có những nhà địa-lý-học cho xứng đáng với danh-nghĩa để làm một quyển Địa-dư Việt-Nam cho người Việt-Nam.

Cho nên, nếu có một phong trào địa-phương-chí là một việc đáng mừng vì nó đã bắt đầu góp một viên gạch để xây ngôi nhà địa-lý tương lai. Mỗi tỉnh có một địa-phương-chí viết đúng đắn, theo phương pháp khoa-học thì sau này sẽ là một tài-liệu quý giá.

Tôi đã đọc NON NƯỚC PHÚ-YÊN của ông Nguyễn-đình-Tư do ông Nguyễn Hiến-Lê đề tựa và giới-thiệu. Tôi rất cảm thông những nỗi khó khăn của tác-giả khi tiến hành công việc lớn lao và hữu-ích này, nhất là trong thời-kỳ chiến tranh không dễ gì cho việc xê dịch và tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân để sưu-tầm tài-liệu. Tôi rất tán phục tác giả trong mục-dịch và động cơ thúc đẩy để viết quyển sách vừa hấp dẫn vừa bổ ích này. Tình yêu quê-hương đất nước của tác-giả cũng như tình "thương" cảnh Phú-Yên của người đề tựa mơ ước một ngày kia "sẽ kiếm một khu vườn ở Vũng-Lắm hoặc Xuân-đài để ngắm núi non trời biển cho thỏa mắt" đã làm cho kẻ viết bài này vô cùng cảm động trước những mối tình đậm đà của

khách bốn-phương đối với tỉnh nhà lâu năm xa vắng.

NON NƯỚC PHÚ-YÊN đã có nhà văn Võ Hồng phê bình trong VĂN tập 1, 1967. Trừ một vài điểm cần phải thảo luận, tôi rất tán đồng với nhà văn họ Võ trên nhiều điểm nhận xét xác đáng về cách sưu-tầm và chọn lọc tài liệu của tác giả, về yếu tố khoa-học trong Địa lý học, về lối phê phán phong tục tập quán người dân Phú-Yên cũng như việc đính-chính một số tên chỗ, tên người.

Hôm nay, thể theo sự ước mong của tác giả trình bày trong lời nói đầu, và cũng để góp phần xây dựng cho nền địa lý học Việt-Nam nói chung và địa-lý tỉnh nhà nói riêng, tôi xin phép tác giả góp một số ý kiến sau đây vào công trình biên-khảo của tác giả.

1) Về việc cấu-tạo đồng Tuy-hòa : Tác-giả viết : « Nguyên vùng này là một cái vịnh, bờ biển ăn sát vùng Gò-chợ ở thôn Trường-phú, thuộc xã Hòa-quang. Xưa kia, nơi đây là khu vực hoạt động thương mại nhộn nhịp nhất, thuyền buôn của người Trung-Hoa hay người Mã-lai cập bến trao đổi hàng hóa với dân Chiêm-thành, khi phần đất này chưa gia nhập Tổ quốc Việt - Nam » (Chương IV, Vùng Châu-thổ, trang 34).

Nhận xét như trên thì đồng bằng Tuy Hòa được cấu tạo san khi Chiêm-Thành lập quốc. Bởi vì lúc đó, theo tác giả, « Vùng này là một cái vịnh », thuyền buôn ngoại quốc đến cập bến tại thôn Trường-phú để trao đổi hàng hóa với dân Chiêm Thành.

Theo G. Maspéro, tác giả Le Royaume de Champa, xuất bản tại Paris, 1928, trang 43-59. thì Chiêm-

Thành lập quốc vào cuối thế-kỷ thứ II, các tài liệu Trung-quốc viết vào năm 192, do nhân vật tên là K'iu-Lien (Khu-Liên) thừa lúc nhà Hậu Hán sụp đổ đã chiếm một phần đất của quận Nhật-Nam và xưng đế.

Còn sự cấu tạo đồng Tuy hòa thì đã được làm trước đó lâu lắm. Sự cấu tạo đồng Tuy-hòa nằm chung trong sự cấu tạo toàn cả Miền Nam Trung Việt. Theo các nhà địa-chất học, thì trước tiên, một khối Thái-cổ nổi lên. Tất cả khối này đều bị mòn, và đến đầu thời kỳ địa chất thứ hai (ère secondaire), vùng đó trở thành một vùng lầy mênh mông và để lắng xuống một lớp sa-thạch đỏ. Cuối thời kỳ này, hầu hết miền Nam Trung phần đã trôi lên khỏi mặt nước, nhưng ba hiện-tượng quan trọng đã biến đổi các hệ thống núi non : các lần nứt, cuộc nâng cao bờ biển, và hiện tượng hỏa-sơn.

Các lần nứt chạy theo đủ chiều và thường gây nên nhiều chỗ đất sụp kéo đất phù sa đến ; lần nứt quan trọng là thung lũng sông Đà-rằng.

Những lần nứt sau đã tạo nên nhiều núi lửa, xuất hiện thời-kỳ địa-chất thứ nhất và tiếp tục hoạt động mãi đến thời-kỳ địa chất thứ tư, nghĩa là nhiều núi lửa chỉ mới tắt ở một thời-gian gần đây và những miệng núi lửa ấy hãy còn được giữ nguyên vẹn.

Như thế thì, thung lũng sông Đà-rằng đã được cấu tạo vào cuối thời-kỳ địa-chất thứ hai, mãi cho đến thời-kỳ địa-chất thứ tư, loài người mới xuất hiện trên trái đất. Từ thời-kỳ địa-chất này cho đến thời kỳ địa-chất kia có hàng triệu năm.

Vậy thì ưc đoán rằng đồng Tuy-hòa

được cấu tạo sau khi Chiêm Thành lập quốc vào thế kỷ thứ II là mơ hồ, ước đoán đó có thể gieo vào trí độc giả những quan niệm sai lầm về sự cấu tạo trái đất và thời gian loài người xuất hiện.

Năm 1942, trong cuộc khảo sát các cao nguyên Trà kê, Củng sơn, Vân hòa với giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu, lúc bấy giờ là nhân viên trường Viễn đông Bác cổ Hà nội, chuyên về Địa lý học, chúng tôi có nhận thấy nhiều vết tích núi lửa tại nhiều nơi, rõ ràng nhất là ở Lỗ-Chảo, thôn Hòa-nguyên, miệng núi lửa vẫn còn nguyên vẹn như lòng chảo, tro núi lửa ngày trước đã tạo cho vùng này một lớp đất vô cùng phì nhiêu, miệng núi lửa tắt còn thấy rõ trên cao nguyên Pleiku tại Biển hồ Tonueng Prong. Hiện tượng núi lửa ở Phú-Yên còn thấy rõ ở Suối Nước Nóng, thôn Triêm-đức, xã Xuân-quang. Trên đỉnh núi đá, bên sông Kỳ-lộ, những gộp đá mang nhiều đường nứt dài rộng ba phân tây. Từ trong lòng đất, nước nóng chảy ra bốn mùa, đời đời không cạn. Hơi nóng bốc lên khắp một vùng. Nước nóng 70-80 độ. Đề tai vào đá nghe như tiếng nước sôi.

— 2) Về địa-chất tỉnh Phú-Yên tác giả viết : “Đất da tây là một thứ đất đen như màu con tây-ngu ở vùng La - hai thuộc huyện Đồng - Xuân, vùng dinh điền thuộc quận Phú-đức. Những vùng này xưa kia có lẽ là những đồng lầy, thung lũng nhiều cỏ lác, cây lá, sau bị vùi xuống bùn mà thành ra thứ đất màu xám này, rất tốt, vừa dẻo vừa xốp . . .”

Tác-giả đã lầm lẫn đất da tây với đất mùn (humus). Như trên, tôi đã trình bày, các cao nguyên Phú-Yên là gốc núi

lửa phun ra ngày trước tràn khắp cao nguyên và chảy tràn ra bốn phía. Dung nham này dần dần cứng lại tạo thành đá huyền-vũ bao phủ mặt đất cao nguyên. Lớp đá huyền vũ lâu ngày bị mưa nắng tan rã ra thành một lớp đất đen mà người ta thấy xuất hiện từ An-nghiệp, An-định, An-cur, An-hiệp, An-mỹ, An-chấn (Tuy-an) cho đến Hòa-kiến, Hòa-quang (Tuy-hòa) nghĩa là vùng chung quanh cao nguyên Vân-hòa. Người địa phương gọi đất này là đất da tây. Mùa mưa thì lún tới đầu gối. Mùa nắng thì nứt nẻ. Đất rất tốt cho việc trồng màu, nhất là bông vải. Đá huyền vũ màu nâu thì vỡ ra thành đất đỏ (Vân hòa, Đất Đỏ, Suối Mít,..) Có thứ đá hỏa-lập màu trắng vỡ ra thành đất trắng (Chi-đức gần Chi-Thạnh). Những đá do núi lửa tạo nên có đủ màu: từ màu trắng đến màu đen đậm.

Ở đồng Tuy-hòa còn có đất sét lắng tụ dưới đất phủ sa sông Đà-rằng. Phần lớn là đất sét vàng dùng làm ngói gạch.

3) Ruộng đất bắc thang ở Phú-Yên : Một hiện tượng lạ không thấy ở các tỉnh miền Trung, chỉ thấy ở miền Thượng du và Trung du Bắc Việt, nơi có dân tộc ít người như Thổ, Mán vv... ở, ấy là ruộng đất bắc thang. Ở Phú-Yên, ruộng đất bắc thang chiếm gần nửa diện tích trồng. Cả quận Sơn-hòa, một phần quận Tuy-An và quận Đồng-xuân đều sống trên núi. Núi Phú-Yên trồng trọt được từ dưới chân lên đến ngọn. Du khách đi từ Bắc vào Nam, đứng trên đèo Giốc Găng hay đèo Quán Cau vào khoảng tháng chạp sẽ thấy những rẫy lúa chín vàng chen với những rẫy lúa còn xanh tương chừng muôn ngàn tấm thảm phủ trên mặt đất. Lúa và bắp gieo chung một lần vào tháng bảy, đầu mùa mưa. Đến tháng thì lúa chín, bắp chín.

một mình, nở ra, ăn nước trời. Đến tháng 10, tháng 11 thì trở và qua tháng chạp, tháng giêng thì gặt. Trên những thôn Trung-thiền, Hòa-lộc, Trung trịnh Trà kê, người Chiêm thành còn để lại những đập ngăn nước bằng đá kiên cố, ngăn nước tưới ruộng bắc thang làm được hai mùa.

Hiện tượng này là đặc biệt Phú Yên nhưng tác giả không nói đến trong NON NƯỚC PHÚ-YÊN.

Ở Phú-Yên, năm nào mất lúa đồng thì còn có lúa núi. Năm nào mưa ít hay mưa chậm, lúa núi mất thì còn có lúa đồng. Núi đồng bồi bổ nhau, thêm vào đó, Phú-Yên có nhiều hoa màu phụ (bắp, khoai, sắn mì và các thứ đậu) nên ở đây ít xảy ra nạn đói trầm trọng, chỉ trừ năm đại hạn hay khi bất thường như năm 1951, thực dân Pháp đem bom thả đập Đồng Cam, dân chúng đồ xô đi đào củ rừng ăn tạm thời một độ mà thôi.

-4) Nghề trồng bông dệt vải ở Phú-Yên :

Ở Phú-yên, ngoài lúa ra là sản phẩm chính, còn có bốn thứ thổ sản trong tỉnh tiêu thụ không hết phải bán ra các tỉnh ngoài là : bắp, bông, mía, thuốc. Riêng về bông thì ở Việt-Nam có bốn tỉnh sản xuất nhiều : Thanh Hóa, Quảng Nam, Phú yên và Bình Thuận. Đất chịu bông là đất da tây, mà đặc biệt là ở Quán Cau, Bầu Súng :

« Dừng bông đến tổng An-vinh

Tuy-hòa, Hòa-lạc, Phước-bình nghinh ngang ».

Tổng An-vinh là Quán cau, Bầu Súng. Ngày trước khắp tỉnh chỗ nào cũng trồng bông để làm vải mà mặc. Hầu hết miền núi và cả hạt Tuy hòa, nhà nào

cũng có xa kéo và khung cửi. Công việc ngoài đồng xong rồi về nhà, chiều lại, bỏ cái cày cái cuốc xuống là người nông dân kéo chỉ, dệt vải. Già và trẻ thì kéo chỉ, đàn bà thì dệt, đàn ông đập côm. Họ làm việc chứ không chịu ở không. Vải Chà-né, Lahai, Phú thứ có tiếng lắm. Vải đập côm kỹ mặc bền và đẹp. Vải dùng trong nhà không hết đem ra chợ bán. Phú-ân là chợ vải. Ngày phiên chợ, khi còn xe lửa, nhà buôn từ Huế, Nha Trang, Sài Gòn tấp nập đến mua. Dần dần, kỹ-thuật được cải tiến, nghề dệt vải ở Phú yên đã có tiếng vang trong nước. Dân có công việc làm, đời sống dư dật, kinh tế trong tỉnh phát đạt.

Hoạt động công nghệ này chắc không còn nữa nên không thấy tác giả đề-cập đến. Xem con số trong bản thống-kê năm 1960 về bông vải chỉ có 200 tấn, bây giờ chắc còn ít hơn. Vì hiện nay hàng nhập cảng tràn ngập, vải ngoại quốc tốt và rẻ, dân chúng thích mua mặc hơn, tội gì trồng bông dệt vải cho nhọc công. Ngành công nghệ ắt phải chết vậy.

-5) Việc học ngày xưa và nay ở Phú-Yên.

Xét về nhân vật, ông Nguyễn-dinh-Tư có viết : « Mỗi lần ngược mắt nhìn ra tứ phía, nào gặp đèo cao, núi rậm, biển rộng bao la, đường đi ra khỏi tỉnh thật muôn vàn khó khăn, nên người dân Phú-yên đã nuôi sẵn từ lâu cái tinh thần an phận thủ thường, sống theo nề nếp thanh đạm, không có hoài bão to tát, miễn sao được yên ổn làm ăn là đủ. Vì vậy ngày xưa người dân Phú-yên ít ai nghĩ đến việc xuất tỉnh làm ăn hay học hành, do đó mà nhân tài không có cơ hội phát triển, văn-hóa bị đình trệ...» (Chương IV, Nhân vật, trang 119)

Nói về việc học ở Phú-yên, ta phải phân biệt việc học ngày xưa và việc học ngày nay.

Ngày xưa, dưới thời Hán học, như nhà văn Võã Hồng đã nhận xét, thì chẳng những Phú-yên không có đại-khoa mà ngay cả từ đây cho đến Lục tỉnh cũng vậy, đại khoa xuất thân chỉ có vồn vẹn hai người là cụ Phan-thanh-Giản, người Vinh-long đậu tiến sĩ khoa Bính tuất, 1826, triều Minh-Mạng, khai khoa cho Nam kỳ và cụ Nguyễn Chánh, người Bình-dương, Gia định, đậu tiến sĩ, khoa 1858, triều Tự-đức. Việc đó dễ hiểu vì cả miền Nam là đất mới, « quá khứ còn mỏng » lại xa kinh đô, xa trường thi. Đại-khoa thì không có chớ còn cử-nhân và tú-tài thì số người đậu cũng không lấy gì sút kém.

Đáng trách nhất là thời Pháp-thuộc. Thử xem coi thời Pháp thuộc, người Pháp đã làm gì cho tỉnh Phú-Yên về văn-hóa :

— năm 1923, có 1 trường 5 lớp gọi là école de plein exercice ở Sông Cầu, tỉnh lý,

— năm 1926, thêm trường Tuy-hòa,

— năm 1933, thêm trường Ngân-sơn (Tuy an).

— năm 1940, thêm trường Bàn-thạch và trường La-hai.

Vậy thì, trong hơn 80 năm đô hộ, trước khi bước chân ra đi, thực dân Pháp chỉ làm cho dân Phú-yên 5 trường tiểu học có 5 lớp và một số hương trường có 3 lớp không quá 30 cái. Không có một trường trung học. Từ Phú yên tới Bình thuận và cả cao nguyên, ai muốn học Trung học phải ra Quinhon. Số học sinh đâu thành-chung (diplôme) và tú

tài cho tới 1945 chỉ độ mười người nói chi đến cử nhân, tấn sĩ. Dân chúng thất học hết 90 0/0. Như thế là thua hời hán học.

Giờ đây, trường tiểu học thì mỗi xã ít nhất một trường. Trường Trung học công và tư đều mở ở tỉnh và ở quận. Gần trường, con nhà nghèo cũng có thể đi học được. Dân chúng hầu hết thoát nạn mù chữ. Số học sinh đậu tú tài ngày nay rất nhiều và số theo học đại học Saigòn và Huế cũng đông.

Thế thì « văn hóa bị đình trệ », « nhân tài không có cơ-hội phát triển » không phải lỗi ở dân có « cái tinh thần an-phận thủ thường » mà cũng không phải ở chỗ sơn xuyên cách trở « đèo cao, núi rậm, biển bao-la » mà lỗi ở ngay chính-sách vậy. Chính sách ngu dân của bọn thực-dân, muốn cho dân dốt, dân đòi truy để cho chúng dễ bề cai-trị.

6) Ông Châu-văn-Tiếp : về chỗ ở của ông Châu văn Tiếp, ông Nguyễn đình Tư viết : « Hiện nay ở vùng Vân-hòa còn có dấu-tích nền nhà của ông ». Tài liệu không được rõ ràng lắm. Tôi xin góp với tác giả một tài liệu chính xác hơn. Đó là bài du-ký của anh Lê Thọ-Xuân, người Hương-diêm, Bến tre, nhà nghiên cứu sử học quen biết, đã viết về nơi đây bình của ông Châu văn Tiếp sau khi đi thăm Lương sơn (Đại-Việt tạp chí số 14, ngày 1-5-1943, trang 17.)

. . . « Từ Tuy-hòa chúng tôi ra đi lúc sáu giờ sáng, bốn giờ chiều mới tới đây : đây làng nhỏ mà thưa, cảnh khô người khô : đây chỉ là cội da to quen gọi « Cây da chiến » hay « Cây da Ông Tiếp », đây tục kêu « Trại Cháy » mà nay là làng Lương-sơn. Chỗ này, thưa ban đoc

cách đây trên trăm rưỡi năm, không phải xơ rơ buồn bã thế nì, mà nhộn nhịp ồn ào tứ phương hào kiệt kéo lên quanh quần dưới ngọn đại-kỳ yết bốn chữ «Lương sơn tá quốc». Vâng, đây là Lương sơn, trên cao-nguyên Vân hòa chỗ mà trước kia Châu văn Tiếp treo cờ tự nghĩa, chỗ mà vừa rồi... chúng tôi vất vả bốn ngày ròng để đến xem tận mắt và viết mấy hàng du ký này. »

7) Yếu tố khoa-học trong địa-lý-học.

Trong lời nói đầu, tác-giả NON NƯỚC PHÚ-YÊN đã trình bày cái dụng ý của tác-giả là « Văn-nghệ-hóa » môn Sử-địa, mục đích để cho độc giả bớt chán với những thống kê khô khan, những địa-danh không gọi cảm chút nào. Đó là một sáng-kiến hay. Đề phục vụ cho mục đích ấy, tác giả đã ra công sưu tầm rất nhiều tài liệu đủ loại : ca dao cũ mới, bài vè, bài hát, thơ lục bát và đường luật của các thi sĩ địa phương và nơi khác v.v... mỗi một sự-kiện lịch sử hay địa lý đều có tài liệu dẫn chứng, minh bạch nên người đọc rất hào hứng như đi xem một phim trình thám. Nhưng cũng vì dễ gây hào hứng đó mà tác giả đôi khi đi quá sức tưởng tượng, thành ra xa thực tế.

Nói về Bắp Phú-yên, nên tác giả viết :

« Có những vùng đất tốt như Củng-sơn, trái bắp to như bắp chuối, cây bắp cao xấp hai người đứng. Đến mùa bắp trở bông, cây bắp xanh biếc một màu, nõn nà mơn mớn như con gái lứa tuổi đôi tám, khiến du khách ngắm mãi mà không biết chán » (trang 164). Chỗ khác có đoạn viết : « mặc dù canh tác đơn sơ như vậy, cây bắp vẫn

tốt, nhiều cây cao đến bốn thước tây, mỗi cây có đến bốn, năm trái, trái nào cũng to mập nhiều hạt... » (trang 94).

Chính mắt người dân Phú-yên chưa bao giờ thấy những cây bắp kỳ-dị như vậy. Mặc dù đất có tốt đến đâu, bắp cũng vẫn là bắp, không thể biến hình một cách đột ngột như vậy được.

Khi kể chuyện « Chợ Ma » ở Ma liên (trang 48) tác giả cũng muốn làm cho độc giả hồi hộp rùng mình ghê rợn trong chốc lát. Vẫn biết cuối cùng tác giả có rào đón một câu : « Nhưng đó là chuyện huyền hoặc không lấy gì làm tin ». Đã không lấy gì làm tin thì thiết tưởng không nên trình bày làm gì, vì những chuyện ma quỷ đâu đâu lại không có, nhất là ở những xứ chậm tiến.

Câu chuyện lược gà dãi bạn (trang 81-83) mất hẳn tính cách hào hứng của nó vì tên hai nhân vật trong truyện : Giáp và Ất. Hai tên này cũng như là X, Y, làm cho câu chuyện có vẻ bịa đặt hơn là đúng sự thật.

8) Lấy thi-văn chứng-minh địa-lý.

Trong NON NƯỚC PHÚ-YÊN tác giả có đem nhiều bài đường luật để dẫn chứng những sự kiện địa-lý. Theo thiển ý thì những bài thơ này phải nằm cho đúng vị trí của nó. Bởi quan-niệm của thi nhân không đồng quan-niệm của nhà khoa-học. Thi nhân đứng trước cảnh sinh tình, thả hồn thơ bay bổng mà không nghĩ đến thực tế dưới trần.

Thi sĩ Quách-Tấn khi đi ngang qua Phú-yên có tức cảnh bài thơ tám câu mà tác giả NON NƯỚC PHÚ-YÊN đem ra dẫn chứng nhiều sự-kiện. Đây là câu 5 câu 6 của bài thơ ấy:

«Núi Nhạn chuông ngân trời bảng lảng
Đầm ô sen nở gió thơm tho.»

(Viết đúng theo *MỘT TẤM LÒNG*, của Quách Tấn xuất bản 1939 trang 18. Trong *NON NƯỚC PHÚ-YÊN* viết «Chiều bảng lảng», «ngó thơm tho».

Tôi không dám phê bình thơ vì tự nhận thấy không đủ khả năng về phương diện này. Nhưng xét về ý nghĩa của câu sáu thì thấy không đúng thực tế. Đầm Ô. — Loạn đâu có trồng sen được mà có «gió thơm tho» đến tận thi sĩ. Đầm Ô là đầm nước mặn, chỉ có tôm, cua và sò huyết. Sen thì mọc ở đầm Hà Yến, đầm Hào Sơn. Nhưng tại sao thi sĩ lại viết thế? Có lẽ khi từ Nha-trang về Bình định, thi sĩ đi ngang qua đèo Quán Cau thấy cái đầm xinh xinh như bức tranh thủy-mặc, bất giác hỏi khách đồng đường là đầm gì. Người ta nói tên, thi sĩ nghĩ rằng đầm thì phải có sen, sen thì phải nở thơm tho, chớ nhà thơ hẳn chưa có dịp đi đến tận nơi tìm xem để nói cho đúng sự thật. Do đó, tôi thấy lấy những văn thơ ngẫu hứng để dẫn chứng là không hợp lý.

Hồi sinh thời, Tản Đà tiên sinh cũng có nhiều lần đi ngang Phú-yên trên đường Nam Bắc. Có một lần khi tới đò Phường Lụa, lúc ấy cầu Ngân Sơn chưa làm, thi sĩ ngồi trên xe chờ đò. Máy cô con gái Phường Lụa thường sạch sẽ dễ coi, đem bán dưa hấu và cốm. Không biết có cô nào đó đã làm cho thi sĩ mê mệt vì dung nhan mà khi về Hà nội, người đã làm bài thơ trong có câu :

«Đa tình con gái Phú-Yên!»

Đó là lối lấy những trường hợp cá biệt mà thay hẳn cho đại-thể, không thể coi là phương pháp suy luận đáng tin cậy được. Nếu ta đem câu thơ ấy để

mà phán đoán toàn thể con gái Phú-Yên thì vô tình đã gây nên thành kiến sai lầm.

Tất cả những bài đường luật của các thi nhân có cảm tình với non nước Phú-Yên mà tác giả đem dẫn chứng trong sách, nay tôi xin đề nghị cùng tác-giả nên cho vào một chương riêng, nhan đề «Cảm tình với non nước Phú Yên». Như vậy, một khi xem xong sách địa lý rồi, độc giả thường thức đến những bài thơ ấy như thưởng thức một tách trà thơm sau khi làm việc mệt nhọc. Kề thi-sĩ có cảm tình với Phú yên, tôi tưởng còn nhiều nữa nếu tác giả cố sưu tầm thêm.

Năm xưa thi sĩ Đông-Hồ và nữ sĩ Mộng-Tuyết trong chuyến viễn-du từ Hà tiên ra Bắc, có ghé thăm Tuy-hòa. Bên Tháp Nhạn, buổi chiều tà, khách-Phượng-thành cũng có đề thơ cảm tác :

« Hôm nọ Nhatrang thăm Tháp Bà
Nay thăm Tháp nhạn phủ Tuy-hòa.
Non sông nhìn cảm cơ hưng-phế
Bảng lảng Trường-Sơn dài bóng tà. »

Nhà Cách-Mạng Trần-Cao-Vân khi ần-minh ở Phú-yên cũng có làm nhiều bài thơ tức cảnh.

Một nhà du-lich thế-giới, khi đi ngang qua Đèo Cả, trông cảnh núi Đá Bia soi bóng trên mặt Vũng-Rô cho là một kỳ-quan của thế-giới và so sánh cảnh này với vịnh Rio de Janeiro ở Nam Mỹ.

Cảnh đầm Ô Loan, cảnh vịnh Xuân-đài đều được liệt kê vào danh sách những thắng cảnh trong nước.

oOo

Non nước Phú-Yên hữu-tình, dân Phú-yên hiền lành, tài nguyên Phú-Yên

phong phú, quá trình lịch-sử Phú-yên về vang. Nhưng nếu không có người điềm tô thì những về hay về đẹp kia cũng nằm trong bóng tối. Nay nhờ có ông Nguyễn-Đình-Tư không ngại khó khăn cực nhọc viết ra quyển NON NƯỚC PHÚ-YÊN đề cống hiến cùng

độc giả bốn phương, nhờ đó mà nhiều người được biết đến cái tỉnh nhỏ của miền trung Trung-việt này. Vậy công-lao của tác-giả đối với tỉnh nhà không phải là nhỏ vậy.

Saigon ngày 28-5-1967

ĐÀ-GIANG

Bị chú : Trong NON NƯỚC PHÚ YÊN có mấy địa danh đánh dấu hỏi chắc tác-giả chưa biết những nơi này. Tôi xin bổ khuyết :

Định-An tức xã An-định (Tuy-an), tên mới đặt sau ngày Tổng khởi nghị. Phú-Yên trồng cây gai nhiều nhất ở Đồng-Me (tức Định-An). Núi Đồng-Me thích hợp cho thứ cây này lắm. Trước kia, gai Đồng Me bán ra Huế, Quảng, Lục tỉnh người ta mua để làm chài lưới.

Đồng-Bàn (Đồng Linh, Đồng bàn) thuộc thôn Phú-Ốc, xã An-ninh, dưới chân núi Mái Nhà, ngó ra biển, có trồng dứa.

Định-trung, một thôn xã An Định (Tuy An)

Quảng-Đức, một thôn xã An Thọ (Tuy An)

Thạch-bích (núi Đá-Vách) ở phía Tây huyện Nghĩa hành là một trong mười thắng cảnh tỉnh Quảng Ngãi : Thạch Bích tà dương (Bóng chiều Thạch Bích). Hình núi cao chót vót, cỏ cây rậm rịt, nơi đây có một bộ lạc người Thượng thường gọi là Mọi Đá Vách không thần phục Triều đình Huế và ngay cả Pháp Bảo-hộ nữa. Triều đình Huế đã nhiều phen sai các ông Lê-Văn-Duyệt, Đào-Trí.v.v... và sau này Nguyễn-Thân đem quân lên dẹp. Nhưng ông nào cũng gặp sức kháng cự mãnh liệt của dân tộc đó và cuối cùng họ vẫn sống độc-lập trong khu-vực núi non hiểm trở của họ.

Hãy tìm đọc :

GIÓ NỔI CÁT BAY

Truyện dài của NGUYỄN-ÁI-LỮ

— Đề thấy con người vươn dậy trong đau đớn, tủi nhục và chiến-tranh.

— Đề thấy con người thương con người.

Nữ-sĩ Quách-Lương-Huệ

L.T.S. Trong khi các độc giả cùng bạn Lê-Phương-Chi đi tìm hiểu về nếp sống của một số văn-nghệ-sĩ trong nước, thì Cô Đặng-Ngọc-Hương, nhân một chuyến đi Đài Loan, cũng giúp chúng ta biết qua về nếp sống của Quách-Lương-Huệ cùng những thói quen của nữ sĩ trong khi sáng tác.

Phần đông chúng ta được biết nhiều về đời riêng của các nghệ-sĩ Tây-Phương nhưng về lẽ lối sinh hoạt của các nghệ sĩ Đông-Phương thì thật quá ít. Bởi vậy, chúng tôi ước mong việc làm của Cô Đặng-Ngọc-Hương rồi đây sẽ được nhiều người hưởng ứng.

Tôi đưa địa chỉ cho anh tài xế rồi mỉm cười nói với anh thông dịch viên :

— Không gọi điện thoại báo tin trước tôi e ngại cô ấy không tiếp.

— Cô đừng lo, cô cứ đến nhà nếu không gặp cô ấy hôm nay, cô hẹn ngày tới nữa. Cô ta sẽ chấp thuận.

— Mà anh chắc các nhà văn ở đây tích tành dễ chịu không ?

— Tôi chưa hề giúp ai phỏng vấn nhà văn nên tôi không dám nói chắc. Nhưng cô từ Việt-Nam sang. Dù bạn thể nào đi nữa, Cô Quách Lương Huệ cũng sẽ dành phần đặc biệt cho cô.

— Tôi cũng mong được như lời anh.

Người tài xế vòng sang đường Nhân-ái, quẹo vào hẻm số 4. Tôi nhìn qua cửa kính xe tìm số nhà 11. Chúng tôi hết sức ngạc nhiên nhìn thấy một ngôi

biệt-thự lộng lẫy qua bờ tường khá cao. Anh Phan, thông dịch viên, phê bình.

— Nhà giàu quá !

Tôi cũng tự nghĩ : nhà văn ở Đài Loan quả nhiên có nếp sống sung túc thật. Tôi bấm chuông. Phải chờ hơn 15 phút mới có bà giúp việc ra mở cửa.

— Chào bà, chúng tôi có muốn được gặp cô Quách Lương Huệ ?

Bà vẫn như chúng tôi từ đầu đến chân rồi lắc đầu.

— Cô tôi còn ngủ.

Tôi nhìn đồng hồ thấy 10 giờ hơn — Giờ này mà còn ngủ thì có nghĩa là không muốn tiếp khách — Tôi nói với anh Phan :

— Anh bảo giúp tôi với bà ta là

tôi từ Việt Nam sang. Tôi chỉ muốn gặp cô ta trong vòng 15 phút

Sau khi nghe anh Phan dịch lại bà xăm lại nhìn tôi từ chân đến đầu. Chắc bà ta thấy tôi giống hệt con gái; Tàu không có vẻ gì là Việt-Nam cả. Anh Phan vội vàng thêm vào.

— Khi nào cô Huệ thức dậy? Chúng tôi có thể chờ cô được không?

Có lẽ bà ta thấy tôi lặn lội từ Việt Nam sang cũng đáng thương, nên từ từ mở rộng hai cánh cửa mời vào.

Một lần nữa, tôi lại ngạc nhiên về óc mỹ-thuật của chủ nhân khi vào đến phòng khách. Nổi bật nhất là chiếc dương cầm xinh xắn đặt trên một tấm da cạp có sọc vàng đen rực rỡ. Gần 2/3 vách tường kê một dãy ghế da và mặt tường được trang trí bằng những họa phẩm thật, độc đáo. Cuối phòng là một tủ nhạc.

Tôi nghe âm nhạc được truyền khắp nhà thật nhỏ và du dương.

Đang chăm chú quan sát cách trang trí trong phòng khách thì nghe tiếng chân bước vào, tôi vội vàng ngồi ngay ngắn lại. Nhưng không, đó là, người giúp việc đem trà vào. Chén trà mới pha thật nóng. Nhìn cái chén sành chạm hình sắc sảo, tôi tò mò, nhắc nắp chén lên xem. Những lá trà đen vừa bắt đầu nở ra trong nước nóng đã có mùi thơm ngào ngạt.

Anh thông dịch viên của tôi có vẻ không được kiên nhẫn lắm. Luôn luôn anh ta báo động.

— Kia cô ấy sắp xuống thang.

Tôi vội vàng ngồi lại để đón chào nữ chủ nhân thì lại thất vọng. Một giờ

trôi qua. Người giúp việc thỉnh thoảng ra vào đem báo cho chúng tôi đọc đem trái cây để chúng tôi ăn đỡ buồn. 90 phút trôi qua. Tôi bắt đầu sốt ruột. Chà, lâu quá rồi còn gì.

Gần hai tiếng trôi. Lúc đứng dậy định trở về nhà dùng cơm trưa thì nữ chủ bỗng hiện ra ở cửa phòng khách. Bao nhiêu bực dọc vì chờ đợi của tôi tiêu tán trước vẻ tươi mát trong cách phục sức của cô. Anh thông dịch viên vội vàng giới thiệu và tôi vào để ngay vì đã đói bụng quá xá rồi

— Xin cô cho biết qua tiểu sử của cô

— Cuộc sống của tôi quá giản dị đến không có gì để mà nói. Tôi đã lập gia đình. Nhà tôi là phi công, tôi bắt đầu viết từ năm 15 tuổi cho đến nay.

— Cô đã xuất bản bao nhiêu truyện?

— Hơn 30 truyện dài, còn truyện ngắn tôi không nhớ hết.

— Phần lớn truyện của cô thiên về đề-tài nào?

— Tôi không viết cho một tầng lớp nào nhất định. Tôi chú ý nhiều đến đời sống nội-tâm của con người, những biến chuyển tâm lý trong sự đảo lộn của cuộc sống.

— Xin cô cho biết cô sáng tác như thế nào.

— Lúc bắt đầu có khi tôi chỉ nghĩ ra một chi tiết. Trong khi tôi viết mới nảy sinh những hào hứng khác.

— Cô thường viết vào lúc nào?

— Lúc nào tôi cũng có thể viết được miễn là phải yên tĩnh. Yên tĩnh trong không gian và yên tĩnh trong tâm hồn.

Khi tôi đặt bút xuống là tôi viết mãi đến khi mệt là người mới ngưng. Thường

tôi viết trong khoảng 10 giờ đêm đến 5 giờ sáng.

— Cô có thói quen nào trong lúc viết không ?

— Ý cô muốn nói khi đang viết tôi làm gì ư ? Tôi ăn trái cây ướp lạnh. Uống nước trà thật nóng và nghe nhạc thật nhỏ. Tôi chỉ ngưng giây lát để ăn trái cây. Và không thể nào tiếp tục được nếu có nhiều tiếng ồn ào.

— Cô thường viết cho các báo hay cho nhà xuất-bản !

— Một số lớn sáng tác, tôi giao cho nhà báo, sau đó hoàn tất xong, tôi sửa lại đôi chút để in thành sách.

— Cô viết tay hay đánh máy ?

— Lẽ dĩ nhiên viết tay vì chữ Hán. Nhưng tôi có hai người phụ tôi chép sạch các bản thảo lại. A, tôi có viết một truyện "Giọt mưa giọt lệ" đăng trên tờ Viễn đông nhật-báo lấy bối cảnh thành phố Saigon.

— Xin cô cho biết một truyện dài đặc ý nhất của cô.

— Thật là một câu hỏi khó trả lời. Bởi vì khi tôi sáng tác, tôi lấy làm hào hứng lắm. Nhưng bao giờ cũng thế cứ vài năm sau đọc lại tôi lại thấy không hài lòng chút nào. Có khi chỉ muốn dừng có cuốn sách ấy trong tủ sách của tôi nữa.

— Xin cô cho biết sự giải trí của cô.

— Tôi ít đi ra ngoài. Chỉ trừ khi đi vẽ. Thường mỗi khi mệt quá tôi nghe nhạc. Có lúc tôi đánh dương cầm để tìm cách giải những gút mắc trong câu chuyện.

— Ngoài viết văn ra, cô còn làm gì khác nữa ?

— Trước đây khá lâu tôi có giữ mục phòng vấn các nhân vật danh tiếng trong nước, trên đài Vô tuyến truyền hình

Đài-Loan. Nhưng tôi đã chấm dứt vì bận rộn quá. Không có thì giờ để suy-tư nữa.

— Cảm ơn cô lắm. Xin phép cô cho chúng tôi vài kiểu hình cho độc giả Việt-Nam.

— A, xin lỗi nhé. Hôm nay tôi coi xấu xí quá. Xin hẹn hôm khác tôi tươm tất hơn.

— Cô khiêm nhượng chứ ! Tôi thấy cô như thế này quá đẹp rồi.

Tôi quay sang anh Phan từ nãy giờ anh có vẻ bối rối vì chiếc Mini-jupe quá cao của nữ sĩ. Anh thấy tôi chấm dứt nên vội vàng nài nỉ.

— Cô làm ơn hỏi thăm nữa đi. Tôi muốn biết về cô ta hơn.

— Thôi anh muốn hỏi gì thì xin cứ tự nhiên, còn tôi đói quá xá rồi.

Cô Quách-lương-Huệ thấy chúng tôi nói bằng tiếng Việt-Nam, cô không hiểu nên hỏi :

— Tiếng Việt-Nam nói nghe hay quá. Giống như tiếng chim kêu riu rít.

— Cảm ơn cô, tôi xin phép đi về để cô dùng cơm trưa... ờ không ... để cô dùng điểm tâm.

Nữ sĩ cười vui vẻ :

— Mời cô và ông ở lại ăn sáng với tôi. Tôi vội vàng kiêu từ và hẹn sẽ đến chụp ảnh vào buổi chiều thứ bảy sau.

Nữ sĩ đưa chúng tôi ra tận cổng. Trời bắt đầu mưa lất phất. Tôi già từ ra về mà lòng vẫn còn ngầu ngơ về nếp sống sang trọng của văn sĩ nước người. Anh thông dịch viên của tôi vẫn còn giữ vẻ trầm tư. Có lẽ anh nghĩ ngợi không phải vì so sánh như tôi mà vì chiếc váy quá cao của nữ sĩ Quách lương Huệ. Anh cứ lầm bầm : « Cô ta ăn mặc đẹp quá, phải không ? »

VÂN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie

LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng
— với

3 đặc điểm

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGẠT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



20 \$ 1 Gói

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

Vượt nǎng

— Thêm bắn số 7. Thêm thứ mười hả Gia ?

— Đeo súng lên vai đi. Theo tau. Không có hỏi nữa. Tau ở thêm số 7, toán thứ chín. Mày đứng đằng sau lưng tau ?

— Vậy thì mày bắn trước tau hả ?

— Ờ, thôi, coi chừng nhảy qua cái hố này. Cho mày nhảy qua trước đó.

Tôi đang đứng gần miệng hố, lấy trớn, dồn sức nặng lên hai bàn chân. Khẩu súng Garant đeo vai đưa tới đưa lui theo thân mình. Tôi nhìn xuống lòng hố. Hố sâu hơn thân một người đứng và chỉ chít gai gổc.

Gia nứu lấy cánh tay trái tôi, nói :

— Tháo súng ra. Súng cầm tay. thặng bằng thì mới dễ phóng.

— Mày nói nghe được. Lọt xuống cái hố này thì cũng có thể già trước tuổi.

Tôi cầm chắc khẩu súng trước ngực, phóng qua bên kia bờ hố thì Gia cũng phóng qua, đứng ngay bên tôi. Nó cười hà hà.

— Rồi, leo lên, không là đánh báng ngược à.

— Thì tau đánh báng xuôi. Trời ơi, sao lúc này mày lười quá ?

Gia lại được dịp cười, gục gặc cái đầu :

— Lười chớ sao. Lính mà mậy. Lính tác chiến oai lắm à mậy.

Hai đứa tôi leo qua khỏi mô đất, đứng xếp hàng trước thềm bắn. Thềm bắn đắp bằng đất, lâu ngày mưa gió lại đất đi, chẳng còn nhìn rõ bực thềm nữa. Trên thềm người ta trồng những cột số bằng cây hoặc vỏ đạn đại bác, ngay hàng thẳng lối. Giữa hai cột số là một bao cát, nho nhỏ giống như những bao gạo và hàng ngày tôi vẫn thấy các người lính chớ trên xe đạp từ trại về nhà.

Chúng tôi ngồi đợi tới lượt bắn thì. Xung quanh cỏ khô cháy, vàng bệch, không cao quá mắc cá của bàn chân. Bãi bắn không có lấy một bóng cây. Trước

mặt chúng tôi là mô đất dài chiếm trọn cả bề ngang của bãi. Đằng sau lưng ở phía xa xa, là con đường đất đỏ và xóm nhà cùng các gò mả xây bằng vôi. Mặt trời nhỏ qua khỏi mô đất, cái nắng gay gắt hơn. Bạn bè vẫn thường bảo hãy về bãi bắn này để cùng thưởng thức nỗi giận dữ điên cuồng của mặt trời.

Cũng nơi đây, một buổi sáng gần Tết, chúng tôi bóp cò tìm biều xích ở tầm hai trăm thước ; trời lạnh giá như đêm Noel ở miền Cao nguyên. Bầu trời thấp xuống. Mây âm u giăng kín trên trời, khép chặt cái bờ vờ trống rỗng, mênh mông của những ngày gần Tết. Buổi sáng đó, bao thuốc lá cứ vơi dần trên môi ; cái lạnh cứ lan dần, triển miên khắp cơ thể. Tôi châm thuốc liên tiếp và bao nhiêu đó đủ rồi, cái hạnh phúc của một người lính. Thành phố ở ngoài xa, người yêu ở ngoài xa, còn súng đạn ba lô nón sắt thì ở gần. Mơ hồ thấy cái xa xôi hư ảo đó mà buồn phát khóc. Mơ hồ thấy cái cô đơn quái dị trong tập thể mà cứ muốn suốt đêm không ngủ. Thành phố bé nhỏ ấy với cây cầu sắt và giòng sông nước đầy ăm ắp buổi chiều. Công viên, ghế đá và người yêu. Tôi mỉm cười. Xưa lắm, cũ lắm. Ừ nhỉ, mà xưa cũ và nhàm chán như chiến tranh là cùng.

Tiếng súng nổ dòn từng đợt, nhắm vào hàng bia từ dưới hầm đưa lên. Cá bụi bay lên mờ đục ở mô đất. Thỉnh thoảng một viên đạn lửa không trượt qua khỏi chiều nghiêng của mô đất, cứ găm vào đó rồi xẹt lửa đỏ tươi.

Ngày mai, ngày mốt, mục tiêu không còn là những tấm bia bằng giấy cứng nữa, mà là những tên giặc. Những tên giặc sẽ ngã ra, dẫy dựa, níu đất, níu trời mà hét lên nếu mình bắn trúng nó. Và trái lại, mình cũng phải chấp nhận cái chết trước khi tìm hiểu cho thật rõ ràng, thế nào là cái chết. Trong các cuộc tập trận giả bằng đạn mả tử, bao giờ tôi cũng thích làm kẻ chiến thắng. Nào phục kích, nào tấn công, tôi hét « Sát sát », tôi oai hùng tôi dũng cảm và trận nào tôi cũng thắng vẻ vang. Bạn bè giả địch nằm lăn ra chết, tôi còn cố chạy đến, trở ngược mũi súng có cắm lưỡi lê mà đâm vào bụng. Tập xong, tôi mới hay mình vừa làm một trò đùa mà giống như sự thật. Tôi cảm thấy ơn ơn ở lưỡi lê và rợn ở gáy, nếu ban nãy mình lỡ quên mà để lút cán lưỡi lê vào ngực nó. Tôi trở lại tìm thằng bạn giả địch ban nãy, xin nó một liều thuốc và nộ nạt:

— Sao chết mà còn ngo ngoạy mậy?

Thì nó sẽ trả lời tại vì con kiến cắn ngay lỗ rốn. Như vậy tôi mới chắc chắn rằng tôi đã không giết nó.

Trước ngày làm lính, tôi ít muốn bận rộn với ý nghĩ về chiến tranh. Chiến tranh diễn ra thật gần, thật thân mật như một người bạn lâu năm đi xa rồi trở về. Nhưng tôi lại quay mặt. Không oán ghét, sự oán ghét nào cũng chỉ bằng thừa thôi. Nhưng tôi hờn dỗi, cái hờn dỗi bé bỏng ngây thơ không thể so sánh với số tuổi trên hai mươi của mình. Tôi hờn dỗi, và tôi thích nhập cuộc. Tôi thích biết bắn súng, thích biết

cầm quân, thích lợi rùng lợi suốt, thích ngồi gác trên chòi cao vào lúc nửa đêm, thích ôm súng nằm ngửa mặt trên những ngọn đồi nhìn hỏa châu xoay tròn ban đêm... Nhưng tôi vẫn không thích nhìn một thằng người ngã lăn ra mà chết. Nhưng dầu sao thì mình cũng hoàn toàn có lý phải không? Những người bạn đã đứng lên, những người anh em đã đi lùi, bỏ lại trước mặt hiện tại và tương lai.

Tôi ngồi xếp bằng thật gọn bên ba lô và khẩu súng. Chiếc nón sắt làm mỗi cò, tôi muốn vứt bỏ nó đi cho rồi. Ngồi thế này hứng nắng chán thật. Ước gì được đi ngựa, cầm đao như ngày xưa mà tả xông hữu đột. Hình ảnh vô tư của những ngày thơ ấu quanh quần trong trí. Thôi có ích lợi gì đâu. Thời gian đi mau, người ta mau trưởng thành?

Trời nắng gắt rồi. Buổi bắn thi còn vài toán nữa mới dứt. Những tia nắng như có bề dài và mũi nhọn. Mồ hôi đổ trên trán, chảy vòng theo lông mày, xuống má, xuống cằm rồi nhỏ thành giọt trong vắt trên bắp vế.

Tôi gác súng lên ba lô, đứng dậy, đi về phía Gia :

— Mày còn nước không? Sáng nay tao đem có nửa bình. Uống hết rồi.

Gia gỡ bình nước đưa cho tôi, bảo tôi hãy trở về vị trí cũ và dặn :

— Gần tới toán mày bắn rồi kia. Đeo nịt đạn vào đi. Bắn thi đó. Kẹp đạn phải nhớ sắp đầu đạn cho ngay.

Tôi vừa đi thụt lùi về chỗ ngồi, vừa nói :

— Toán của mày bắn xong thì nhảy xuống hầm bia đó, nhớ nghe Gia. Mày phải quay bia trúng hết cho tau nghe.

Tới phiên Gia đứng dậy, súng cầm tay kèm theo một kẹp đạn mới tinh ở sợi dây súng. Gia quay mặt lại nhìn tôi :

— Bắn thi à. Đeo cái băng thiện xạ cho thiên hạ ngán chơi thôi.

— Mày Biệt động quân rừng núi sinh lầy mà. Ráng đoạt băng, chia tau phân nửa với.

Gia ấn kẹp đạn vào, đóng cơ bằm. Bàn tay phải của nó uyển chuyển, nhẹ nhàng như một xạ thủ biểu diễn. Nó chạy lúp xúp tới bao cát, đưa súng nằm xuống nhắm.

Từng loạt đạn bay hồi hả vào mô đất. Chốc nữa, sau buổi bắn, tụi con nít rũ nhau cầm rổ đi lượm những miếng chì vỡ. Khi chúng tôi trở về, bãi bắn trống trơn và hiu quạnh, chẳng còn ai để cảm đoán tụi con nít đó.

Gia đã tiến tới vị trí bắn chót. Trông nó càng lùn và gọn ở thế bắn đứng. Xong nó chạy vội tới hầm bia, tìm thang đi xuống hầm.

Viện trung sĩ đi lại phía tôi, nhắc nhở :

— Tôi phiên toán các anh rồi đó. Đeo ba lô vào và chuẩn bị một kẹp đạn thật sạch.

Tôi lòn tay vào quai ba lô, cứ sợ ba lô trật quai tuột xuống đất. Trong túi ba lô, tôi đựng cả gói đường cát trắng để ăn với bánh mì buổi sáng. Tôi không thể nào ăn sáng bằng bánh mì với chuối. Chuối thì nhão, bánh mì thì khô. Bánh mì nhai chưa nát mà phải ngốn với chuối thì thật là khó khăn. Trong lúc ấy, giờ tập họp luôn luôn đòi hỏi mình làm việc gì — bất luận việc gì — cũng phải nhanh chóng. Tôi thấy đứa em gái tám tuổi. Nó giống tôi ở chỗ, sáng nào cũng thích ăn bánh mì với đường. Nó không viết thư cho tôi mà cứ cầm tay cho đứa em năm tuổi viết thư gửi vào. Những giòng chữ trật lất cả chánh tả và chấm phết như :

«Anh Nguyễn đi lính mạnh giỏi ở nhà má chười chị Huy nấu cơm khét em hết bệnh và đi học lại rồi em đứng hạng tư được cô thưởng bản danh dự về em để ở dưới tấm kiếng của cái bàn».

Hay ở một cái thư khác, nó viết :

«Anh Nguyễn bữa nào về dẫn mấy đứa em đi ăn kem và đi coi xi nê cái rạp mới cất to và đẹp lắm ở nhà má không cho mấy đứa em đi coi má bắt ở nhà làm toán cộng và số hàng rào».

Trong một giây phút thật vô tình, tôi thấy nhớ nhà, nhớ mấy đứa em và nhớ thành phố quá đời. Thành phố mà tôi chẳng hề thích sống ở đó, nhưng mấy đứa em thì tôi lại không bao giờ muốn xa chúng. Tôi nhớ chúng đến muốn phát khóc trong những buổi ăn ở ngoài bãi. Chiếc gà mèn và muống, cầm trên tay mà cổ họng cứ buồn bã nghẹn ngào. Tôi chỉ muốn đi đâu thật lâu — đi đâu và làm gì cũng được — năm bảy năm trở về thăm nhà vài ngày rồi lại khăn gói làm chuyến lữ hành. Tôi vẫn thích làm một kẻ vừa xa lạ, vừa quen thuộc đối với quê hương. Quê hương, quê hương, bao giờ nó cũng hấp dẫn và quyến rũ tình cảm kẻ xa nhà. Dầu thế nào thì tôi cũng đã xa thành phố ấy. Đôi lúc quên hẳn đi. Đôi lúc lại nhớ chợt mình đã là lính, thì lại muốn trở về ngồi trong một góc phố, uống một hớp cà phê và nhìn những đứa bé gái lớn lên một cách nhanh chóng. Mặc dầu ở đó có rất nhiều đời thay vì chiến cuộc. Chiến cuộc có phải gì chỉ hiện diện sờ sờ ở ngoài mặt trận thôi đâu.

Tôi loay hoay nạp kẹp đạn vào súng. Viên trung si đứng một bên :

— Anh nạp sai rồi. Lấy kẹp đạn khác. Viên thứ tám phải nằm phía tay phải.

Tôi thay gấp đạn khác rồi thủ từng thế bắn ở mỗi vị trí trên bãi. Khi thì núp gò mồi, khi thì tựa gốc cây, tới thế bắn chót thì tay tôi run vì quá mồi. Mồ hôi lấm tấm trên cánh tay và cuống họng chỉ muốn kêu lên «Nước, nước».

Chẳng biết đạn có trúng vào bia không mà thằng Gia nó cứ xoay mặt trái của tấm bia mãi, vì mỗi lần xoay như vậy là đạn đã vào bia. Bắn xong, tôi tìm thang leo xuống hầm hỏi nó :

— Trúng mấy phát mậy ? Gia heo ?

— Bảy lỗ, mầy trúng bảy lỗ.

— Xạo quá. Súng tau giật hậu mạnh. Ở thế bắn đứng, tau muốn té ngựa mà trúng hả.

— Thiệt mà. Nè. Bảy viên nè, Một, hai, ba... Về ra khu tập hóa mua cái băng thiện xạ, mai mốt ra phép đeo trên ngực cho con gái nó nè.

Tôi vừa cười vừa lật nón sắt liệng xuống nền hầm, dựa súng vào cột, rút khăn lau mồ hôi. Tôi nói với Gia :

— Mệt quá mậy. Đòi lính oai thiệt mà cũng mệt thiệt.

Gia, một tay cầm bia, một tay giải tóc ;

— Chưa bao nhiêu. Vài hôm nữa, bỏ dưới hỏa lực, đại liên nó bắn như pháo giao thừa, cho mầy dựng tóc gáy luôn.

Ở giữa hầm bia, lên hạ si nhất cầm một thanh sắt đập vào thùng gỗ :

— Dựng bia, dựng bia lên, không có nói chuyện nữa.

Ở hai đầu hầm tụi nó truyền lệnh bằng miệng :

— Bia lên. Bia lây. La ve con cạp rần ri.

Tôi đứng bên Gia, nhìn cái mặt nó ngược lên tấm bia về cái mặt người di hòm. Khuôn mặt Gia trông có vẻ giống giống dân anh chị ở Cầu Muối. Hôm mới vào, trông thấy mặt Gia, tôi tự nhủ : « Chẳng biết cái tên này ở ngoài làm nghề nghiệp gì. »

Một tuần lễ nằm cạnh giường trên với Gia, tôi chỉ nói với nó :

— Ông bạn cho tôi xin một liều thuốc.

Tới tuần lễ sau, Gia nói chuyện chọc cười có duyên, và tính nết thì thuần dịu. Tôi khen Gia lúc hai đứa đang tắm buổi trưa.

— Gia heo à, mầy theo gánh hát coi bộ có đường,

— Thôi thôi — Gia vội vã trả lời — làm kép chánh thì không nói làm gì. Chứ còn mà kéo dây cho người ta bay với lại kéo màn thì thôi, bỏ đi. Bỏ cái ý nghĩ nông khùng đó đi.

--- Vậy chớ mầy thích đi lính hả ?

— Trời ơi, bộ mầy tưởng tao giống sao. Ba năm tác chiến Biệt Động Quân chớ chơi à.

— Bởi vậy mà mặt mầy có cô hồn.

— Cô hồn gì, trước hồi đi lính, tao có chụp cái hình kia. Cũng trắng trẻo, thư sinh như ai.

— Mày có đưng trận lớn không ?

— Thiếu gì. Tụi nó chạy ngờ ngờ trước mặt. Máu mủ thây thối thấy như cơm bữa. Nhiều bữa phát ớn ăn cơm không vô.

— Mày Biệt Động Quân mà yếu vậy ?

— Dĩ nhiên, thây thối ruột gan banh nát ra đó phải ớn chứ sao. Mày chưa thấy tao bắn à. Thét rồi đồ lì chớ chẳng có gì. Nó bắn mình, mình bắn nó. Bắn như say, như điên.

Tiếng đạn bay trên mặt hầm nghe rin rít như tiếng va chạm của kim khí. Đứng trong bia, tiếng súng nổ nghe giống tiếng pháo, chát và khô cứng. Năng đứng bóng. Toán thứ 11 xong thì buổi thi bắn cũng vừa dứt.

Chúng tôi leo lên thang sắt ra khỏi hầm bia. Bãi bắn ngập trong màu trắng chói của nắng buổi trưa. Hơi nóng bốc hừng hực.

Tôi nói với Gia

— Sao tau cảm thấy nhức đầu quá vậy Gia heo ?

— Tại mày là lính bếp mà.

Rồi nó cười một cách thoải mái, sung sướng và vô tư ; để lộ một cái răng sún và một cái nướu bị sâu đen, gần muốn rụng. Nó đập lên cánh tay trái của tôi :

— Về may vào đây hén. Cái chảo, cái ống táo, thêm cái cồ của con gà đá độ.

Tôi phụ họa với Gia :

— Với lại mấy cái lá cải bẹ xanh.

Một chốc tôi lại bảo nó :

— Cũng có nhiều thứ lính quá hả mậy. Lính văn phòng, lính mặt trận, lính bếp, còn lính gì nữa không ?

— Còn nhiều lắm chứ. Mày hỏi làm gì thế, Nguyên ? Cứ biết là có nhiều loại lính, cũng như các thể bản ; năm, ngòi, quì, có tỳ và không có tỳ.

Chúng tôi vừa nói chuyện, vừa cố đi mau, vượt qua mô đất, qua cái hố để trở về vườn cao su nghỉ trưa và ăn cơm. Lá cờ đỏ của bãi tập treo trên ngọn cột cao, dập dờn những tiếng lất phất trong gió trưa. Từ hướng Bắc, một lượt mười mấy chiếc trực thăng kéo về, âm ỉ cả bầu trời, Trên đầu chúng tôi, một chiếc phi cơ loại vận tải, màu trắng, bay thấp và chậm, nặng nề như một người đàn bà gầy đến ngày sanh nở.

Gia bắt ở đâu chẳng biết, một con bò cạp đen. Con bò cạp nằm trong hai ngón tay của Gia, hai cái càng và cái đuôi ngoe nguầy, cong vòng, cổ sức rơi khỏi tay của Gia. Cái đuôi nó đen và khô, thắt lại từng đoạn.

Gia đưa con bò cạp về phía mặt tôi :

— Cho mày. Cầm lấy.

— Tau không thèm lấy. Bò cạp bắt được ở đâu hay quá vậy ? Mày có khiêu thật.

— Bắt trong bụi chó đâu.

Gia tính liệng con bò cạp vào mình tôi.

— Cho mày chết giấc nghe Nguyên.

— Bộ mày tưởng tao sợ bò cạp đen ?

— Thì cầm đi. Cho mày làm kỷ niệm.

Tôi suyt một tiếng, bảo Gia chú ý nhìn lên viên sĩ quan huấn luyện đang giảng về bài «Hỏa công». Khuôn mặt ông ta trông đen và ốm. Con người ông lại ốm, vậy mà ông cứ giảng bài dưới nắng. Tôi nhìn thấy những giọt mồ hôi chảy bọc xuống cổ ông. Bây giờ chỉ mới có 2 giờ 30. Bài học bắt đầu từ lúc 2 giờ trưa. Ba mươi phút trôi qua, ai nấy đều tỏ vẻ uể oải. Cái uể oải nặng nhọc và căm lạng trong buổi trưa ngoài bãi. Vườn cao su gần trụi hết lá. Chúng tôi vẫn ngại nhất bãi tập này : bãi vô địch kiến. Kiến đen, kiến đỏ, sống đầy trong những đồng lá tre khô và bóng mát. Đặt lưng nằm nghỉ trưa là chúng chui vào áo, bò lên tay, cắn vào da thật ngon lành. Không ngủ được, đành phải chống mắt ngồi dậy chờ cho qua buổi trưa.

Chúng tôi ngồi trên lá vàng khô và cát nóng bỏng. Mồ hôi tôi chảy ròng ròng trên da ngực như mạch nước. Tôi lấy chiếc khăn tay màu cực ngựa ra lau mồ hôi. Chẳng mấy chốc chiếc khăn ướt như nhúng vào thau nước. Vừa lau khô, mồ hôi lại chảy ra. Tôi lắc đầu và nhủ thầm : « Hãy cho ta một chiếc nỏ thần. Ta sẽ bắn rơi mặt trời cho mà xem ».

Những người bạn phía trước, chẳng ai còn đủ sự chăm chỉ để nghe những lời giảng ở trên bảng. Họ gục đầu lên hai cánh tay, bó gối mà ngủ gà, ngủ gật. Nắng vẫn đun lửa trên những bộ đồ trận đầy bụi và mồ hôi của chúng tôi.

Bên cạnh tôi, Gia lật ngựa chiếc nón sắt ra rồi bỏ con bò cạp vào. Nó cầm viết vẽ lại hình cái bình khói ở trên bảng.

— Mày chăm học quá vậy Gia ?

— Thấy tui nó ngủ bắt thèm. Ở không làm cái gì. Đi lính mà không biết ngủ gục cũng bắt lợi quá.

— Tao cũng vậy, nắng vậy mà tụi nó ngủ cũng hay.

Gia không vẽ nữa. Nó đập đầu viết lại rồi vắt viết trên vành tai, kiểu thợ mộc. Nó nhìn vào chiếc nón sắt, thò tay cầm con bò cạp lên. Gia phân bua với tôi :

— Nguyên, con bò cạp nó chết rồi nè mầy.

Gia đưa một ngón tay, hất nhẹ cái càn và cái đuôi. Con bò cạp vẫn cứng đờ như bộ xương khô.

— Bò cạp mà dỡ quá hả mầy. Bỏ vào nón sắt phơi nắng mà cũng chết.

— Cho nó uống nước cam vàng thì nó sống chứ gì.

— Không chỉ có 33 thì họa may. Chứ Coca-cola thì nó vẫn chết nóng, chết khác như thường.

Một người bạn đang gục ngủ bên cạnh Gia, nghe hai đứa tôi nói chuyện thì giấc đầu dậy. Hai mắt anh bạn đỏ ngầu những sợi máu trên tròng trắng, ngơ ngác nhìn vào chiếc nón sắt.

Gia xua tay bảo :

— Thôi, ông bạn ngủ đi. Chút xíu nữa nghỉ 10 phút, tôi dắt ông bạn đi bắt bò cạp đen.

Chiếc kim đồng hồ đeo tay vẫn chậm chậm chạp và nặng nề xê dịch từng giây trên mặt số. Bãi tập gần như bị hỏa thiêu. Mắt tôi bắt đầu hoa lên vì nắng. Tôi mở một nút trên áo, kéo hở áo thun ra, nhìn vào ngực. Ngực trắng quá so với cánh tay đen như thuốc súng. Mồ hôi đang rũ nhau lăn tròn từ cổ, từ ngực xuống, rồi tan ra trong các lằn nhăn của da bụng. Tôi bỗng thấy thèm vô kể, nụ cười của Quyên, đôi mắt trong trong sáng và những câu nói nũng nịu hờn dỗi của nàng. Tôi cũng thấy nhớ vô kể, những con đường rợp mát bóng mẹ trong thành phố.

Đôi chốc, một luồng gió thổi từ phía mặt trời mọc. Lá cao-su vàng và thân lá bị cuốn cong lại, băng lẳng lơ trên đầu chúng tôi. Khu vườn cao su này, hơn một lần, chúng tôi phải tưởng tượng nó là khu rừng thưa, để tiêu diệt mở đội-hình quả trám mà vượt qua. Chúng tôi qua rừng thưa thật sao? Lá vàng úa bay trên đầu, rớt trên nón sắt và ba lô, Từ hôm vào Tết đến nay, lá cao su cứ vàng vọt buồn hiu trên cành, rụng đầy trên các nóng. Chúng tôi vào bãi, đi trên lá khô và nghe lá bề nát, Hồi trưa này, Gia có hỏi tôi:

— Chừng nào cao su mọc lá trở lại,

Tôi trả lời với Gia là không biết, vì ở quê tôi chẳng có trồng cao su bao giờ. Tôi sống vùng duyên hải, thường theo ghe ra khơi đánh cá vào nửa đêm, và trở lại bờ trưa hôm sau. Những đêm có trăng, con

thuyền trôi trên vũng bạc óng ánh. Mặt biển bốc hơi lạnh trong đêm, lạnh lùng thấm vào cơ thể thật êm đềm.

Vào đây, hết bãi tập này thì tới bãi tập khác, từ ngọn đồi này đến ngọn đồi khác, tôi bỗng thèm nhìn mặt biển. Tôi thèm nhìn trăng biển, thèm nhìn những ngọn đèn câu giăng tiếp tiếp sáng rực ngoài khơi. Tôi nhớ trăng biển, nhớ những chiếc ghe bông bành, nhịp nhàng theo con gió, và nhất là nhớ những đợt sóng trắng xóa lừng thình kéo nhau vào bờ. Sóng biển có tiếng nói để mền lắm sao? Để ru hồn người lắm sao? Ngày còn nhỏ, còn nhớ ai đó kể cho nghe :

— Tiếng sóng vỗ vào bờ ban đêm là tiếng hát du dương của nữ thần Jupiter!

Bây giờ tôi vẫn sống trong cảm tưởng nữ thần Jupiter là một người con gái đẹp và hát hay, hát hay lắm, mà tôi chưa hề gặp mặt lần nào. Nỗi nhớ miên man và ngỡ ngàng, khờ khạo và ngây thơ khi tôi cảm thấy muốn nghe tiếng hát du dương của nữ thần. Hằng ngày, hằng đêm, tiếng đại bác rớt ra rừng ào ào, tiếng máy bay đủ loại rung chuyển khung trời ; tôi nghĩ nữ thần vẫn còn ở xa tôi lắm.

oOo

Xong một giờ học đầu, chúng tôi tan hàng, mang súng nằm nghỉ mát dưới bóng tre. Gia vẫn không thích một giấc ngủ ngắn trong vòng năm, mười phút đồng hồ.

Tôi vừa gối đầu lên nón sắt và vòng tay định ôm súng để ngủ thì Gia đến. Nó véo lấy tai tôi :

— Nguyên ơi ! Đi với tau.

— Đi đâu, trời nắng như lửa. Mệt quá.

— Đi bắt bò cạp đen.

— Bắt bò cạp đen làm gì chứ mầy ?

— Để bỏ vào nón sắt phơi nắng chơi. Mầy sợ bò cạp lắm hả ?

Tôi lắc đầu :

— Bò cạp đỏ tau cũng không sợ, nhưng nó là một thứ trò chơi không hấp dẫn đối với tau. Tại sao mầy ham giết bò cạp quá vậy, Gia ?

Ở bên kia con đường đất, tiếng súng vẫn nổ từng loạt, đều đặn và buồn tẻ. Bầu trời thật rộng và rưng rưng hơi nóng. Mỏ đất chạy dài trông xa như một ngọn đồi thấp

Gia lại ngồi xuống bên tôi, nói khích :

— Hồi ra đơn vị, nằm đâu ngủ đó thì binh sĩ nó cười Tập đồ mồ hôi, tập đổ nước mắt và nhìn sự chết chóc cho quen đi chứ mầy.

Tăng cường sinh lực

lãng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.Đ.C

BỔ PHÔI - BỔ XƯƠNG
BỔ MÁU - BỔ GAN

THUỐC ỒNG ƯƠNG

RUBICAL

Calcium B₁₂
Sorbitol

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON
75, Đường NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM
ĐƯỜNG-THÀNH-QUỚI DƯỢC-SƯ

SỐ KIỂM NHẬN 2035 ngày 26-2-66

CLICHE ĐAU



Du khách thăm Dalat nên dùng :
áo len đẹp, rẻ, bền, và hợp thời trang

của **TRANG NHÀ**

32, Duy Tân - DALAT

MÁ HỒNG

6 / Em đã hai mươi lăm tuổi, còn bé bỏng gì nữa đâu. Hãy tự tạo và vui với cuộc sống ấy, một mình, như trước đây em vẫn thường khuyên chị. Chỉ khi nào mỗi mệt quá rồi, em hãy cấp tốc chấm một nàng kiều nữ nào đó, và chị sẽ ra mai mối chiêu hồi về làm hoàng hậu cho em. Chịu không. Đã yêu ai chưa đấy. Ngoài ra, chị tưởng chuyện được đòi về Sài Gòn thành hay bại cũng có gì quan trọng như em viết đâu. Với chị em mình thì bây giờ, chỗ nào mà không là quê người đất khách ?

Tôi chợt nghe tiếng Đạt la lớn nhảm nhảm cái thằng Tùng. Trong khi đó, anh vẫn cúi mặt trên trang thư. Và nụ cười nở giữa đám râu lởm chồm cử động gật gù của chiếc đầu bồm xồm. Đôi giày da cũng rung ngoe nguầy như cái mồm chó. Anh chàng này thích chí dai thể. Chả nhẽ lại vì những trang thư đánh máy do cậu em gõ lấy nhân buổi vợ được bàn máy của nhà trường bỏ không, nên lấy điệu với ông anh. Tôi lại tiếp tục những đoạn đáng chú ý trong thư chị Dung, lần nữa. Quái, vẫn không thấy bà này đã động một câu nào về Thủy. Nếu chưa gặp Thủy thì cũng phải cho tin là chưa gặp. Nếu gặp Thủy chưa,... Nhưng tôi vội bình tĩnh ngay. Không, Thủy chỉ báo động giả mà thôi. Bằng cứ rõ nhất do chị viết đây đã yêu ai chưa đấy, chị sẽ ra mai mối chiêu hồi về làm hoàng hậu cho em.

Một lát sau, Đạt ngừng lên nhìn tôi cười, nắm tay đập nhịp trên bàn :

— Trưa nay phải nhậu cơm tây mới được. Đói bốn hôm rồi.

— Nếu có vợ để được ôm nhau ngủ một giấc, có sướng hơn không ?

— Sướng. Nhưng vẫn phải đi ăn đã. Một là thèm, hai là vừa vợ được món bờ khá lớn.

Tôi đùa :

— Cậu được bao nhiêu cái răng vàng trên những xác chết ?

Đạt trợn mắt, bàn tay nắm lại chừa ngón cái cong ra, chỉ hất về phía sau qua vai :

— Do thằng Trọng nhà mày nộp cho tao đấy chứ. Nó được tin kỳ này hành quân, tao vớ khá nhiều súng bèn đến nham nhờ hỏi xin. Tao điu cho, bắt mua, mỗi cây năm trăm. Nó mua liền mười cây thành ra tao có tiền khao mày cơm tây đây, đừng láo, cu.

— Nó mua súng làm gì ?

— Mua để kiểm điểm. Một ngày mưa gió nào đó, nó giả vờ hành quân chạm địch, rồi tuyên bố um lên là đi h ngẻo mấy ngoe, lấy được mấy súng. Thế là đủ để lượm một huy chương ngon lành. Còn tao thì cóc cần vì chẳng lợi lộc gì thêm khi mang về hai cây hoặc hai mươi cây.

Tôi nhận thấy những nét thờ ơ trên những cử chỉ của Đạt. Mắt anh vẫn mãi nhìn những hàng chữ của Tùng trên phong thư. Ba giòng chữ viết theo kiểu in, rộng rãi rải gần hết mảnh giấy hình chữ nhật. Hai con tem đặt sâu chếch góc phong thư, rõ rệt một tính nét cầu kỳ bay bướm. Tôi chống tay lên cằm nói với Đạt tao tưởng mày ngòm củ tỳ rồi nên cứ chạnh lòng nghĩ sẽ không có ai tới nhà bưu điện lục những phong thư như thế này nữa. Đạt cười bĩu môi khó lắm, tao mới cho chúng mày. Sau đó, tôi kể những chuyện mới xảy ra trong mấy ngày nay, và hỏi Đạt để được nghe Đạt nhắc lại những sự sung sướng âm ỉ và kiêu hãnh tiềm tàng. Riêng cái tát trên má Huyền, tôi đã cố quên không đá động tới. Không sợ gì ông Côn, nhưng sợ thiên hạ sẽ đồn mình chở em Huyền đi chơi. Rõ ràng là đã bị em Huyền cho vào xiếc rồi, còn cãi chi.

Ngồi được một lúc nữa, nhân có tiếng chuông điện thoại báo, Đạt đứng dậy. Thôi tao đi cắt tóc, tắm rửa một cái. Còn đến chiều em Thanh của tao chứ. Tao sẽ xin phép ông bà cho em đi ăn với tụi mình trưa nay. Tôi nói vội mày chạy qua tiệm cơm bảo nó đừng để phần đi, đỡ năm chục. Rồi cũng tới đặt cơm tây của mày luôn chứ, không lại nhịn à. Đạt gật đầu ô kê, đi ra, Tiếng huýt sáo liu riu của Đạt chạy ngược vào phòng. Cha này có vẻ mê em Thanh thật rồi. Vậy chả nhẽ nó lại ái nam ái nữ ? Khó hiểu. Khó hiểu.

Tôi mở ngăn kéo, cắt lá thư của chị Dung. Em đã hai mươi lăm tuổi, còn bé bỏng gì nữa đâu. Giữa những mớ giấy tờ lộn xộn, tôi vẫn thấy ngay phong thư viết cho thủy đã lâu nhưng chưa gửi. Quên hết, không biết tả oán những gì trong ấy nữa. Dám rủ em ra chơi lắm. Anh nhớ em muôn vàn. Ước gì có em ở bên anh mãi mãi, đừng quên đi những phút cô liêu... Tôi cười thầm nhưng không ý kiến. Một phong thư khác của Đồng mới tới hôm qua, từ Kontum. Dấu bưu điện cho biết thời gian di chuyển mất mười một ngày. Vậy là hai tỉnh sát nhau, có những con đường đất trải đá nổi liền liền nhưng đã bị cắt đứt, đã trở thành xa xôi với khoảng cách ngàn dặm, phải đi mười một ngày máy bay. Đồng báo tin sắp lấy vợ. Người đẹp của tao làm giáo sư, tốt nghiệp đại học sư phạm Sài Gòn, ban vạn vật. Như vậy cộng chỉ số lượng của tụi tao bây giờ đã gần bằng lúc mày về hưu. Do đó tao khuyên mày, nếu muốn lấy vợ thì hãy theo tao. Con đường duy

nhất đề khỏi chết đói đấy. Cùng thư ấy, Đồng phớt qua về tin Hoạt vừa bị cha quận trưởng chơi về vụ thực phẩm viện trợ. Hoạt đã bị Ty an ninh quân đội tạm giam đề điều tra. Thôi, như thế là xong một mộng ước, một hoài bão. Mai kia, các bạn sẽ là công chức cao cấp, điều khiển guồng máy quốc gia, vậy xin các bạn hãy giữ kỷ luật, im lặng nghe tôi giảng tiếp,.. Biết đến bao giờ tôi mới quên được câu nói ấy, thốt ra hàng tuần từ một cái miệng ngoác rộng, cong hai bên mép như trăng mừng bầy. Đôi kính trắng của ông ta có cặp gọng ai cũng tưởng uốn bằng nan hoa (cắm) xe đạp. Đồng nói tại lúy nói nhiều quá nên mồm nó biến thể đó, mày.

Bây giờ, thư cho Đồng, liệu viết những gì đây ? Ngày tháng qua đi, đề lại chỉ có những dấu vết nhỏ, thật nhỏ, không đáng ghi lên giấy. Còn cảnh bom đạn, chết chóc, chắc chắn nơi Đồng ở hiện không thiếu. Thốt nhiên tôi uể uải tiếc những ngày còn đi học, những ngày sống hồn nhiên. Viết chữ 35 vào mảnh giấy nhỏ, rồi cài vào cổ áo người ngồi bàn trước là đủ cười với nhau từng hồi. Lúc này thì cù nách cũng không toét miệng ha ha lấy nổi một tiếng là cái chắc.

Đến giờ tan việc, tôi tới tiệm ăn ngay. Đạt đã ngồi một mình ở chiếc bàn nơi góc phòng có chiếc quạt máy gắn trên tường, chỗ xuống quay đi quay lại. Tôi hỏi nhỏ em đâu. Đạt cười thật tươi nói ốm rồi. Em trách tao đi lâu làm em nhớ, đã thế khi về lại không có quà gì cả. Khờ cho tao là em tưởng tao đi du lịch, mày ạ. Tôi cười theo sao không xẻo vài cái tai về tặng em kỷ niệm. Đạt gật đầu ô kê, đề lần sau, đã hết đâu mà lo.

Những bàn khác lần lượt có người tới chiếm. Khuôn mặt nào cũng quen. Dơ tay làm hiệu chào nhau tất cả. Huyền nhìn tôi, hai bàn tay quạt quạt vào mảnh ngực phanh ra nói, đồ gà chết gì mà cục nước đá cũng không có, bết thật. Tôi đáp mình định nếu thất nghiệp thì làm nghề buôn nước đá ở Sài Gòn ra bán đấy. Chắc không lỗ. Huyền gật gật, không lỗ thật chứ đùa sao. Đạt xen vào với giọng nặng và hỏi sảng, thời buổi này đừng có yêu sách, nghe. Mai kia vào lính, hành quân trong rừng, thấy nước đá voi còn vục đầu mà húp đề sống, biết chưa. Cũng như con chó cả chứ khác gì.

Tôi bỗng nghe tiếng Chung hỏi lớn :

— Khóa Thủ-đức bắt đầu gọi danh sách rồi, mày có tên không. Đạt.

— Không biết nữa. Khi nào nhận được giấy thì đi, nghi ngại làm gì cho mệt.

Huyền tiếp lời :

— Cứ cái điệu sống ăn đong ngày tháng này mãi, chán lắm rồi. Khóa này không hiểu đã dính chưa.

Chung :

— Moa định nếu tình nó can thiệp hoãn cho moa không nổi moa sẽ tình nguyện đi cho nó lệ.

— Khởi cần. Bạn cứ ngồi nhà rồi quân cảnh tới đón có lẽ le hơn nhiều chứ.

Nhiều người cười sau câu nói của tôi, vang trong phòng, Giữa lúc đó, thiếu úy Xuân bước vào. Bộ quân áo rằn ri hoa lá và giầy đạn đeo xệ bên sườn khiến khuôn mặt hiền hậu trắng trẻo của anh lính văn phòng giờ đây cũng hình như đượm chút ít phong sương. Xuân mang vào cho chúng tôi một tiếng hát nheo nheo từ chiếc máy thu thanh nhỏ kẹp gọn trong nách. Không nghe rõ bài ca nào. Mình không có thì giờ nghe đài buổi trưa nên không biết ban nhạc nào. Chị Dung có cộng tác với họ không.

Xuân ngồi chung bàn với trung úy Khoan, thiếu úy Hùng. Sau khi tháo giầy đạn và súng treo lên mắc, anh mới mở máy lớn hơn. Vừa đến cuối câu hát. Giọng ngân trầm trầm rợn như sóng lặn trên mặt hồ. Tôi buột miệng kêu hai tiếng chị Dung. Rồi nói vội với thiếu úy Xuân :

— Mở lớn thêm chút, cho nghe nhờ với.

Tiếng hát rõ ràng:

*Tình yêu còn đó xin anh đừng buồn,
Đừng cho rằng xa cách nhau thì thôi.
Dù anh vượt núi với ngàn trùng đương,
Xa em giữa mùa chinh chiến,
Tim em vẫn một mình anh.*

Một người nói :

Lại bài Tình yêu còn đó của Phạm mạnh Cương rồi. Kim Dung ca phải không ?

Xuân lắc đầu. Đôi mắt vẫn như mơ màng nhìn những tiếng ca đang trải dài trước khoảng trời thu hẹp trong phòng ;

— Em nào mới chứ không phải Kim Dung.

Trung úy Khoan nói cùng lúc một với đôi đĩa thò xuống đĩa đồ ăn :

— Mình nghe ai nói hình như chồng em này mới chết nên buồn, bỏ cả hát. định tự tử mấy lần, phải không ?

Xuân nhìn mạnh vào mặt Khoan :

— Chồng chết thì đúng, Kim Dung mà tự tử thì còn lâu. Chính vì em đài các, thay dạ đổi lòng nên thằng chồng nó mới ngòm đấy chứ. Thằng chồng nó tên Thăng, học cùng khóa Thủ đức với moa mà.

Đạt đập đĩa vào chén, nói cho tôi nghe :

— Quen con nhỏ đó hay sao mà chăm chú nghe thế, mày.

Tôi nhìn Đạt, cười nhẹ, rồi lại chú ý tới mọi người. Một người nói :

— Thăng cha ấy tự tử à ?

— Cũng gần như thế. Nó đang làm ở Nha Hành ngân kể tại Sài Gòn ngon ơ : Thế mà chỉ vì vợ nên xin đi xin đi đơn vị chiến đấu. Rốt cuộc ngòm tại Bồng Sơn như con chó.

— Cho thêm chi tiết đi chứ.

— Trước ngày vô lính, hai đứa nó yêu nhau khỏi có chê. Chính tao thấy em tới quân trường thăm chồng, mang quà bánh vô số. Em đã ôm chồng trong bộ đồ lính tầm thường rồi khóc rưng rức, vuốt ve những mảng da cháy nắng, xoa chiếc đầu lỏm chớm như bàn chải. Nhưng những ngày về sau, hình như em nhận thấy những vết cục mịch trên con người chồng em. Nên em buồn, em bất mãn, đủ chuyện. Thằng chồng sống bên vợ mà cứ tưởng như sống với ông đại đội trưởng. Tất nhiên là xin đổi đi.

Đạt cười khô khan :

— Thành ra chỉ khổ mấy tên Việt cộng gặp nó.

Tôi cảm như tiếng cười rộn xung quanh chói xoáy vào cơ thể. Mặt da rờn rợn, nổi gai. Thiếu úy Xuân và tiếp một miếng cơm rồi bình thần nhìn những món ăn còn lại trước mặt. Chiếc máy thu thanh chọt như kêu to hơn. Người ta đang trình bày một bài hợp ca. Những giọng hát và tiếng đàn trèo lẫn vào nhau lao xao như tiếng guốc của nhiều người tranh nhau lên dốc, bậc bằng đá. Tôi đặt đĩa, muống buống bần. Ly bia không có đá, bọt xùi xùi đóng kín trên mặt. Như miếng mây phoi đầy trời, vướng vào cánh máy bay. Thằng chum môi nói như độc thoại, thanh niên tội mình phải nhận lấy trách nhiệm trước lịch sử. Đừng đề khi mất nước lại than thở, lại trách móc. Không ai thuyên chuyễn anh đi hết. Không, anh cũng không buồn chuyện gì với chị. Anh thương chị lắm, thương cháu lắm.

Tôi ngó lại khuôn mặt thiếu úy Xuân. Đôi mắt hiền từ, nhân ái. Đôi mắt của ông giám khảo dễ dãi ngồi trầm tĩnh đợi thí sinh vào vấn đáp. Trời ơi, tại sao mày lại không gân guốc, xắc lảo du côn một chút để tao đủ can đảm đập vỡ chai này vào mặt mày, hả Xuân. Đầu óc tôi nặng chiu, choáng váng. Tôi vùng đứng dậy :

— Về.

— Thằng này kỳ. Mới ăn hai món đã đòi về. Bộ mày sợ con Huyền nó đuổi ra khỏi cửa à ?

Tôi nói lớn :

— Huyền. Huyền. Cái gì cũng phải nhắc đến tên ấy là có sao ? Con đi mà...

Một người reo to :

--- Như thế mới chịu chơi chứ, Đạt. Tao tưởng cậu giữ độc quyền khai thác, không chịu cho anh em tí nợ tí kia thì xấu quá.

— Được rồi, thằng nào muốn tối nay cứ đến tao. Cứ đến tao. Nghe chưa. Cứ đến tao.

Tôi nhìn lại suốt lượt. Cái miệng nào cũng nhe ra cười. Một tên gục đầu xuống chiếc đĩa. Răng đũa nào cũng lem nhem những đồ ăn. Chiếc máy thu thanh vẫn kêu ran. Xưa ngồi im, nghiên đầu nhìn tờ lịch treo trên tường. Tôi bỏ Đạt lại, vẫy chiếc xích lô, ông cho tôi về đường Lê Lợi.

Ông già đạp xe cầu thận hỏi lại, đường Lê Lợi hả, thầy. Tôi gật gật. Lê Lợi hay Lê Lợi cũng được. Nếu là Lê Lợi càng hay.

Chừng nửa giờ sau, Đạt trở về, Anh nhìn quét ngang thân người tôi đang nằm dài trên giường :

— Tào Tháo đuổi à ?

Tôi cười, soay người ngồi dậy. Đạt cúi xuống, cúi húi cời giày giầy. Không một tiếng động. Căn phòng dịu mát, êm ái. Tưởng như có thứ ánh sáng nào khác, thấp lèn thật điều hòa, ấm cúng. Tôi chưa từng gặp, chưa thấy sự thân mật nhẹ nhàng trong khung cảnh quen thuộc này bao giờ. Hay anh Là thương tôi ? Anh Là tiết ra những nhiệt tình sưởi ấm tâm hồn tôi ? Tôi nhìn Đạt. Cánh tay vạm vỡ đen xạm. Tắm áo lót tuột một đường chỉ dài trên vai. Ở nơi gáy loan một đám nhỏ, màu đỏ từ chữ Đ tô đậm bằng nét bút nguyên tử, đánh dấu cho tiệm giặt ủi. Giá mình là đàn bà, là vợ Đạt. Hai đứa sống chung nhau như thế này thôi. Tôi muốn ôm chầm lấy ngang lưng Đạt, vật anh xuống rồi ôm nhau ngủ.

Đạt châm thuốc hút. Anh quảng bao diêm lên người tôi :

— Nhất khoái xong, giờ lại thêm tam khoái.

— Thằng cha Tân cho biết có mấy em ở Đà Lạt mới lưu diễn tới phòng ngủ Phụng hoàng vài hôm nay. Được lắm. Lại kiểm xem.

— Tôi đã vài ngày thì còn gì mà kiểm. Gó lẽ tại cha Tân còn ngon hơn.

— Áp phe vụ gì với nó ?

— Trước ở Phan thiết tao bắt bồ với tên trưởng ty cảnh sát nên có nhiều mục hay lắm. Hấn cho tao biết em nào sắp được thả mà lại có tí nhan sắc, để tao tới giả vờ can thiệp xin bảo lãnh. Tỉnh thoảng gặp em nào khó, a-lê nhất tới gần giờ giới nghiêm mới thả. Lúc đó mình đóng vai hiệp sĩ tới chở em về, em mừng bằng chết.

Tôi hờ hững đáp khi Đạt rút lời :

— Thế bây giờ lại Phụng hoàng kiểm xem.

— Tao mang về đây, nhé.

— Thôi.

Đạt quay sang tôi, cười khi :

— Mà yêu em Huyền rồi, phải không ? Bang này vợ vãi vì buổi sáng em ban lệnh trưa phải về để em mớm cơm chứ gì. Mà. Nhưng hãy coi chừng kéo sa lầy, thối cái chân mày đấy, con,

Tôi cười, ôm bờ vai Đạt, đáp yên chí. Đạt nằm im, nhìn khói thuốc bay lên và tan vào không gian. Chỉ một thoáng, tôi đã nghe tiếng anh gáy. Còn lại riêng tôi, nằm vờ vờ bên thân thể Đạt bất động. Sẽ có một ngày, Đạt vĩnh viễn nằm bất động như thế này. Nằm ở một xó xỉnh nào, bên gốc cây nào, ở một nơi nào đó. Nằm như Thắng. Thế là mình không bao giờ được ôm Thắng ngủ một lần. Chỉ với sự sống nhỏ bé thế thôi cũng mãi mãi không có. Rồi, chỉ với phút giây này, cũng sẽ là kỷ niệm với Đạt. Khi tấm thân này trở về cát bụi.

Lát sau, biết không thể chợp mắt nổi, tôi lăm lăm ngồi dậy. Đi. Đi đâu? Còn năm mươi phút nữa. Tôi mở cửa, hé nhìn ra ngoài đường. Lùm cây trướng cá đan hoa nắng trên mảng hè xi măng. Những viên sỏi gom từng đống nhỏ trong những vạch phấn trắng vẽ hình ô quan. Hôm nào, Huyền ngồi đây thêu khăn gửi tặng các anh chiến sĩ, Huyền nói chán lắm chú ơi, nhiều lúc cháu chẳng thiết gì nữa đi lang thang cho quên bớt... Nhưng đi lang thang có chắc quên bớt được không, Huyền. Em đã quên nổi cái tát của Côn cho trên má chưa?

Tôi quay vào, viết lên mảnh giấy mấy chữ. Anh Hải, đừng chờ tôi, cho xe vệt quận. Rồi ký tên. Tôi đính lên cánh cửa. Như thế, Đạt sẽ được yên tĩnh ngủ một giấc dài sung sướng.

Khi bước xuống đường, tôi tưởng bị rút dằm vào vùng trời khác, ngập lụt ánh sáng và nóng bức. Tôi đi như có công việc, bình tĩnh lẩn vào những bóng dâm bên hè phố. Tuy nhiên, trong đầu tịnh không một ý nghĩ rõ rệt và mạch lạc.

Tới tiệm giải khát, tôi liên tưởng tới những cục nước đá trong suốt nhẹ nhẹ bốc hơi, nên tạt vào. Cho ly chanh muối, bác, Ông chủ tiệm nhắc lại ly chanh muối để đưa con gái nghe và làm. Còn ông tới chõng đĩa hát, lấy chiếc trên cùng đặt vào máy rồi cho máy chạy. Tôi bỗng hồi hộp đợi khúc nhạc dạo nổi lên. Nhớ đúng đĩa của chị Dung? Nhưng đã không phải. Một bài ca quen của Thanh Thúy. Giọng người nữ ca sĩ ảo não, ảm ức như vừa bị đánh thức dậy, tư vương vì nghiệp dĩ.

Đưa con gái đặt ly nước xuống bàn. Tôi vỗ nhẹ vào tay nó, bảo em mang chõng đĩa hát, nhé. Nó gật, lùi lại chỗ ông già. Ông già gật. Lúc đó, nó mới mang tới tôi. Tôi lật tìm, thấy ba bìa đĩa hát in hình chị Dung. Mỗi đĩa, một nét mặt khác nhau. Nhưng chung một nụ cười nghiêng, tay tì lên phím đàn, hay cành hoa tươi. Trên một hình chị, đứa nào đã lấy bút nguyên tử tô cho chị chiếc kính, gọng thật lớn. Chị in hình để được cái gì, chị?

Tôi bỏ ra đường. Đi đâu? Hay đi cắt tóc? Tóc còn ngắn quá chưa được một tuần. Thế đi đâu? Tới bệnh viện? Thôi, tội nó tưởng mình là mặt vụ riêng của tỉnh trưởng bây giờ. Về. Lúc nào gặp Huyền, phải hỏi thảo xem đi lang thang có quên được gì không.

Tới nhà, tôi giật mảnh giấy gửi cho anh Hải, vo viên, ném xuống cống. Đạt vẫn nằm dài, hai bàn tay ấp trên bụng. Tôi tát nhẹ vào má Đạt. Đạt. Đạt.

Dậy đi làm. Đạt. Đạt ú ở may quá, nay tao nghỉ. Tôi nói không đi lấy tai Việt cộng về tặng em Thanh à? Đạt vẫn nhắm mắt, yên chí, thiếu gì cái thứ đó. Tôi nhất định không cho Đạt ngủ tiếp:

— Dậy đi. Về trại mang chiếc M. 113 chở tao đi chơi một vòng về mấy xã ấp, Đạt.

Đạt cười ô kê, nếu mày muốn tao sẽ làm tài xế. Thế là ý tưởng chợt bỗng thành sự thực. Chúng tôi tới quận, bảo đại úy Trọng biết rồi về trại. Đạt lấy thêm năm người lính đi theo trên cùng một chiếc xe M 113. Anh thầy cho tôi chiếc mũ sắt, này úp lên đầu may ra cũng giúp mày cơ hội trở về. Từ đó, chiếc xe hùng hục băng bờ bụi, mương cống như một con vật dưng mãnh nhưng ngang bướng ngu ngốc. Tôi thích chí cười luôn, Cía tụi nó mang súng ra đùa chơi với nhau tí chút, có lẽ vui. Để xem cha Đạt đánh nhau cách nào. Để xem mặt mũi thật của thằng Việt cộng ra sao.

Gần tới một thôn ấp, Đạt nhìn trong ống nhòm nói xã Hương long của mày đấy. Tôi nhắc lại Hương long đó à. Không thấy một đật điền nào để về kê lại cho Quang nghe, cho mọi người liên hệ trong vấn đề ấy nghe. Tôi hỏi Đạt, vào được không. Đạt lắc đầu, từag này mạng mà nhào vô thì ngỏm ngay. Mày nhìn thấy cờ tụi nó treo ở cổng ấp chưa? Chỗ cái mái nhà đấy. Đạt cho xe chạy sấn tới thêm nữa. Rồi điều khiển cây đại liên về hướng đó. Một người lính nói vội, trung úy để cho em Đạt nói ô-kê. Lập tức, anh binh nhì ấy điều chỉnh lại bộ máy nhắm, nheo một mắt nhìn vào lỗ chiếu môn. Em phơ đây Một tràng tiếng 1 ò tuôn ra ra vang dội khắp cánh đồng. Tôi nhìn lại, không thấy cây cờ đâu nữa.

Đạt gật gù, ngó nghiêng mọi phía, Ê, cho xe chạy về hướng trái uống nước dừa đã. Bốn cây dừa của một trang trại đã xịch ngay trước hướng tiến của chúng tôi. Theo lệnh của Đạt, chiếc xe vụt chồm lên, đâm xâm vào thân cây dừa. Mọi người vừa cười vừa reo, xung phong. Cây dừa đã ngã dài dưới đất. Chùm quả mọng màu mỡ còn bám vào thân như đàn lợn con tranh nhau bú.

Buổi tối, chúng tôi định ra biển ngồi thì Đạt được lệnh đi họp trên tiểu khu. Vắng Đạt, tôi không biết làm gì cho hết thì giờ. Viết thư? Định viết cho chị Dung nhưng nhớ đến nét mặt và câu chuyện của thiếu úy Xuân, ngón tay lại buồn bã, mỗi mệ không muốn cầm bút. Hay mình đi tìm Xuân? Tìm Xuân để làm gì? Tôi bỏ nhà, lái xe ra phố. Vào tiệm bán đĩa nhạc, xem hình chị Dung bày trên quầy, cười với tất cả mọi người nhìn chị. Vậy lý do nào Thắng bỏ Nhà Hành ngân kể xin đi đơn vị chiến đấu?

Một sự ngọt ngào đè nặng tâm hồn tôi. Khí trời oi bức như ông trời mốt mưa mà mưa không nổi. Ông trời bị táo bón, dận đỏ mặt. Tôi bỏ thị xã, phóng xe a ngoài quốc lộ. Mình ra trại tạm trú chơi có lẽ cũng hay.

Ở trại, mọi người đã chuẩn bị giấc ngủ. Chỉ thấy tôi, chạy ra tận nơi hỏi có chuyện gì khẩn mà anh ra, anh? Tôi đáp cộc lốc, không, tôi đi kiểm soát, tôi về ngay bây giờ. Mấy người cán bộ của tôi đã đủ mặt, bên tôi. Mọi người nói

một chuyện lao rào, khiến tôi bỗng cảm động mau chóng, chớp chớp cho nước mắt khỏi ứa ra. Không ngờ những người thật xa lạ này cũng lo nghĩ cho mình, cũng thương yêu mình. Vậy mà có khi nào mình đối xử thân tình với họ đâu. Chỉ có lệnh. Chỉ có công tác.

Tôi vui vẻ bảo cả năm người, tụi mình ngồi ngoài này một lát, đừng vào trại khiến họ hoang mang. Chúng tôi ngồi lên những cây gỗ sắp làm nhà, lên chiếc chần đang trước xe. Bóng đêm thành một khối dày đặc, bao phủ mịt mù nặng nề nhầy nhụa chèn ép vạn vật lún xuống lòng đất. Mùi lá cỏ đượm hơi sương ngai ngái dịu nhẹ thoảng qua như từ một sợi tóc vương trên gối người yêu sau đêm vĩnh biệt.

Bỗng, một tia sáng vụt lóe ngang mắt. Một tiếng nổ chát chúa. Thân thể tôi dội ngược, loạng choạng, đảo lộn. Quỳnh hét lên tụi nó câu móc chề rồi. Nằm xuống. Chi la thất thanh nằm đâu, nằm đâu. Một tia sáng nữa lại lóe lên. Một tiếng nổ rung chuyển cả đất. Bật ra bao nhiêu tiếng khóc, tiếng chân chạy rầm rập trong trại. Tôi chui đầu vào bụi cây, đen thui, chỗ đó mặt đất thoải thoải dốc. Có lẽ là bờ cống. Đất vắng từng cục trên lưng tôi, rơi thõm như vào thật sâu trong thịt. Tôi xoa bàn tay khắp lượt, không thấy nham nhám nước. Yên chí. Chợt nghe những tiếng thở hồn hèn. Tiếng cào lạo xạo trên ngọn cỏ. Tôi hỏi sẽ, ai? Tiếng đáp lại:

— Anh Đạm phải không?

— Chi đấy à?

Bàn tay Chi đã vội xoắn tới, run run vỗ lấy vai tôi. Rồi cả thân hình Chi trườn như con rắn, quấn chặt người tôi:

— Cho em nằm với. Sợ quá. Chết mất anh ơi.

Một tia sáng khác xẹt qua xanh lè. Tôi chợt nhìn thấy đôi mắt Chi phản chiếu, sáng như mảnh chai. Chi hốt hoảng ôm chầm lấy tôi, đẩy, anh ơi lại nữa. Tôi bịt miệng Chi, đừng nói nữa, nằm im. Tôi rúc mặt vào dưới cánh tay Chi. Nhỡ mảnh đạn rơi trúng, thế nào cũng thành sẹo.

Tôi không biết đạn đã rơi những nơi nào. Nhưng chắc chắn gần lắm. Có thể đã trúng trong trại vài quả. Hai cánh tay Chi xiết quanh vòng ngực tôi chặt cứng. Đôi chân tôi cũng bị kẹp chặt trong cặp đùi Chi co lại. Tôi bỗng thấy hơi nóng từ người Chi thấm sang. Thịt Chi thật mềm. Chiếc áo cánh quá mỏng. Không có áo lót bên trong. Bây giờ tôi mới biết tóc Chi phủ đầy trên mặt tôi. Hơi thở Chi rờn rập tấp vào ngực tôi. Tôi nấn nấn vai Chi. Tôi nấn nấn xuống ngang lưng Chi. Đầu óc tôi tự nhiên thật bình tĩnh. Mình cũng sẽ giả vờ như sợ hãi, nếu Chi phản đối. Đôi cánh tay tôi siết chặt lấy người Chi. Một tia chớp lóa mắt. Nặng cơ hội ấy, tôi hất chân, chồm lên nằm gọn trên bụng Chi. Chi kêu rên trong họng:

— Gì đấy anh?

Tôi không đáp, đôi môi tôi tấp tới tấp chộp xuống bất cứ chỗ nào ở người Chi. Bàn tay đã luồn vào khe giữa hai cái bụng, nắm được một vạt áo, giật mạnh. Những chiếc khuy bấm nổ lách tách Chi quằn quại như con cá nằm trên thớt.

Khi tôi về tới thị xã, mọi cảnh vật như đã chết lặng trong nỗi cô đơn âm thầm. Một chiếc xe Jeep xanh lượn vòng vèo trong phố khi xáp nhau, Tân chỉ ghé nhìn sang, hất đầu với tôi rồi đi. Sau đó, lại gặp chiếc xe Jeep không mui của Trung tá Tỉnh trưởng Ông ra hiệu cho tôi đứng lại. Tôi kể sơ qua cho ông nghe, ông gật gù bước tới bước lui và khen tốt,

(Còn nữa)

ĐỖ-TIẾN-ĐỨC

TRUYỆN DỊCH

Tác giả : AKUTAGAWA-RYUNOSUKE

Người dịch : CHƯƠNG-NGỌC

Bức Bình-phong Hỏa-ngục

(Xin xem từ BK.TĐ. số 251)

Thời kỳ đó, nhà danh họa Yoshihidé, vốn bản chất ngạo nghệ và cứng rắn, mà bỗng trở nên âu sầu buồn thảm đến nỗi nhiều khi người ta bắt gặp ông đứng khóc ở những nơi vắng vẻ.

Trong khi ấy thì không hiểu sao con gái ông cũng mỗi ngày một rầu rĩ khác thường. Người ta đồn rằng vị Lãnh chúa có ý ép liễu nại hoa mà nàng không chịu. Một đêm một thị nữ trong dinh Lãnh Chúa, do con khỉ Yoshihidé hướng dẫn, đã vô tình cứu được người thiếu nữ đáng thương trên đây thoát khỏi sự cưỡng bức của một kẻ mà nàng không dám tiết lộ danh-tính.

Độ nửa tháng sau khi xảy ra chuyện đó một bữa Yoshihidé đột ngột đi vào dinh Lãnh chúa và xin được yết kiến ngay. Ông ta là người không có chức vị cao sang nhưng thường được Lãnh chúa nể nang, đối xử đặc biệt, nên ngài bèn cho gọi lão họa-sĩ đến bên ghế hỏi xem có chuyện gì. Nét mặt có vẻ nhăn nhó lo âu hơn bao giờ hết trong bộ y phục vàng rực và chiếc mũ *éboshi* cũ mềm cổ hữu, lão cung kính quỳ xuống trước mặt Lãnh chúa, cất giọng khàn khàn thưa :

— Bẩm chúa công, ngài đã ra lệnh cho tôi vẽ bức Bình phong... Tôi đã làm việc ngày đêm, cố gắng cho vừa lòng chúa công. Đến bây giờ thì bức họa cũng đã gần xong :

Lãnh chúa đáp :

— A, vậy thì ta có lời khen ngợi người. Ta lấy làm hài lòng lắm đó.

Nhưng Yoshihidé lạnh lùng đáp lại, mắt nhìn xuống đất :

— Thưa Chúa công, thần không dám mong một lời khen thưởng nào hết. Thần nói là bức họa đó đã gần xong, song vẫn còn lại một điều, một điều duy nhất mà thần không sao vẽ được.

— Kìa, có điều gì mà khanh không vẽ được ?

— Thưa Chúa công, theo thói quen mỗi lần muốn vẽ thứ gì thần phải thấy thứ đó tận mắt thì mới vẽ được. Cái gì chỉ vẽ bằng tưởng tượng thì không sao vẽ cho đẹp được. Vẽ như thế thì thà là đừng vẽ còn hơn,

Nghe mấy lời đó, Lãnh Chúa nở một nụ cười nhạt bóng :

— Thế thì muốn vẽ Bình Phong Hỏa Ngục, khanh cần phải thấy địa ngục thật chăng ?

— Chính thế đó. Năm vừa qua nhờ có cơn hỏa-hoạn lớn ngoài thành nên thần đã mục-kích tận-tường biển lửa bùng bùng...

Không chờ Yoshihidé nói hết. Lãnh chúa hỏi tiếp :

— Nhưng còn những người bị xử tội thì làm sao người vẽ được ? Người đã từng thấy quỷ-sứ dưới địa ngục đâu ?

— Thần đã có lần chứng kiến một người bị trói chặt trong vòng dây sắt. Thần cũng đã vẽ khá tinh-tường một cảnh người bị loài ác điều cấu xé. Cho nên không phải là thần đã không thấy tận mắt những vẻ đau đớn của các tội nhân. Còn các quỷ sứ...

Nói đến đây Yoshihidé nhếch một nụ cười bí hiểm rồi tiếp :

— Còn các quỷ sứ, chúng vẫn thường hiện đến trong những giấc mộng của thần. Có đủ các loại đầu trâu mặt ngựa, quái-hình, dị-tướng chập chờn trong giấc chiêm bao... Song cái điều mà thần không sao vẽ được đây lại không thuộc về những loại ấy.

Nghe mấy lời này Lãnh chúa không sao nén được kinh ngạc. Ngài cau mày nhìn chăm chặp vào mặt Yoshihidé một lát rồi mới hỏi :

— Cái đó là cái gì mà khanh không vẽ được ?

— Thần muốn vẽ ở giữa bức Bình phong một chiếc xe loan kết lá thiên-tuế

từ trên trời cao rớt xuống.

Nói xong câu đó Yoshihidé lại trân trân nhìn vào sắc mặt của Lãnh-chúa. Mọi người chung quanh xăm-xì với nhau là lão đã hóa điên vì bức họa kia rồi. Cái nhìn của lão khi ấy dường như đã chứng-minh cho mấy lời họ nói. Lão tiếp :

— Trong chiếc xe loan sẽ có một tuyệt thế giai nhân bị quần quai thiêu đốt vì ngọn lửa. Nàng ta gắng gượng chống chọi một cách tuyệt vọng với khói lửa vây quanh. Trong khi đó một đàn ác điều quăng lượn xung quanh chỉ chực đáp xuống rủa mỗi xé xác. Ôi chao, nàng giai nhân ngồi trong xe loan ấy, đến nay thần vẫn không làm sao vẽ nổi.

— Thế... khanh muốn làm sao đây ?

Không hiểu sao, dường như Lãnh chúa tỏ vẻ thích thú muốn nghe Yoshihidé nói tiếp câu chuyện. Nhưng họa sĩ dường như đang cơn mê sảng, cặp môi đỏ lói run run lặp lại như nói giữa cơn mơ :

— Cái ấy thần không sao vẽ nổi. Rồi đột nhiên như thu hết can đảm, ông ngược mặt thừa lên :

— Kính bảm Chúa công, thần xin Chúa công vui lòng cho đốt một chiếc xe loan lợp bằng thiên tuế ngay trước mặt thần. Và nếu có thể được nữa...

Lãnh chúa sa sầm nét mặt một lát rồi bỗng phá lên cười ngặt-nghèo, ngài nói :

— Ha ha ! Ta sẵn lòng chiều theo tất cả những gì người muốn. Người đừng lo. Dù là bất cứ cái gì đi nữa.

Nghe mấy lời ấy không hiểu sao tôi thấy rờn rợn một cách khó tả. Thực thế,

thái độ của Lãnh chúa có một vẻ gì khá kỳ quặc. Trên mép ngài sùi lên một đám bọt trắng, cặp lông mày lung linh như hai lần chớp, tuồng như ông cũng lây cơn điên loạn của người họa-sĩ già. Lãnh chúa nín lặng một lát rồi sau đó ngài bỗng nổi lên một trận cười ròn rã như lệnh vỡ :

— Ta sẽ cho làm y như lời người đòi hỏi. Quả thực người là một họa sĩ có một không hai trên đời này. Khá khen cho người đó.

Yoshihidé tái người, lắp bắp đôi môi mà chẳng nói nên lời. Rồi ông quỳ sụp xuống, úp cả hai tay lên mặt chiếu mà cung kính cảm tạ Lãnh chúa.

oOo

Ba ngày sau, theo lời đã hứa, vị Lãnh chúa cho gọi Yoshihidé đến mục-kích quanh cảnh hỏa thiêu một chiếc xe loan. Đêm đó là một đêm không trăng trong dinh Yukige bầu trời tối đen như mực. Trong ánh đèn lồng, Lãnh chúa khoác tấm áo bào xanh nhạt chêm chệ ngự trên chiếc ngai đặt ở trước thềm, tựa người trên chiếc gối tròn, với những hình thêu viền quanh bằng chỉ hai màu. Sau lưng ngài, sáu người thị vệ kính cẩn cầm dáo đứng hầu. Không có gì khác thường xảy ra. Tuy nhiên dường như ít ai chú ý đến một nhân-vật tỏ vẻ bận tâm theo dõi đặc-biệt buổi lễ này. Đó là một kiếm-sĩ khôi-ngô, dáng dấp oai phong lẫm liệt đứng chắn ngay dưới bậc thềm, thân hình nai nịt gọn-gàng, tay kiếm chia thẳng lên trời. Trong ánh lửa chập chờn khi tỏ khi mờ theo ngọn gió đêm, cảnh-tượng có vẻ hư hư thực thực một cách ghê rợn.

Và chiếc xe loan với mái lá rộng sum-xuê đặt ngay giữa huê-viên mập mờ khi ẩn khi hiện giữa vùng bóng tối. Hai chiếc cang xe chênh chéch gác nghiêng. Những mảnh đồng bọc lấp lánh sáng ngời. Dù lúc ấy là giữa tiết xuân song ai nấy cũng cảm thấy một nỗi ớn lạnh khắp người. Còn về cái gì đặt ở bên trong chiếc xe, bốn bề trướng rủ rèm che, thì không ai biết được.

Yoshihidé, nhân - vật chính trong đêm hôm đó đang quỳ xuống, mặt quay về phía bậc thềm, hơi cách biệt mọi người bốn phía. Vẫn trong bộ áo chèn màu vàng cổ hữu với chiếc mũ cũ mềm, trông ông càng thêm nhỏ bé, thảm hại dưới bầu trời rộng lấp lánh sao đêm.

Đã gần nửa đêm. Trong cái phẳng lặng như tờ, đến nỗi tưởng chừng nghe được hơi thở từng người, và trong bóng tối bao trùm bốn phía, chỉ còn nghe tiếng gió đêm rì rào quyện lẫn mùi gỗ cháy, Lãnh chúa ngồi yên như pho tượng một hồi lâu, mắt nhìn trừng trừng vào cái quang cảnh ác mộng ấy. Rồi ngài hơi nhích người tới trước cất tiếng đồng dục gọi :

— Hỡi Yoshihidé !

Lão họa-sĩ dường như đáp lại mấy tiếng gì đó nhưng tai tôi nghe không được rõ.

— Hỡi Yoshihidé ! Tối hôm nay thế theo ý nguyện của người, ta cho người chứng kiến một cuộc hỏa thiêu xe loan.

Yoshihidé rụt rè, hơi ngẩng đầu lên, quay nhìn về phía bậc thềm song vẫn đứng nguyên chỗ cũ không nói-năng gì.

— Người hãy nhìn cho kỹ ! Đây là chiếc xe ngự của chính ta thường dùng,

chắc người còn nhớ. Ta cho đốt đi để chúng ta cùng được thưởng ngoạn ngọn lửa hỏa ngục.

Lãnh Chúa ngừng nói, liếc nhìn đám thi-vệ xung quanh, rồi giọng của ngài bỗng nhiên trở nên cay đắng :

— Ta đã cho trói vào xe này một nàng cung-phi phạm tội. Khi ngọn lửa được châm lên, người đàn bà này sẽ bị thịt cháy xương tan, quần quai trong nỗi đau đớn nhất đời. Thực là một thứ kiểu mẫu không tiền khoáng hậu dùng cho người vẽ bức Bình Phong Hỏa Ngục. Hãy nhìn cho kỹ làn da trắng ngần như tuyết kia rồi sẽ cháy lên và nứt nẻ. Hãy trông cho rõ mái tóc đen tuyền cháy thành ngọn lửa.

Ông lại nín lặng một lần nữa. Không hiểu sao ngài yên lặng cười rung cả đôi vai.

— Thực là một cảnh nghìn năm chưa dễ đã thấy. Chính ta cũng muốn nhìn tận mắt cái cảnh tượng này. Thi-vệ, hãy cuốn bức rèm xe lên đi ! Cho Yoshihidé nhìn thấy người đàn bà trong đó.

Theo lệnh truyền, một thi-vệ tiến lên giờ cao ngọn đuốc quá đầu, bước nhanh lại phía chiếc xe và vụt kéo tấm màn lên. Trong tiếng lửa nổ lép bốp và ánh sáng chập chờn tỏa rạng, ai mà chẳng nhìn rõ người đàn bà đang bị trói chặt trong xe. Chiếc áo dài màu hoa đào thêu kết lộng lẫy, mái tóc huyền óng mượt với chiếc trâm vàng cài nghiêng lấp lánh... Thôi đứng rồi, cái dáng người thanh nhã, chiếc cổ nõn nà và khuôn mặt trắng u kia còn ai khác hơn là nàng ái nữ của họa-sĩ Yoshihidé ! Tôi suýt buột miệng rú lên một tiếng.

Ngay lúc đó gã kiếm sĩ vạm vỡ trước

mặt tôi đột ngột đứng dậy, bàn tay lăm lăm chuôi kiếm, mắt nhìn chăm chặp về phía Yoshihidé. Ngạc nhiên trước cử chỉ ấy, tôi quay nhìn lại họa sĩ. Có thể nói là ông ta gần như phát điên trước quang cảnh đó. Ông đứng bật dậy, hai tay đang tới phía trước như chực lao đến chiếc xe. Tiếc thay, tôi đứng hơi xa chỗ ấy, và lại trong ánh lửa mập - mờ, tôi không nhìn kỹ được sắc diện ông ta lúc đó thế nào. Chỉ trong phút chốc, gương mặt xám ngoét của ông, hay đúng hơn, cả cái hình người bé nhỏ của ông, như lần biến đi trong bóng tối mập mờ. Liên khi ấy, Lãnh chúa ban lệnh : « Châm lửa đi ! » và chiếc xe phừng phừng bốc cháy theo những ngọn đuốc ném vào.

Thoáng một cái, ngọn lửa đã phủ kín bốn bề. Riem trước của chiếc xe tung lên như một cơn lốc. Những đám khói trắng dày đặc cuộn cuộn tỏa rộng trong đêm. Các mảnh phụ-tùng trang-trí xe loàn lác đác văng ra. Những tàn lửa lập lòe múa nhảy giữa không-trung rồi tản mát rơi xuống. Cột lửa đỏ lôm sặc máu bốc thẳng lên trời như từ trên cao tỏa xuống. Phần tôi, ban đầu đã suýt rú lên kinh hoàng, nhưng bây giờ chỉ còn biết sững-sờ đứng ngó. Còn Yoshihidé, người cha của nàng thiếu nữ đó... Tôi không làm sao quên được nét mặt của ông khi ấy. Trong ánh lửa sáng tỏa khắp người, vẻ mặt ông trông xấu-xí và nhăn nheo đến tột độ. Cặp mắt mở to, đôi môi méo sệch, hai gò má hóp sâu và run rẩy chứng tỏ một tâm sự ngồn ngang những bàng-hoàng, kinh-dị và sững sốt. Thật tôi chưa từng thấy một bộ mặt nào đau khổ đến thế. Ngay cả viên kiếm sĩ to lớn dữ-dần cũng tự-nhiên tái người đi trước cảnh tượng

tàn khốc đó, và len lén nhìn trộm sắc mặt Lãnh chúa.

Nhưng ông ta đôi môi mím chặt, chốc chốc lại nở một nụ cười bí hiểm, vẫn mãi mê ngắm nghía chiếc xe. Còn bên trong chiếc xe, tôi chắc không sao tả nổi hình ảnh người con gái mà tôi cố nhìn. Tôi chỉ thấy được cái màu trắng nõn nà của khuôn mặt ngả quặt ra đằng sau, ngọt ngọt trong hơi khói, suối tóc dài quyện vào trong biển lửa. Ngọn lửa lan đến đâu vật áo màu anh-đào tan dần đến đấy. Cảnh tượng ấy thực tôi không bao giờ quên được. Có một lúc, luồng gió đêm thổi tạt đám khói qua phía khác, và giữa khối lửa chỉ còn là những đốm tàn vàng rực, hiện ra thân hình người con gái, trên miệng còn bị nhét miếng giẻ, đang vùng vẫy giãy - giụa tưởng đến gần đứt các sợi dây. Trước cảnh tượng địa ngục trần gian kia tôi và mọi người xung quanh không ai không cảm thấy rùng mình xúc-động.

Bỗng nhiên, trong đám lá cành phía trên huê viên, mọi người cơ hồ thoáng nghe một tiếng lay động ào ào. Chúng tôi vừa kịp nghe mấy tiếng đó, mà không rõ ở tại nơi nào trên khoảng trời mù tối thì vụt một cái, một vật gì đen đen lơ-lửng trên cao đã lao thẳng xuống giữa chiếc xe đang bốc cháy. Nhìn qua khuôn cửa nhỏ sơn đỏ đương rời rã trong khói lửa, chúng tôi thấy vật đen đen ấy ôm ngang vai người thiếu nữ và nghe rú lên một tiếng dài thê thảm phát ra từ đám khói lửa mịt mù. Rồi mấy tiếng kêu nữa liên tiếp cất lên. Tất cả chúng tôi không nén nổi lòng mình cũng đồng thanh rú lên cả đám. Trước bức màn lửa chúng tôi thấy rõ ràng cái vật đang ôm lấy ngang người thiếu nữ ấy chẳng phải gì khác hơn là con khỉ Yoshihidé, mà người ta đã bỏ lại trong dinh Horikawa.

ooo

Nhưng chỉ một lát sau, hình tượng con khỉ tan biến, trong khi đó thì một trùn tia lửa tựa như da quả lê rắc bột vàng,

bốc lên bầu trời, con khỉ và người thiếu nữ đã mất hút trong tận cùng của đám khói đen dày đặc. Trơ trọi giữa vườn, chỉ còn cái xe bốc cháy với những tiếng nổ lộp bộp ghê rợn. Đám lửa bốc lên vút tận trời sao lấp lánh không phải là cái xe bốc lửa nữa mà phải nói là « một cột lửa ».

Trước cột lửa đó, Yoshihidé đứng lặng người... Ôi kỳ diệu! Bộ mặt nhăn nheo của ông phút trước như bẹp dúm lại vì đau đớn trước cảnh tượng hãi hùng của những cực hình địa ngục, nay rạn vỡ những hào quang không thể tả được. Một niềm vui xuất thần và chói sáng như từ khuôn mặt ông tỏa rạng và họa sĩ, quên cả Lãnh chúa ở sau lưng mình, tay khoanh chặt trước ngực, đứng sững. Dường như cảnh hấp hối thảm khốc của người thiếu nữ không còn vương vấn gì trong cái nhìn của ông nữa. Khuôn mặt phụ nữ bị cực hình in trên nền lửa rực rỡ đã làm ông thỏa mãn đến cực độ rồi chăng? Giây phút đó nhìn ông, tôi có cảm tưởng như vậy.

... Nhưng, vị Lãnh chúa, ngồi tách biệt ở ngoài hiên, thì tái ngắt tựa một thây ma, thở hồng hộc, bọt trắng sùi ra ở mép như một con vật khốn nạn đương khát nước, tay túm chặt lấy vạt xiêm phủ trên đầu gối ông.

oOo

Về vụ Lãnh-Chúa cho đốt chiếc xe trong dinh Yukigé, dư luận rất sôi sào: Thường thì ai cũng cho rằng ông thiêu sống con gái họa sĩ Yoshihidé vì hận về mối tình mà ông không được thỏa mãn. Nhưng Lãnh Chúa thì bảo đó là ông muốn trừng phạt nhà danh họa về tính nết quái gở của ông này đòi được nhìn chiếc xe loan của Lãnh Chúa bốc cháy và đòi xem một người bị thiêu sống trong đó để hoàn thành tác-phẩm.

Ngoài ra người ta còn lên án nhà họa-sĩ là hạng mặt người dạ thú quên cả tình

cha con mà chỉ biết có nghệ thuật. Đại-tăng Yokawa thì cho rằng hạng ấy dù tài hoa đến bậc nào cũng không thoát vòng địa ngục.

Chỉ một tháng sau biến cố trên đây thì bức Bình phong Hỏa ngục được hoàn thành. Yoshihidé vội vã mang ngay vào trong dinh để kính dâng Lãnh chúa. Đúng lúc đó có mặt cả vị đại đấng Yokawa. Khi đại-tăng thoạt nhìn thấy bức Bình Phong, ông không nén được cảm động và kinh hoàng trước cảnh bão lửa tứ bề trên đó. Mới lúc trước ông còn nhìn mặt Yoshihidé một cách khinh bỉ mà lúc này ông đã vỗ đùi kêu lên. « Tuyệt tác! » Tôi cũng không sao quên được nụ cười gượng gạo của Lãnh chúa khi nghe thấy lời ca ngợi này.

Từ lúc đó, ít ra ở trong dinh, những lời đàm tiếu về Yoshihidé tắt hẳn. Phải chăng tất cả những ai đã xem bức

này, thì đều có cảm hận người họa sĩ đến mực nào, cũng thấy nảy sinh một tâm tình trang-nghiêm huyền-diệu lúc nhìn thấy sự khổ đau vô biên của miền Địa ngục bùng bùng lửa cháy.

Nhưng khi sự việc tới đây thì Yoshihidé đã không còn nữa. Ngay đêm sau khi hoàn thành bức Bình phong, ông thất cổ ở sà ngang phòng ông. Có lẽ ông không thể nào an nhiên mà chịu đựng được cuộc sống sau khi đã hy sinh con gái mình cho nghệ-thuật? Xác ông được chôn ở ngay nhà ông. Nhưng trên tấm bia nhỏ đặt ở nơi đó, đã từ lâu lắm không ai còn đọc được chữ gì ghi lại sau hàng chục năm gió mưa mòn mỏi.

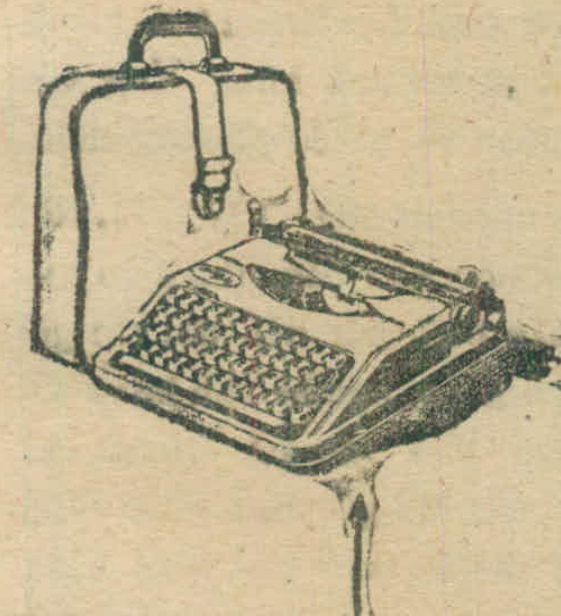
(4-1918) AKUTAGAWA RYUNOSU-KE CHƯƠNG - NGỌC trích và lược dịch.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THUYẾN

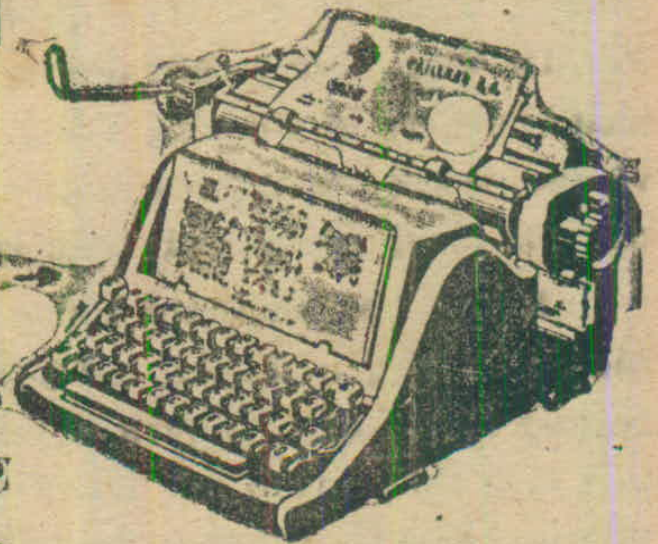
NISSAN

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BAN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu - Téléphone 20-821 - SAIGON

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN



HỒ THƠM — NGUYỄN HUỆ — QUANG TRUNG
hay GIẤC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH

VỀ NGUỒN xuất bản — HỒ HỮU TƯỜNG đề
bạt — 96 trang — Giá 45đ.

Tác giả : Nguyễn Ngu Í, tên thật là Nguyễn Hữu Ngu sinh ngày 20-4-1927, tại làng Tam Tân Hàm Tân, Bình-Thuận. (nay thuộc Bình-Tuy) Còn Ký : Phạm Hoàn Mi, Tân Fong Hiệp, Ngê Bá Li... Trên địa hạt văn học, anh làm thơ, viết truyện, khảo luận phỏng vấn v.v...

Đã cộng tác với các báo: *Nam kỳ tuần báo*, (1942) *Thanh Niên* (1943) *Phương Đông* (1954) *Bách Khoa* (1957) *Mai*, *Tuổi trẻ*, *Văn hữu*...

Đã xuất bản: *Khi người chết có mặt* (tiểu thuyết 1962, Ngày Xanh), *Sống và Viết...* (đàm thoại và phỏng vấn, 1966, Ngày Xanh).

Tác phẩm

Bắt đầu bằng trận Đống Đa (mà tác giả so sánh với trận Austerlitz (tác giả ca ngợi thiên tài của Nguyễn Huệ về quân sự, rồi so sánh người anh hùng Việt với Napoléon để đi đến nhận xét : Nguyễn-Huệ hơn Napoléon về nhiều phương diện.

Từ trận Đống Đa ấy, tác giả tiến tới bao quát sự nghiệp nhà Tây Sơn. Rồi cuối cùng là gợi lại một số ý kiến của các nhà văn học, sử học, nhà báo, nhà giáo v.v. xưa nay đối với Tây Sơn cùng Nguyễn Huệ. Gợi đến đâu biện bác đến đó, tác giả thường không để cho ai có quyền chê bai, xuyên tạc, trách cứ người anh hùng áo Vải đất Việt. Trong cuộc đời người anh hùng ấy, cái làm cho tác giả hứng chí nhất là cái mộng tấn công Trung Hoa, thu hồi miền đất của đại gia đình Bách Việt về cho dân tộc để tránh cho giống nòi cái họa nặng nề muôn thuở của khối Hán đất quá rộng, người quá đông lại quá tham lam (1)

Người học sử có thể không tìm thấy ở tác phẩm này những sử liệu mới mẻ, các chính trị gia cũng có thể không tìm thấy ở đây những chính kiến cao thâm. Nhưng người dân Việt yêu nước, nghĩa là hầu hết mọi độc giả, đều gặp ở đây một kích thích mạnh mẽ đối với tinh thần dân tộc. Sự thực, những trang nồng nàn về trận Đống Đa không nhằm trình bày tài liệu lịch sử nào. Đó là cảm xúc, là... thơ.

(1) Điều mà Hồ Hữu Tường, trong lời đề bạt, chứng minh rằng mộng đó rất có thể thực hiện và Ngu-Í kết luận sách mình với câu : « Còn giấc mộng lớn của chúng ta giờ đây ? »

Một cuộc đời hào hùng oanh liệt như của vua Quang Trung, một chiến công rạng rỡ như trận Đống Đa, ... đã là đề tài của bao nhiêu là thi phẩm, họa phẩm, nhạc phẩm (thơ và nhạc được Ngu Í trích dẫn khá nhiều). Như thế không có gì lạ : cuộc đời ấy và chiến công ấy thật đẹp. Tại Bình Định còn truyền tụng câu chuyện Tản Đà thuở sinh thời đã có lần mang hương đèn tến tận đền thờ Nguyễn Huệ đòi lý trưởng mở cửa đền ông vào chiêm bái. Bấy giờ là dưới triều Nguyễn, thi sĩ bị bắt, nhưng rồi lại được tha, vì là thi sĩ. Ở lòng ngưỡng mộ thiết tha của Ngu Í, có cái gì gần gũi với thái độ của nhà thơ nọ, đối với kẻ chí lớn tài cao chỉ lấy cái thể của Dân tộc mà thống nhất nước nhà và nuôi cái mộng thủ tiêu cái búa «vi đại» Tàu đời đời đi lên đầu nòi Việt ốm o...

oOo

CÁCH MẠNG VÀ ĐẠO ĐỨC

NAM SƠN xuất bản — 122 trang — Giá 80\$

Tác giả :

LÝ-CHÁNH-TRUNG, sinh năm 1928 tại Trà-Vinh — Giáo sư Đại-học Văn-khoa Sài-gòn và Đà-lạt. Đã cộng tác với các báo : *Đại-học* (Viện Đại học Huế), *Hành trình*, *Sống đạo*, *Tiếng gọi miền Tây* v.v.. Tác phẩm đã xuất bản : *Cách-mạng và Đạo-đức* (Nam Sơn xb) *Ba năm xáo trộn* (Nam Sơn xb) *Lý tưởng và dân tộc* (Trình bày xb).



Tác phẩm :

Bạo động hiện diện rất ít trong những hành vi cá nhân mà lại hiện diện nhiều nhất trong những *hoàn cảnh*, *cơ cấu* tập thể do kẻ mạnh thiết lập để bảo vệ ưu thế của mình » (t. 53). Do đó muốn thanh toán tình trạng bạo động thì phải *Cách-mạng* cơ cấu bạo động.

Cách mạng cơ cấu đề tiến tới lý tưởng nhìn nhận giá trị con người và giải quyết vấn đề bạo động, nhưng các cuộc cách mạng thường đã phản bội lại chính lý tưởng của mình và thường thay thế bạo động này bằng một bạo động khác. *Cải thiện nội tâm*, kêu gọi lòng từ bi bác ái, an phận thủ thường .. vô hiệu vì không thanh toán được cơ cấu bạo động ; Cách mạng cơ cấu bằng mọi *phương tiện* thì hữu hiệu nhưng có thể phản bội lại chính lý tưởng cách mạng. Vấn đề là làm sao thể hiện lý tưởng mà không phản bội lý tưởng, làm sao tổng hợp cái trong sạch và cái hữu hiệu ?

Sớm muộn thế nào người miền Nam cũng phải giải quyết vấn đề chính yếu của miền Nam là cách mạng xã hội. Không thể an tâm với các giải pháp ảo tưởng và gian lận, không thể chấp nhận cơ cấu bạo động do thực dân để lại nhưng cũng

không thể thay thế bạo động này bằng bạo động khác vì « chế độ xã hội chủ nghĩa có thể là một đường lối hoặc ít nữa là một giai đoạn nhưng lại có *nhiều đường lối thực hiện chế độ xã hội chủ nghĩa* » (t. 122). Nói cách khác, tác giả tin rằng cần có một cuộc cách mạng xã hội *không cộng sản* tại miền Nam để có thể dung hòa lý tưởng và phương tiện, cái trong sạch và cái hữu hiệu.

Tất cả cuốn sách xoay quanh vấn đề « .. làm sao cách mạng phục vụ con người mà không chà đạp vô ích một số người, phá hủy những cơ cấu bạo động mà không mắc kẹt trong bạo động, thúc đẩy lịch sử tiến nhanh nhưng với một giá không quá đắt đến nỗi mọi tiến bộ sẽ trở nên vô nghĩa (t. 8) ».

oOo

ĐÀN BÀ ĐÀN ÔNG.

TRIỀU DƯƠNG xuất bản. — 260 trang, 100đ.

Tác giả :



MINH-ĐỨC-HOÀI-TRINH. Tên thật là Võ-Thị-Hoài-Trinh, sinh năm 1930 tại Huế. Cộng tác với các tạp chí *Bách Khoa*, *Tân phong*, *Phổ thông*, *Thời nay* và các nhật báo : *Dân ta*, *Thời thế*, *Quyết tiến*... Đã xuất bản : *Lang thang* (thơ 1960) *Thư sinh* (kịch thơ) *Bơ vơ* (truyện dài) *Hồn* (truyện ngắn) *Mơ* (thơ) *Thiên Nga* (truyện dài) *Hai gốc cây* (truyện dài).

Tác phẩm :

Quyền tiểu luận này do cây bút ấy viết, thì không còn gì hợp cho bằng. Vì đàn ông, đàn bà, tuy hai mà một. Mà trong làng, ai cũng nhận nữ sĩ kiêm nữ kí-giả Minh-Đức-Hoài-Trinh là người có nhiều... nam tính.

Lời trên đây chỉ là một nhận xét khách quan, không có ý đề cao hay hạ thấp.

Mà quả còn ai hơn người thiếu phụ nửa chừng xuân này đề "trị" một đề tài vừa dễ mà vừa khó ấy? Cuộc đời và nghề nghiệp đã khiến nàng, lúc trẻ, *lang thang* gần khắp nẻo đường đất nước trong thời kháng chiến, lúc lớn, *bơ vơ* mấy dạo ở quê người, đã xây số, đây mấy giấc *mơ* lớn, nhỏ và đã có dịp tiếp xúc với nhiều hạng người trong xã hội gồm gần đủ các màu da; còn thêm cái vốn đọc rộng, đi nhiều...

Cho nên khi luận về đàn bà, nàng không ngại dõ áo cho người xem lưng (mời bạn xem đoạn : *nghệ thuật nhõng nhẽo*). Cho nên khi bàn về đàn ông, nàng mở xẻ tận tình với nụ cười ranh mãnh (đoạn *tán người đẹp* có thể đề gối đầu giường cho những ai...) Cho nên khi đưa ra *nghệ thuật giữ nàng và vợ*, nàng tỉ mỉ, rạch ròi đôi khi trắng trợn, đến ta phải giật mình. Và ta không lạ gì khi theo *binh pháp Tôn-Tử* để tìm *nghệ thuật tấn công người đẹp*, mà người đẹp đây là các cậu vai u thịt bắp ở thời trai thiếu gái thừa, và kẻ tấn công lại là các cô má hồng ngực nở.

Người giới thiệu đến đây xin nhường lời cho tác giả bằng cách sao lại *Mục lục* quyền "cầm nang" này cho hai giới vốn thường ít hiểu nhau :

ĐÀN BÀ : Tuổi trẻ của phụ nữ. Nước mắt đàn bà. Nghệ thuật tránh bẫy.
Tấm thân người đẹp. Khi đàn bà ghen. Đàn bà tốt và xấu.
Nghệ thuật nhõng nhẽo.

ĐÀN ÔNG : Những cụ trai già. Đi chơi với mấy anh chàng độc thân có lợi gì?
Khi các cậu ghen. Tấn người đẹp. Vì nhân

NGHỆ THUẬT GIỮ NÀNG VÀ VỢ : Nàng thuộc loại nhà nghèo. Nàng thuộc loại trí thức. Nàng ngoan đạo và nàng cổ kính. Nàng thuộc dân áp phe. Và làm sao giữ vợ.

NGHỆ THUẬT TẤN CÔNG NGƯỜI ĐẸP THEO BINH PHÁP TÔN-TỬ

ẢO ẢNH

THỜI MỚI xuất bản — 162 trang — Giá 80đ.



Tác giả — *Võ Phiến*. — Tên thật : Đoàn-Thế-Nhơn. Sinh năm 1925 ở Sinh-định. Từng chống chế độ Cộng sản ở liên khu V và bị tù đày cho đến hiệp định Genève. Làm công chức ở tỉnh nhà, rồi ở Sài-gòn. Cộng tác với *Mùa lúa mới*, *Rạng đông* (Huế) và *Bách khoa*, *Mai*, *Văn hữu Văn*, *Văn học...* (Sài-gòn) Chủ trương và xuất bản *Thời Mới* (1962). Viết về văn học và phiên dịch, kí : *Tràng-Thiên*

Đã xuất bản : *Chữ tình* (1956), *Người tù*, *Mưa đêm cuối cuối năm*, *đêm xuân trăng sáng*, *Về một xóm quê*, *Giã từ*, *Thương hoài ngàn năm*, *Thư nhà*, *Một mình*, *Tap bút*, *Về đâu*.

Tác phẩm

Chúng ta từng biết một Võ-Phiến viết truyện ngắn, viết truyện dài, viết tạp bút. Nay ta lại làm quen với một Võ-Phiến viết đoản văn.

Mà đoản văn đây không phải chỉ có nghĩa là những áng văn ngắn ngắn mà thôi, nó còn là hình ảnh một bữa ăn có nhiều món. Là truyện ngắn, mà cũng là tùy bút, hồi kí bút kí, và nghị luận, suy gẫm lai rai, chen lẫn vào nhau, khi mờ khi tỏ.

Với *Ảo ảnh*, Võ-Phiến đãi ta đến bảy bữa ăn.

Mà bữa nào chẳng giống bữa nào !

Xem sách đưa ta vào cái thế giới nội tâm của một chàng thi sĩ đã có đến ba chục tuổi nghề, hai lần bút chiến, một lần người yêu bỏ đi, một lần đánh nhau với bạn, và khi có một địa vị vững vàng trên thi đàn rồi, "chàng chỉ yên tâm được bên tủ sách của chàng."

Người chồng bất thường ấy thương vợ vô cùng, đến nỗi ghen tương quá mực và trở nên hung bạo với nàng. Chịu không nổi, nàng phải rời xa chàng, nhưng không chắc là nàng sẽ không trở lại.

Cái còn lại, ba mươi năm sau, sau bao nhiêu cơn sóng gió trong đời là chàng bỗng nhiên "nhớ đến cô i tá đêm nọ ở phòng mạch một bác sĩ trực."

Năm ba lá thư là năm ba lá thư tình của nàng gửi cho chàng mà nàng đọc lại trong khi ngồi chùi sạch các móng tay và sơn chúng lại : cuộc tình duyên của hai người sống lại, từ lúc mới quen nhau cho đến khi nàng giận chàng, không trả lời thư chàng nữa.

Tiếng rao *Ế* kéo dài của một á xăm như lạc lõng bơ vơ giữa khung cảnh đô thành và á xăm này bán cái gì, chàng cũng không biết. Nhưng một dạo, chàng thấy tiếng rao kia im mất, và "chàng chờ đợi tiếng rao ngân nga nọ, như đang vượt ve một ảo tưởng thanh bình".

Thành phố Hội-an với nếp sống, với nhà cửa, đường xe, cầu kiều, món ăn địa phương, với vài nhân vật điển hình, làm ta nghĩ đến xứ Quảng với những quấy động nông cuồng cũng như sự nhiệt thành cùng truyền thống tốt đẹp.

Giọt cà phê thường khi nhắc nhở những điều nhảm nhí, nhưng cũng có lúc làm sống lại cả một đoạn đời thơ ấu ở quê nhà, mười lăm năm về trước, có đàn có hát, có tiếng tu hú kêu ngoài vườn.

oOo

Ai đâu phân tích một mùi hương

Hay bản cầm ca...

Thì đem nhốt vào hộp, bảy cái « ảo ảnh » chập chờn như sương khói, co giãn như niềm nhớ nỗi thương, uyển chuyển và bất ngờ như như gió thoảng mây qua, quả là phụ lòng người sáng tạo ra chúng. Nhưng biết sao giờ, khi đã lãnh việc đọc sách giúp bạn đọc ?



MƯỜI HOA TRỖ SẮC

NGỌC MINH xuất bản. — 242 trang, 110đ.

Tác phẩm.

Mười «hoa» này có tên (sắp theo ảnh nhiều màu in ở trang bìa) :

Nguyễn-Thị-Vinh, Minh Quân, Linh-Bảo, Nguyễn-Thị-Thụy-Vũ, Phương-Khanh, Trúc-Liên, Trùng-Dương, Vân-Trang, Minh-Đức — Hoài-Trinh, Hoàng-Hương-Trang.



Nhà xuất bản không khỏi tự hào ít nhiều vì tuyển tập truyện ngắn này là «tập sách đầu tiên ở Việt-nam» qui tụ mười cây bút phụ nữ đủ mọi trường phái, mọi khuynh hướng.» Đáng lẽ phải thêm mấy chữ : «của thời hậu chiến».

Nói khuynh hướng, ta chấp nhận ; còn nói trường phái, ta có thể nghi ngờ. Vì văn học hiện giờ của ta làm gì có trường phái rõ rệt và các nữ sĩ như Minh-Quân, Trúc Liên, Vân-Trang, nhà xuất bản sẽ xếp vài trường phái nào đây ? Nhưng ta lại xa đề mất. Cái chánh là hương sắc của mười đóa hoa, chớ không phải là lời giới thiệu của người bán hoa.

Linh-Bảo và Minh-Đức — Hoài-Trinh khai thác cái vốn sống ở nước ngoài để cho ta biết về cảnh về người ở Tây-Âu, ở Bắc-Phi. Linh Bảo lồng vào *Chuyện búp bê tình chị đối với em*, còn Minh-Đức — Hoài-Trinh mượn *Đêm nhiệt đới* để mà nhớ nhung quê hương xa cách.

Trùng-Dương và Nguyễn-Thị-Thụy-Vũ (được coi là hai cây bút «hiện sinh») thì tả sự sa ngã cả thể xác lẫn tâm hồn của hai nhân vật nữ và sự họ khinh tởm «lũ đàn ông».

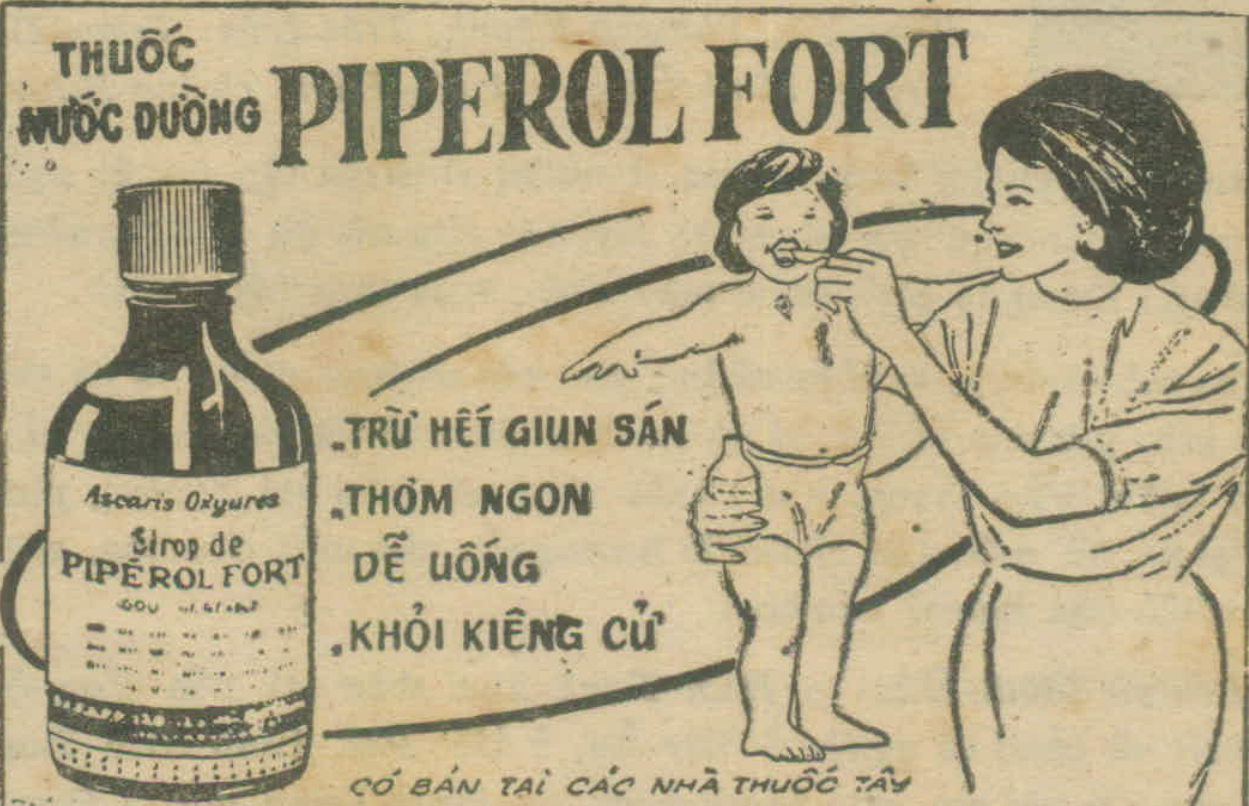
Phượng-Khanh và *Trúc Liên* làm ta ngậm ngùi với cảnh hạnh phúc gia đình của hai cặp vợ chồng lương thiện bỗng bị tan vỡ : một vì tai nạn, một vì lòng tham của người đời. *Hoàng-Hương-Trang* lại ra tay cứu một lứa đôi sắp mất Thiên đàng, nhờ đây nàng ra khỏi một chuyến đê thấy cái đẹp đẽ, cái cao cả của chàng trong cơn nguy biến.

Ảnh hưởng đau lòng của cuộc chiến tranh, *Nguyễn-Thị-Vinh*, *Minh-Quân* và *Vân-Trang*, mỗi người một khía cạnh, mỗi người một vẻ, cùng nhắc đến hoặc gợi ra, hoặc rõ rệt, hoặc phơn phớt, hoặc kín đáo qua các nhân vật, người thì say đắm, người lại hồn nhiên, người thì chất phác.

Qua mười truyện ngắn chọn lọc của mười cây viết phụ nữ hôm nay, người đọc được thấy bàng bạc một tình thương : thương người thân, thương thân phận người con gái chưa xót hoặc hằn học thấy mình sa ngã, thương những kiếp người bị đói dốt, bị tiền bạc, bị rủi ro, bị giặc giã cướp phần tươi sáng êm vui, thương quê hương nhiều nỗi . . .

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

THUỐC
NƯỚC ĐƯỜNG **PIPEROL FORT**



TRỪ HẾT GIUN SÁN
THƠM NGON
DỄ UỐNG
KHỎI KIÊNG CỬ

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Chiến tranh Trung-Đông

Sau 9 năm tương đối thanh bình, chiến tranh lại bùng nổ tại Trung-Đông. Sau một cuộc tấn công chớp nhoáng trong năm ngày, quân đội Do-Thái đã lượm được chiến thắng vẻ vang và Ai Cập hoàn toàn thảm bại. Biến chuyển Trung-Đông không phải chỉ có những hậu quả giới hạn tại miền này mà còn thay đổi một cách hết sức đột ngột cả cục-diện thế giới nữa.

Trong suốt tháng 5 Do Thái bị đe dọa trầm trọng, Với 2 triệu 700.000 dân, với 19 năm lịch sử, Do Thái không hiểu mình có sống sót sau cuộc chiến này hay không. Thật vậy, 14 Quốc gia Ả-Rập với 110 triệu dân đã bao vây tứ phía. Syrie luôn luôn ném cảm tử quân sang khùng bố. Quân đội Algérie ở xa xôi cũng chuẩn bị sang đánh Do Thái. Thậm chí đến hai Quốc vương Hussein, xứ Jordanie, và Fayçal xứ Arabie Séoudite, cũng đồng minh với kẻ thù là Nasser đề sửa soạn tiêu diệt Do Thái. Tổng Thống Ai Cập Nasser lại còn cho đóng vịnh Akaba không cho Do Thái giao thương với Viễn Đông nữa. Trước các quân đội Ả-Rập đông đảo kéo tới, Do Thái đã phải ứng lại bằng cách thực hiện được đoàn kết dân tộc, xiết chặt hàng ngũ trước kẻ thù chung. Người ta có thể nói rằng mối đe dọa Ai - Cập đã là một điều có lợi cho Do Thái. Thật vậy, từ năm 1965 tới nay, Do Thái gặp nhiều khó khăn về mặt kinh tế vì nhiều lý do. Trước hết chính phủ đã phải ngừng công cuộc phát triển để chống nạn lạm phát. Ngoài ra ngoại viện mà Do Thái nhận được càng ngày càng giảm đi. Trước đây Do Thái sống về viện trợ Mỹ (1,6 tỷ Mỹ kim), về tiền của tổ chức Do Thái thế giới tặng (2 tỷ) và về bồi thường chiến tranh do Đức trả. Nay Đức đã trả hết, Mỹ và tổ chức Do Thái thế giới không thể viện trợ vô-hạn-định. Hơn nữa dân Do Thái sau bao năm trời hy sinh để xây dựng đất nước giờ muốn được hưởng một phần nào kết quả đã lượm được. Lợi tức quốc gia không tăng nhanh như mấy năm trước và không đủ để nuôi dưỡng dân-số gia tăng. Những người Do-Thái về nước càng ngày càng ít, trong khi nhiều người lại rời xứ đi lập nghiệp ở ngoại quốc. Chính phủ Do-Thái nhờ có sự đe dọa của Ả Rập đã bất ngờ có một phương-thế để giải-quyết những khó khăn kinh-tế.

Về phương-diện chính-trị, chiến tranh với Ả-Rập cho phép Do-Thái được hy vọng thanh toán những cuộc tranh-chấp với các nước láng giềng đã kéo dài từ 19 năm nay. Nhưng, tuy hùng mạnh, quân đội Do Thái quá ít ỏi, vì vậy Do Thái trông vào một cuộc chiến tranh chớp nhoáng và bất ngờ để tiêu diệt quân đội Ả-Rập và phá vòng vây tấn công của họ.

Thứ hai, ngày 5 tháng 6 vào gần 6 giờ 30 sáng, đài Radar miền Nam Do-Thái báo động rằng có một đoàn phi cơ Ai Cập tiến về phía Do-Thái. Có lẽ phi cơ Ai Cập chỉ có mục đích đi tuần thám nhưng đó là một cơ hăng mong đợi đề Do Thái tấn công Ai-Cập. Và đúng 6 giờ 30, không-lực Do-Thái được lệnh cất cánh và phá hủy các phi cơ tại những trường bay Ai Cập.

Trước ngày khởi chiến, tướng Moshé Dayan đã lập sẵn một kế-hoạch với đầy đủ chi-tiết. Theo kế-hoạch này, một đạo quân Do Thái cơ-giới-hóa tiến sâu vào sa mạc Sinai bằng ba đường khác nhau để phá hủy những căn cứ Ai-Cập và cắt đứt đường rút lui của quân Ai-Cập ở kinh Suez.

Mặt trận thứ hai dùng hải-quân và lính nhảy dù để chiếm căn-cứ Sharm-el-Sheikh ở eo biển Tiran để giải tỏa vịnh Akaba cho tàu bè Do-Thái được lưu thông dễ dàng.

Mặt trận thứ ba sẽ được mở về phía Jordanie để đẩy lui quân đội nước này sang hữu ngạn sông Jourduin và đồng thời chiếm lại cờ thành Jérusalem, nơi đất tổ của dân Do-Thái.

Mặt trận thứ tư đẩy lui quân đội Syrie để bảo-vệ an-minh cho các nông trại Do-Thái vùng Galilée thường bị quân khủng bố Syrie đột kích.

Kế-hoạch này đã được thực hiện theo đúng ý muốn của Tướng Moshé Dayan. Lệnh tấn-công Ai-Cập được ban hành hồi 6 giờ 30 sáng ngày 5 tháng 6, tới 9 giờ thì một số lớn các mục tiêu của kế hoạch đã được thực hiện. Một phần lớn của không-tháng lực Ai Cập đã bị loại khỏi vòng chiến trước khi cất cánh. Ngày mùng 7 6 Do-Thái đã hạ được 441 phi cơ của Ai-Cập, Syrie và Jordanie. Từ đó, bộ binh Do-Thái ò ạt tiến vào lãnh-thổ các nước này như vào chỗ không người.

Sở dĩ Do-Thái đã chiến thắng mau lẹ như vậy là vì quân đội Do-Thái đã được chuẩn bị sẵn sàng. Từ hai năm nay, những phi-đội Do-Thái luôn luôn được túc trực, những phi-cơ oanh tạc loại Mirage, do Pháp bán cho, luôn luôn sẵn sàng để cất cánh trong 30 giây. Với tốc độ 2000 cây số giờ từ thủ đô Tel-Aviv (Do Thái) tới Le Caire (thủ đô Ai Cập) phi cơ Do-Thái bay chỉ mất có 20 phút và tới thủ đô Damas của Syrie chỉ mất có 10 phút.

Vấn đề chuyển vận quân đội là sự khó khăn duy nhất của Tướng Dayan. Chuyển vận một đơn-vị thiết giáp lớn, cần phải mang theo xăng nhớt, đồ phụ tùng để sửa chữa. Nhất là chuyển-vận trên sa mạc các thiết giáp càng dễ bị hư hỏng. Nhưng Tướng Dayan đã giải quyết khó khăn này bằng cách bịp đối-phương. Với 250 chiến xa trước 450 chiếc của Ai-Cập, quân đội Do-Thái không khỏi ở vào thế bất lợi. Nhưng các vị chỉ huy quân đội Do-Thái đã áp đảo tinh thần đối-phương bằng cách bắn vài chục hoả-tiến địa-địa khiến cho địch quân tưởng Do-Thái đông hơn họ. Về vấn đề tiếp tế người ta đã dùng trực thăng để chở đồ phụ tùng. Ngoài ra Do-Thái còn huy động những xe du lịch của tư nhân, xe buýt, những chiếc xe thợ giặt hay xe chở bánh mì.

Sau 4 ngày hành quân, Do Thái đã chiếm sa mạc Sinai, tiến tới kênh Suez ở phía Tây; chiếm lãnh thổ Jordanie ở tả ngạn sông Jourdain và tới cửa thủ-đô Syrie là Damas ở phía Đông; chiếm Sharm-el - Sheikh ở phía Nam. Đồng thời Do Thái cũng chiếm luôn giải đất Gaza của Ai Cập. Thống đốc Gaza là tướng Husni phải ký xin hàng không điều-kiện. Trước tru thế của quân đội Do Thái, Ai Cập Jordanie và Syrie phải xin đình chiến. Giờ đây chỉ còn có Algérie là vẫn tiếp tục tham chiến bằng cách gửi quân sang Ai-Cập.

Chiến tranh Trung Đông tuy đã tạm thời chấm dứt, nhưng vẫn còn có nhiều hậu quả quan trọng trên cục diện quốc tế. Các nước Ả Rập đều hết sức bối rối. Dân chúng từ đầu nghe chính phủ mình tuyên truyền vẫn yên trí là Ai Cập thắng, nên hết sức bất mãn khi được tin là chính phủ họ phải xin ngưng chiến. Tổng thống Ai Cập Nasser đã ra trước đài phát thanh và đài vô tuyến truyền hình tuyên bố từ chức để nhường quyền cho Phó tổng thống Mohieddine. Những lời lẽ của ông quá bi đát khiến dân chúng cảm xúc biểu tình đòi ông ở lại và ông lại thuận ở lại chính quyền. Tại Amman Quốc vương Jordanie là Hussein buồn rầu không kém. Hussein sở dĩ liên hiệp với Nasser là vì sau 10 lần bị ám sát hụt, ba cuộc đảo chính và hai cuộc cách mạng của dân chúng trong nước, ông thấy ngai vàng của mình lung lay, cần phải được cứu giữ. Ông muốn có một chiến thắng để củng cố địa vị của mình. Nhưng Quốc Vương Hussein đã tính sai. Bại trận lần này, ngai vàng của ông lại lung lay hơn bao giờ hết. Trước sức chống đối của dân chúng, nhất là những dân Palestine tỵ-nạn tại Jordanie, chính thể quân chủ ở Jordanie đang bị đe dọa phá sản.

Để giải-thích cho dân chúng lý do chiến bại, các chính phủ Ả Rập quyết định mở phong-trào chống Anh, Mỹ. Lấy cớ là đài radar của Jordanie đã thấy có những dấu hiệu cho biết là phi cơ Anh Mỹ đã từ những hàng-không mẫu-hạm tới giúp không lực Do Thái. Ả-Rập tố cáo Anh Mỹ đã tham chiến bên cạnh Do Thái. Làm sao Do Thái có thể thắng nổi Ả rập nếu không có sự tham chiến của Anh Mỹ. Ả-Rập đoạn giao với Anh Mỹ, phá những ống dẫn dầu và những nhà máy lọc dầu. Nhưng luận điệu này chỉ dùng được trong nội bộ, vì dư-luận quốc-tế thừa biết là tuy có nhiều thiện cảm với Do Thái, Anh và Mỹ đều không dám can thiệp. Anh không dám là vì Anh không còn là một lực lượng quân sự quan trọng và Anh cần dầu hỏa Trung-Đông, Mỹ không dám là vì Mỹ còn bận về vấn-đề Việt-Nam, không rảnh tay để can thiệp mạnh ở Trung Đông được. Hơn nữa một hạm đội của Nga tại Địa Trung Hải đã theo dõi bằng radar nhất cử nhất động của Anh và Mỹ mà không hề thấy một chiếc phi cơ nào của hai nước này hoạt động.

Nhưng Nga cũng bị Ả Rập hận thù không kém. Họ trách Nga đã bỏ rơi họ. Từ lúc đầu, bao giờ Nga cũng ủng hộ Ả-Rập. Nga đã viện-trợ cho Ả Rập những vũ khí trang bị quân - sự trị giá 1 tỷ rưỡi Mỹ - kim và viện trợ kinh tế lại còn nhiều gấp bội. Nga luôn luôn tuyên bố sẽ can thiệp, nếu Do-Thái gây hấn. 24 giờ trước khi khởi chiến, Nga còn hứa sẽ giúp các Quốc-gia Ả-rập nếu các quốc gia này bị xâm lăng. Nhưng Nga lại không đủ phương tiện.

Thật vậy, Nga tuy có một lực lượng nguyên-tử tương đương với lực lượng của Mỹ, nhưng Nga lại không có đủ phương tiện vũ trang cở-diễn, không có đủ quân lực cở-diễn để can thiệp vào những chiến-tranh địa phương. Với một lực lượng nguyên tử hùng hậu, Nga có thể hoàn toàn bảo đảm được an-tình lãnh-thổ của mình. Mỹ không bao giờ dám tấn công Nga. Nếu Mỹ tấn công Nga thì chỉ trong vòng một giờ đồng hồ là lãnh thổ của hai bên đều bị tàn phá. Vì vậy mà cả hai nước đều không đại dột để tự tiêu diệt như vậy. Nhưng trong các cuộc chiến tranh địa phương, người ta không thể dùng được vũ khí nguyên tử mà chỉ có thể dùng quân-lực cở-diễn mà thôi. Trong trường hợp này, Hoa-kỳ nắm hoàn toàn được ưu thế vì Mỹ, ngoài lực-lượng nguyên-tử, còn có một quân đội cở-diễn đông-đảo, có căn cứ rải rác khắp trên thế giới. Trước khi chịu thua ở Trung-Đông năm nay, Nga đã phải lùi bước trước thái độ cương quyết của Mỹ năm 1961 trong vụ Bá-Linh, năm 1962 trong vụ Cuba, và năm 1965 khi Mỹ thả bom Bắc-Việt. Không một lần nào Nga dám công khai đụng độ với Mỹ.

Nhược điểm này của Nga đã được Do-Thái hiểu rõ nên Do Thái không ngần ngại đánh trước. Sau khi đã toàn thắng, Do-Thái tuyên bố không có tham vọng chiếm lãnh thổ Ả-Rập, nhưng vẫn muốn giữ lại những đất đai đã chiếm được để làm áp-lực bắt các quốc-gia Ả-Rập phải thương-thuyết, phải để cho tàu bè Do-Thái được tự-do lưu-thông trên kinh Suez và vịnh Akaba. Ngoài ra Do-Thái còn muốn bắt buộc các nước Ả-Rập phải thừa nhận mình và ký một hiệp-ước để Do-Thái và Ả-Rập trong tương lai sẽ được chung sống hòa bình. Nếu được thỏa mãn, Do Thái sẽ có thể tài - trợ một phần nào để định - cư những dân Palestine tỵ nạn ở Jordanie. Do-Thái sau cùng còn muốn giữ Cở thành Jérusalem hay ít nhất đặt thành này dưới sự bảo-trợ của Liên-Hiệp-Quốc.

Các nước Ả-Rập hiện còn đương cay cú chưa chắc đã chịu ngồi cùng bàn hội-nghị với Do-Thái. Nhưng địa-vị của các nhà lãnh-đạo Ả-Rập hiện thời rất lung lay. Trong những ngày gần đây rất có thể một lớp người lãnh-đạo mới sẽ lên nắm chính-quyền và sẽ có một chính sách đủ hòa hoãn và thực tế để cùng với Do-Thái tạo nên một qui-chế chính-trị mới cho vùng Trung-Đông. Nhưng hiện thời ta chưa ở giai-đoạn đó. Các quốc gia Ả-Rập đang phát động phong-trào chống Anh Mỹ bằng cách đoạn giao với hai nước này và phá vỡ những hệ-thống dẫn và lọc dầu của Anh-Mỹ tại Trung Đông. Phong trào này đồng thời cũng chống lại cả Nga bằng cách đe dọa các Tòa Đại-sứ Nga tại Alger và Khartoum.

Tuy chiến tranh Trung-Đông đã chứng minh rằng Mỹ đã lượm được một thắng-lợi tinh-thần lớn, nhưng Mỹ cũng tỏ ra hết sức dè dặt. Chính phủ Hoa- thịnh-đốn cố tránh không dám khai thác ưu-thế của mình vì Mỹ không muốn làm Nga bất bình, hơn nữa Mỹ còn muốn được lòng Nga để tiếp tục giữ tình thân-hữu và để Nga giúp Mỹ trong việc thanh - toán vấn-đề Việt-Nam. Trước ngày chiến tranh Trung - Đông bùng nổ, Tổng-Thống Johnson luôn luôn cam kết với Nga là ông không tham chiến. Để tỏ thiện-chí, ông còn có một quyết định không tiền khoáng hậu là trao cho chính phủ Nga những

bí mật mà mật vụ Mỹ đã lượm được ở Trung-Đông. Những bí mật này cho biết vì sao Do-Thái sẽ thắng Ả Rập trong 5 ngày. Ngay lúc đầu của chiến tranh, Tổng thống Johnson và Thủ Tướng Nga Kossyguine đã nhiều lần hội đàm với nhau bằng « đường dây điện thoại đỏ » để tỏ thái-độ hòa-hoãn của mình. Và cả hai bên đều quyết định không can thiệp.

Khi chiến tranh Trung Đông chấm dứt với thảm bại của các quốc gia Ả-Rập, Nga thấy cần phải cứu vãn uy tín bị thương tổn của mình và cũng để lấy lòng Ả-Rập, nên quyết định có một chính-sách cứng rắn đối với Do -Thái. Trước sự bất bình của Ả-Rập đối với mình và trước sự tố cáo của Trung Cộng rằng Nga đã thông lưng với Mỹ, chính phủ Mạc-tư-Khoa phải chỉ-thị cho Đại-sứ Nga tại Liên-Hiệp-Quốc, Fedorenko, phải lên án Do-Thái một cách gắt gao, đòi Do-Thái rút quân về vị-trí cũ và xin Hội-Đồng Bảo An tuyên bố Do-Thái là « kẻ gây hấn ».

Nga sẽ xin Đại-Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc triệu tập một khóa họp bất thường. Và Thủ Tướng Kossyguine đã đích thân đến dự. Trên đường đi Nữu-Uớc Kossyguine đã gặp tướng De Gaulle và ông sẽ gặp Tổng Thống Johnson để bàn về vấn-đề Trung-Đông. Chuyển đi của Thủ Tướng Kossyguine này có nhiều hy vọng thành công, vì người ta chưa quên rằng đầu năm 1966, nhờ tài ngoại-giao khéo léo, mà ông Kossyguine đã thành công trong việc hòa giải hai nước Ấn-Độ và Hồi-Quốc tại Tashkent. Tại hội-nghị thượng-đỉnh ở Liên-Hiệp-Quốc vấn-đề Việt-Nam sẽ có thể được đưa ra. Nhưng đó còn là việc tương-lai. Hiện thời sứ-mạng của ông Kossyguine là phải làm sao cho các chính phủ Ả Rập và Do Thái nguôi giận trước đã rồi mới hòa giải được.

Vấn đề Trung-Đông tuy chưa được thanh toán nhưng ta có thể xác nhận rằng tướng Moshé Dayan, Tổng trưởng Quốc-phòng Do-Thái, người anh hùng của hai trận chiến chống Ả-Rập năm 1956 và 1967, đã là một người làm thay đổi cục diện thế giới. Chiến thắng Do-Thái do Moshé Dayan chỉ huy, đã lập một thế quân binh mới, giữa các Quốc-gia Trung-đông và đồng thời chứng minh sự bất lực của Nga trong các cuộc chiến-tranh địa-phương. Đối với các quốc gia của khối đệ tam thế-giới Nga không còn có thể đóng vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản thế giới nữa. Trung Cộng giờ đây thay thế Nga trong nhiệm vụ này. Vì chiến thuật du-kích được coi là phương tiện hữu hiệu hơn để lật đổ các chính phủ quốc-gia ngõ hầu lập chính thể cộng sản. Người ta e rằng Trung-Cộng sẽ lợi dụng sự bất hòa giữa Ả-Rập và Nga, Mỹ sẽ nhẩy vào quấy rối tại Trung-Đông trong tương lai chẳng.

TỪ-TRÌ

CÁO LỖI

Vì lý-do kỹ-thuật, đến phút chót hai bài thơ của Vũ-Hoàng-Chương và Công-Trúc đã rao ở ngoài bìa số này phải gác lại đến kỳ tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc và hai tác-giả.

Tòa-soạn Bách-Khoa Thời-Đại

Lễ kỷ-niệm sinh nhật vua Quang-Trung tại Bình-Khê

Những biểu ngữ viết bằng mực son trên vải trắng căng từ bến xe quận Bình-khê cho đến điện Tây-Sơn như chào mừng đoàn người phương xa đến dự lễ lịch sử được tổ chức lần đầu này :

— *Kỷ niệm sinh nhật Quang-Trung, nhắc gương anh hùng dân tộc.*

— *Nam quét tham nhũng, Phúc-Loan.*

Bắc dẹp bạo tàn Chúa Trịnh.

Và biểu ngữ mang mấy vần thơ của nàng công chúa họ Lê nhắc lại sự nghiệp người Anh hùng dân tộc này không khỏi làm người đọc băng khuâng trong khoảnh khắc :

Non Tây áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.

Mà sự canh gác sáng hôm ấy, công trình kẻ cũng xiết bao. Quân đội ta. quân đội Đại-Hàn, chúng tôi phải xuống xe mấy lượt. Đề trình giấy tờ. Đề bút đàm (may mà có anh ký giả Hoa-kiều cùng đi, không thì người lính Đại-Hàn ấy giữ chúng tôi lại). Chiếc cầu bắc ngang sông Côn đưa qua nơi hành lễ, đồng bào thường dân không được đi qua.

Một bức tranh thật lớn, Quang-Trung ngồi trên chiến mã, dựng ở trước công điện, thu hút sự chú ý của mọi người, cũng như ngọn cờ Tây-Sơn (mặt trời vàng ở giữa nền đỏ) phất phơ trước điện.

Đại diện các xã trong quận và đồng bào dự lễ, phỏng lối hai ngàn người. Theo lời một bạn ở địa phương, nếu không vì lý do bảo vệ an ninh đặc biệt cho buổi lễ, do Thiếu tướng Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương chủ tọa, thì số người dự sẽ đông hơn nhiều : Lòng dân ở đây vẫn tôn sùng người đã làm rạng danh quê cha đất tổ, và cứu dân dựng nước, huống hồ đây là lễ sinh nhật đầu tiên được tổ chức một cách trọng thể.

9 giờ. Phái đoàn Chánh phủ trung ương do Thiếu tướng Chủ tịch UBHP TU cầm đầu và quan khách ngoại quốc đáp trực thăng xuống phi trường và được ông Nguyễn-Đông, trưởng ban Quản trị điện Tây-Sơn và ông Mạc-Như-Tùng, hội trưởng hội Khổng học Bình-định nghinh tiếp và đưa về nơi hành lễ.

Đến đây, có sự đảo lộn trật tự phần đầu buổi lễ. Theo chương trình của ban tổ chức, thì Thiếu tướng Chủ tịch, phái đoàn và quan khách được rước thẳng vào Điện, hành lễ « ngũ khấu » trước đức Quang-rung, sau đó mới rời về khán đài danh dự. Nhưng vào phút chót, theo đề-nghị của vị đại diện ban nghi-lễ phủ Chủ tịch UBHPTU với ban tổ chức, nên Thiếu tướng Chủ tịch tới thẳng khán đài danh dự nói với đồng bào trước, rồi sau mới nhập điện làm lễ.

Lễ tế được cử hành theo nghi-lễ cổ truyền, với nhạc xưa, văn tế.

Tiếp theo là phần trình diễn võ thuật văn nghệ và hoạt cảnh Quang-Trung ra Bắc.

Võ Bình-định nổi tiếng từ lâu. Nên khi người địa phương (người lớn có, trẻ em có) biểu diễn thanh long đao, đại đao, trường thương, song đao, đoản

côn, quyền thuật, thì được mọi người hoan nghinh. Thiếu tướng Chủ tịch có ngỏ lời khen hai em nhỏ biểu diễn thảo tay và thưởng cho một số tiền. Nhưng ai ở xa đến tiếc không thấy cảnh phụ nữ trở tài vì chưa quên câu ca dao mời mọc từ thuở nào :

Ai về Bình-định mà coi.

Đàn bà cũng biết đánh roi di quờn

Nhạc võ Tây-sơn được giới thiệu với mười hai cái trống do một người đánh. Âm thanh của mười hai cái trống được đánh liên hồi bằng dùi hoặc võ bằng tay, nghe lạ tai thì có lạ, mà «rõn gáy» như tiếng trống Hà-Hồi áp đảo quân Thanh thì quả là không. Phải chăng vì đây là trống nhỏ, và người đánh lại ngồi chồm hồm, mất cái uy của người cử nhạc . . . võ ?

Đến hoạt cảnh Quang-Trung ra Bắc, do tiểu đoàn vận tải Qui-nhơn phụ trách. Hai người lính vồng một người, rồi đôi Cái xông xáo, khỏe khoắn của quân, thì thấy, mê cái oai dũng của tướng, thì không ? Vì «Nguyễn Huệ» không cỡi voi không cỡi ngựa, mà lại đi bộ trước ba quân, mà bộ đi không mấy oai.

Người ta hơi bực mình, khi nghĩ đến các quan khách nước mình dự lễ. Điện Tây-sơn có thể nhỏ nhỏ, nhưng Quang-Trung — dù chỉ là hình ảnh — không thể kém oai hùng !

Sau lễ tặng Đất thiêng cho Chánh phủ, đến mục tặng quà kỉ-niệm cho phái đoàn Chánh phủ và quan khách. Đó là quyển sách *Hồ Thorm Nguyễn Huệ Quang-Trung* hay *Giấc mộng lớn chưa thành* của Nguyễn-Ngu-Í, phát hành ngày kỉ-niệm này, trong đó tác giả ca ngợi người anh hùng áo vải, chỉ dựa vào cái thể Dân-tộc mà đuổi được ngoại xâm và thống nhất đất nước.

Rồi, sau lời cảm tạ của địa-phương, do ông quận-trưởng phát biểu, phái đoàn Chánh phủ, quan khách ra về.

Lễ kỉ-niệm Sinh nhật Quang-trung chánh thức bế mạc lúc ấy ; 11 giờ trưa(1) nhưng ban tổ chức còn đãi đồng bào một chầu hát bội vào lúc xế và mở một cuộc hội-nghị đặng thành-lập «Ủy ban toàn quốc đề chuẩn bị lễ kỉ niệm 200 năm khởi-nghĩa Tây-sơn».

Theo quyết-nghị của Ủy-ban toàn quốc trên đây thì ngày mồng 6 tháng Giêng năm Tân Hợi (1971) được chọn làm ngày chánh lễ, kỉ-niệm 200 năm khởi nghĩa Tây Sơn, và ủy-ban có yêu cầu chánh phủ công nhận ngày ấy là quốc-lễ.

Chúng tôi ở lại chơi với ban Quản-trị điện Tây-sơn tối hôm ấy và sáng hôm sau, có được anh em cho biết một số tài-liệu khẩu truyền của người địa-phương về nhà Tây sơn, như về ngày sinh của Quang Trung, Nguyễn-Huệ là em hay là anh Nguyễn-Lữ, lễ Thường tân hay giỗ Ba Vua . . . Chúng tôi xin kể lại trong một dịp khác.

NGÊ-BÁ-LÍ

(2) Tưởng cũng nên ghi trong đêm trước, có là lễ Tiên thường đề cầu cho Chiến-sĩ trận vong (thời Tây-sơn : Việt, Xiêm, Pháp, Tàu) do chi hội Việt-Nam Phật giáo Thổ g nhất đảm nhận, và các vị bô lão làm lễ xin phép lấy Đất Thiêng tại sân điện đề tụng Chánh phủ ?

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

từ số 241 đến 252, từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1967*

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
BIÊN-KHẢO NGHI-LUẬN				
<u>CHÍNH TRỊ</u>				
1	Chính sách Cộng-sản đối với Phật giáo Trung-hoa	Nguyễn-Khánh-Hòa	245	17
2	Ki-tô-giáo và Mác xít đối thoại	— id —	248	9
3	Nhớ và nghĩ về bài quốc ca Việt	Nguyễn-Ngu-Í	244	33
	— id —	— id —	245	35
4	Ý niệm quốc-gia trong thời-đại mới	Cung Giũ Nguyễn	247	3
	— id —	— id —	248	25
	— id —	— id —	249	6
	— id —	— id —	250	14
	— id —	— id —	251	13
	— id —	— id —	252	16
5	Tình trạng xã-hội Nga-sô 50 năm sau Cách mạng tháng 10 thành công	Việt Phương	251	17
6	Chiếc bình	Doãn Quốc Sỹ	246	23
7	Nhận xét về dự-án Hiến-pháp	Thanh Thiên	241-42	171
	— id —	— id —	243	62
8	Một năm khủng hoảng chính trị	Từ Tri	241-42	7
9	Những biến cố trên thế-giới trong 10 năm qua	— id —	241-42	8
10	Nam Dương từ Sukarno đến Suharto	— id —	244	11
11	Ấn Độ dưới triều-đại Indira Gandhi	— id —	245	3
12	Thế-giới trong những tuần qua	— id —	246	82
	— id —	— id —	247	71
	— id —	— id —	249	58
	— id —	— id —	250	56
	— id —	— id —	251	56
	Chiến tranh Trung Đông	— id —	252	73

* B.K.T.Đ. số 241-42	(15-1-1967)	B.K.T.Đ. số 247	(15-4-1967)
B.K.T.Đ. số 243	(15-2-1967)	B.K.T.Đ. số 248	(1-5-1967)
B.K.T.Đ. số 244	(1-3-1967)	B.K.T.Đ. số 249	(15-5-1967)
B.K.T.Đ. số 245	(15-3-1967)	B.K.T.Đ. số 250	(1-6-1967)
B.K.T.Đ. số 246	(1-4-1967)	B.K.T.Đ. số 251	(15-6-1967)
		B.K.T.Đ. số 252	(1-7-1967)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
13	Lương-tâm và chính trị	Hồ-Dã-Tương	247	20
14	Dự-trị	Hồ Hữu Tường	241-42	65
15	Sức mạnh về tinh thần bất bạo-động	Đào Đăng Vỹ	248	14
	— id —	— id —	249	31
16	Người Việt xứ Lào	Phạm Hoàng	252	3
<u>DANH NHÂN</u>				
1	Walt Disney thi sĩ của màn ảnh	Nguyễn Hiến Lê	243	55
	— id —	— id —	244	19
2	Ông Bà La Fayette	— id —	246	9
	— id —	— id —	247	22
	— id —	— id —	248	34
3	Konrad Adenauer, người tái tạo Tây Đức	Việt-Phương	249	37
4	Khoa học và lương tâm (nhân cái chết của Oppenheimer)	Võ Quang Yến	245	41
<u>GIÁO - DỤC</u>				
1	Vài nhận xét về 10 năm giáo dục	Bùi Hữu Sùng	241-42	27
2	Giáo dục và vấn đề lý-tưởng cho thanh-thiếu-niên	Đoàn nhật Tấn	244	3
3	Đại học dân thân, trường hợp Tunisie	Nguyễn Trọng Văn	246	3
4	Việc giảng dạy Triết-học tại Việt-Nam	— id —	248	2
	— id —	— id —	249	23
<u>KINH-TẾ</u>				
1	10 năm kinh-tế	Duy	241-42	33
	— id —	— id —	243	15
<u>KHOA HỌC</u>				
1	Phân-tích căn-nguyên sự chậm tiến về khoa học tại Á-châu thời trung-cổ	Nguyễn Trinh Dzoanh	250	51
2	10 năm khoa-học không-gian	Ngọc Vân	241-42	41
	Ý nghĩa của chuyển đi cuối cùng	— id —	244	51
3	(Vụ tử nạn của 3 phi hành gia Hoa-kỳ)	— id —	249	79
4	Cái chết của Komarov ; Surveyor 3	Thiện Ý	241-42	159
5	Ngày xuân bàn chuyện trường-sinh	Võ Quang Yến	241-42	18
6	10 năm phát triển khoa học	— id —	245	41
7	Khoa học và lương-tâm			

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
8	Cơ chế phát gây ung thư	Võ Quang Yến	246	19
9	Cá heo học nói, biết hát	— id —	251	26
<u>LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI</u>				
1	Hội nghị quốc-tế âm-nhạc Á-châu	Trần Văn Khê	243	31
2	Lá thư nước ngoài	Doãn Quốc Sĩ	245	47
<u>NGHỆ-THUẬT</u>				
1	Tìm về tranh dân-gian Việt-Nam	Lê Văn Hảo và Vinh Phổ;	241-42	70
2	Hội nghị quốc tế âm nhạc Á-châu	Trần Văn Khê	243	31
<u>SỬ-ĐỊA</u>				
1	Phương pháp nghiên cứu lịch-sử tư tưởng Trung quốc	Ngô Di (Đình Tấn Dung dịch)	247	13
2	Một hiện tượng mới : loại địa-phương-chí	Nguyễn Hiến Lê	249	3
3	Người gốc Hoa làm vua đất Việt	Nguyễn Phương	245	9
4	Đàm đạo về truyền thống dân tộc	Lê Văn Siêu	250	3
	— id —	— id —	251	3
	— id —	— id —	252	12
5	Về sự cần thiết của khoa nhân-danh-học ở Việt-Nam	Hồ Hữu Tường	247	8
6	Phục hồi họ Việt	— id —	249	11
7	Vài nét về người Miền Nam Thời Tây-Sơn trong văn chương miền Bắc	Nguyễn Văn Xuân	249	15
<u>TÔN GIÁO</u>				
1	Chính sách cộng sản đối với Phật giáo Trung Hoa	Nguyễn Khánh Hòa	245	17
2	Ki-tô-giáo và Mác-xít đối thoại	— id —	248	9
<u>TRIẾT</u>				
1	Quá khứ và tương lai trong tiềm-thức	Carl G Jung (Vũ đình Lưu dịch)	245	23
2	Ngày xuân con én đưa thoi	Trần Hương Tử	241-42	78
	— id —	— id —	243	3
3	Việc giảng-dạy Triết-học tại Việt-Nam	Nguyễn Trọng Văn	248	2
	— id —	— id —	249	23

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẴO THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
<u>VĂN HỌC — VĂN HÓA</u>				
1	10 năm cầm bút — id —	Vũ Hạnh — id —	241-42 243	127 81
2	Trên 10 năm cầm bút và xuất bản — id —	Nguyễn Hiến Lê — id —	241-42 243	52 7
3	Nguyễn văn Trung sau 10 năm cầm bút — id —	Trần Triệu Luật — id —	243 244	73 41
4	10 năm cầm bút	Võ Phiến	241-42	47
5	Không cười	— id —	244	27
6	Không cười thế mà hay	— id —	245	29
7	Đàm đạo về truyền thống dân tộc — id — — id —	Lê văn Siêu — id — — id —	250 251 252	3 3 18
8	Buồn vui của người viết	Đoàn Thêm	241-42	58
9	Một đặc san về Nguyễn Du của trường Viễn-đông Bác cổ Pháp	Tràng Thiên	251	61
10	Vài nét về người Miền Nam thời Tây Sơn trong văn chương Miền Bắc	Nguyễn văn Xuân	249	15
11	Một loại từ hoa Việt Nam : số lượng	— id —	250	46
12	Nữ sĩ Quách Hương Huệ	Đặng Ngọc Hương	252	37
<u>XÃ-HỘI</u>				
1	Hôn-nhân dị-chủng — id — — id — — id — — id —	Mộng Trung — id — — id — — id — — id —	244 245 246 247 248	69 51 35 34 41
<u>TÙY BÚT — TIỂU LUẬN</u>				
1	10 năm Bách-Khoa	Bách Khoa Thời Đại	241-42	3
2	Tình đồng loại	Thích Đức Niệm	250	10
3	Chiếc bình	Doãn Quốc Sĩ	246	23
4	Ngày xuân con én đưa thoi — id —	Trần Hương Tử — id —	241-42 43	78 9
5	Chuyện bắt lợi thành thắng lợi	Nguyễn Hiến Lê	252	25

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
VĂN - NGHỆ				
<u>BÚT KÝ — HỒI KÝ</u>				
1	Trong đêm trường còn có ánh trăng sao	Cung Giũ Nguyễn	243	37
2	Rừng nào cọp ấy	Phát Thạch	246	51
<u>TRUYỆN DỊCH</u>				
1	Người hành khất mới	R. Azcona (Võ Lang dịch)	250	60
2	Bức Bình-phong Hỏa-ngục	Akutagawa Ryunosuke (Chương Ngọc dịch)	251	41
	— id —	— id —	252	60
<u>TRUYỆN NGẮN</u>				
1	Nét đẹp quê hương	Linh-Bào	244	47
2	Cung chúc tân xuân	— id —	248	48
3	Cô áo hồng	— id —	251	67
4	Những người ở lại	Trần-Đại	245	59
5	Trại công tác cuối tuần	— id —	249	64
6	Mưa không ướt đất	Trùng-Dương	241-42	138
	— id —	— id —	143	47
7	Vỡ đường	Lê-Tất-Điều	244	76
	— id —	— id —	245	69
8	Buổi chiều của người da vàng	— id —	247	41
9	Chợ đêm	Bùi-kim-Đình	246	43
10	Xuân về ấp chị	Vu Đoài	241-42	90
11	Nguồn nước cạn	— id —	244	57
12	Vượt nắng	— id —	252	41
13	Mê lộ	Nguyễn Thị Hoàng	246	71
14	Gió cuốn	Võ-Hồng	241-42	98
15	Người chồng bất thường	Võ-Phiến	241-42	109
16	Giọt cà-phê	— id —	248	67
17	Những ngày ghi vôi	Trần-Quý-Sách	247	82
18	Tiếng hát	Nguyễn-thị-Thụy-Vũ	250	35

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẴ THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chỉ	Trang
TRUYỆN DÀI				
1	Má Hồng	Đỗ-tiến-Đức	247	59
	— id —	— id —	248	55
	— id —	— id —	249	48
	— id —	— id —	250	23
	— id —	— id —	251	30
	— id —	— id —	252	51
2	Tiền đồn	Thế Uyên	241-42	120
	— id —	— id —	243	65
THƠ				
1	Những bài học mùa đông	Trần-Huyền-Ân	245	56
2	Trước mắt rừng đêm	— id —	251	73
4	Thi hội tân niên, gửi bạn	Bùi-Khánh-Đản	241-42	88
5	Chân cảm	— id —	243	46
6	Hồi-sinh	Phồ-Đức	241-42	126
7	Đôi mắt	Xuân-Hiến	241-42	125
8	Mười năm gần máy	— id —	243	46
9	Gởi lòng Nguyên-đán	Đông-Hồ	241-42	86
10	10 năm	Nguyễn-ngu-Í	241-42	6
11	Mùa xuân trên cao xa	Mè-Kung	245	57
12	Dấu hỏi	Tường-Linh	246	80
13	Vỗ về mùa xuân	Huy-Lực	241-42	150
14	Bến trọ ; buồn trưa ; khắc khoải	Hữu-Phương	248	83
15	Chuyện ngàn năm ; thủy triều	— id —	251	74
16	Đất, sương hoa ;	Đinh-Xuân-Phương	246	81
17	Thơ	Đoàn-Thêm	241-42	89
18	Đường lên	Hoàng-huyền-Thoại	241-42	183
19	Mùa xuân bay cao	— id —	243	58
20	Chuyến phà đầu xuân	Trần-hoài-Thư	245	68
21	Màu xanh lá hẹ	— id —	250	79
22	Điềm vượt sông	Ý-Yên	250	80

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SÁCH THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chỉ	Trang
SINH - HOẠT				
<u>DIỆM-SÁCH</u>				
1	« Đêm dài một đời » của Lê-tất-Điều	Lữ-Phương	246	29
2	Vài ý kiến về « Non Nước Phú-Yên » của ông Nguyễn-đình-Tư	Đà-Giang	252	29
<u>PHỎNG-VẤN</u>				
1	Tâm sự Phạm-Duy — id —	Lê-Phương-Chi — id —	241-42 243	151 23
2	Nếp sống hôm nay của các văn nghệ sĩ ; nhà văn Nhật-Tiến	— id —	247	53
3	Kịch-tác-gia Vũ-khắc-Khoan	— id —	249	42
4	Nhà văn Võ-Hồng	— id —	251	50
5	Nguyễn-văn-Trung sau mười năm cầm bút — id —	Trần-Triệu-Luật — id —	243 244	73 41
<u>ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN</u>				
1	Giới thiệu « Hai mươi năm qua » của Đoàn-Thêm	Lãng-Nhân	244	83
2	Truyện ngắn của truyện ngắn (Sơn-Nam) ; Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp (Thảo-Trường) ; Mù sương (Nguyễn xuân Hoàng) ; Bướm lạ (Trường Hùng) ; Bóng tối thời con gái ; Đêm dậy thì ; Đêm nghe tiếng đại bác (Nhã Ca)	Thục	246	65
3	Bão khô ; Quê nhà (Y-Uyên) ; Tiễn đôn (Thế-Uyên) ; Hoa bướm bướm (Võ Hồng) ; Mộng Ngân Sơn (Quách Tấn) ; Hiện Thân (Phở Đức) ;	Thục-Minh-Tâm Quốc-Thái	247	75
4	Tiểu Phi Lạc náo Saigon ; Diễm-Hồng xuất giá (Hồ-hữu-Trường) ; Quán tai heo (Bình Nguyễn Lộc) ; Hai mươi năm qua (Đoàn Thêm) ;	Thục Tân-Fong-Hiệp	248	79

Số thứ t	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
5	Một cái chết dịu dàng (Vũ đình Lưu dịch) ; Natasha, câu chuyện mùa đông (Diễm-Châu dịch) ; Con tê-giác (Bùi-khải-Nguyễn dịch)	Đoàn-Quỳnh-Như Võ-Hồng-Ngự	249	75
6	Cổ văn Trung-quốc (Nguyễn-hiến-Lê dịch) ; Việt-Nam văn-minh sử-lược (Lê-văn-Siêu) ; Vết thương dầy thì (Túy-Hồng) ; Lao vào lửa (Nguyễn-thị-Thụy-Vũ) ; Nụ cười, nước mắt học trò (Bình Nguyễn-Lộc) ; Bắt trẻ đồng xanh (Phùng Khánh dịch)	Bách-Khoa Thời-Đại	250	70
7	Gió nổi cát bay (Nguyễn-Ai-Lữ) ; Mẩu-hệ Chàm (Nguyễn-khắc-Ngũ) ; Tân-Châu (Nguyễn-văn-Kiểm) ; Chú thỏ để (Bích Thủy) ; Triết-học hiện-sinh (Trần-thái-Đĩnh)	Bách-Khoa Thời-Đại	251	75
8	Hồ Thơm Nguyễn Huệ Quang Trung (Nguyễn-Ngu-Í) ; Cách mạng và đạo đức ; Ba năm xáo trộn (Lý-Chánh-Trung) ; Đàn bà đàn ông (Minh-Đức Hoài-Trình) ; Áo ảnh (Võ Phiến) ; Mười hoa trở sắc (10 tác giả).	— id —	252	66
<u>ĐỌC BÁO GIÚP BẠN</u>				
1	Đàm thoại với Djilas ; Mihajlov nói thẳng những điều mình nghĩ ; con gái nhà độc tài chọn tự do.	Bách-Khoa Thời-Đại	249	82
2	Cách-mạng và Karl Marx ; Thế-giới vào năm 2.000 sẽ ra sao ; Phi-cơ vận-tải khổng lồ ; Một thí nghiệm về lưu-thông sẽ được thực hiện nay mai tại Thụy-Điền (Suède) !	Bách-Khoa Thời-Đại	350	63
<u>SINH HOẠT</u>				
	Thời sự văn nghệ	Tràng-Thiên	241-42	172
	— id —	— id —	243	62
	— id —	— id —	245	86
	— id —	— id —	246	90
	— id —	— id —	247	87
	— id —	— id —	249	91
	— id —	— id —	250	85

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
1	Những câu hỏi của Hội nghị Triết học tại Việt Nam.	Bách-Khoa	248	84
2	Một thắc mắc đã được giải đáp	— id —	250	81
3	Một hội cần được góp sức	— id —	250	84
4	Hội thảo về phê bình văn nghệ	Thế-Nhân	241-42	181
5	Đàm thoại về kịch	— id —	251	82
6	Sinh hoạt văn hóa, báo chí của Tổng Hội sinh viên Saigon	— id —	251	84
7	Giáo sư đại học với vấn đề chuyên ngữ	Trần-Triệu-Luật	241-42	179
8	Sau « vài ý nghĩ » của ông Nguyễn-hiến-Lê về « vài ý nghĩ của giáo Mục »	Vũ-Ngô-Mưu	245	83
9	Hội nghị tôn giáo hoàn cầu	Nguyễn-Ngu-I	244	85
10	Chân dung tình yêu	— id —	244	87
11	Sức sống của dân tộc qua âm nhạc Việt-Nam	Ngô-Bá-Lí	246	88
12	Tương lai văn hóa Việt-Nam	— id —	249	88
13	Lễ sinh nhật Quang-Trung	— id —	252	80
14	Giỗ tổ Hùng Vương năm nay	Fạm-Hoàn-Mĩ	248	86

Nhà xuất bản TRÌNH BÀY đã phát hành :

- MẪU HỆ CHÀM của NGUYỄN KHẮC NGŨ
- VỀ PHÁC MỘT CHÂN DUNG CON NGƯỜI của LÊ VĂN HẢO
- HOÀ BÌNH CHO CON NGƯỜI của TRƯƠNG BÁ CẦN
TRƯƠNG ĐÌNH HOÈ và NGUYỄN HỒ ĐÌNH

Nhà xuất bản LÁ BỐI đã phát hành :

- VIỆT NAM VĂN MINH SỬ-CƯƠNG của LÊ VĂN SIÊU
- NÓI VỀ MIỀN NAM của SƠN NAM
- KIẾP NGƯỜI (Of Human Bondage của SOMMERSET MAUGHAM)
NGUYỄN HIẾN LÊ dịch
- THIỀN HỌC VIỆT NAM của NGUYỄN ĐĂNG THỰC

Sắp phát hành :

- NÈO VÈ CỦA Ý của NHẤT HẠNH
- Ý VĂN I của TAM ÍCH
- EM BÉ PHÙ TANG do TRƯƠNG ĐÌNH CỬ dịch

TRONG GIA ĐÌNH EM ẨM
HAY TRÊN ĐƯỜNG XA
KHÁT MỆT



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai HÓA TIÊN!



FILTER
KING SIZE
CIGARETTES



Park Lane

FILTER

CIGARETTES



PURE VIRGINIA